

KienlongBank 

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023





# TỪ VIẾT TẮT

<b>NHNN:</b>	Ngân hàng Nhà nước
<b>ĐHĐCĐ:</b>	Đại hội Đồng cổ đông
<b>HĐQT:</b>	Hội đồng quản trị
<b>BKS:</b>	Ban Kiểm soát
<b>BDH:</b>	Ban Điều hành
<b>KBA:</b>	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Kiên Long
<b>TMCP:</b>	Thương mại Cổ phần
<b>ĐVKD:</b>	Đơn vị kinh doanh
<b>CBNV:</b>	Cán bộ nhân viên
<b>CTV:</b>	Cộng tác viên
<b>GDV:</b>	Giao dịch viên
<b>ASXH:</b>	An sinh xã hội
<b>QTRR:</b>	Quản trị rủi ro
<b>RR:</b>	Rủi ro



# MỤC LỤC

## CHƯƠNG

# 01

### LỜI NGỎ & THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HĐQT

- ❖ Lời ngỏ
- ❖ Thông điệp Chủ tịch HĐQT

06

## CHƯƠNG

# 02

### 28 NĂM SÁNG BỪNG SỨC SỐNG

- ❖ KienlongBank - 28 năm hình thành phát triển
- ❖ Công ty con, công ty trực thuộc
- ❖ KienlongBank và hành trình phụng sự Khách hàng
- ❖ 28 năm phát triển và những dấu mốc trên con đường Chuyển đổi Số
- ❖ Bản lĩnh “Người Thuyền trưởng”: Làm lớn để hội nhập Kỷ nguyên Số
- ❖ Cơ cấu cổ đông
- ❖ Dấu ấn & Sự kiện Số tiêu biểu năm 2023

14

## CHƯƠNG

# 03

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

- ❖ Thành công từ mô hình quản trị trong Kỷ nguyên Số
- ❖ Nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro trong Kỷ nguyên Số
- ❖ Ngân hàng Số: Tối ưu trải nghiệm cho người dùng cuối
- ❖ Vững vị thế đối với các sản phẩm & dịch vụ truyền thống
- ❖ “Chạm” đúng trải nghiệm Khách hàng trong Kỷ nguyên Số
- ❖ Xây dựng hình ảnh Ngân hàng Số lan tỏa các giá trị cộng đồng
- ❖ Kiến tạo nguồn nhân sự số thông qua các hoạt động văn hoá nội bộ

36

## CHƯƠNG

# 04

### BÁO CÁO

- ❖ Báo cáo Hội đồng quản trị
- ❖ Báo cáo Ban Điều hành
- ❖ Báo cáo Ban Kiểm soát
- ❖ Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán

56

## CHƯƠNG

# 05

### MẠNG LƯỚI CHI NHÁNH

153







# 01

*Lời ngỏ  
&  
Thông điệp  
Chủ tịch HĐQT*

1

2

3

4

5





Năm 2023 tiếp tục được ghi nhận là một năm nền kinh tế trong và ngoài nước đã phải đối mặt với nhiều thách thức, biến động khó lường. Nhưng là một ngân hàng có lịch sử hoạt động lâu đời và bền vững tại Đồng bằng sông Cửu Long, sau gần ba thập kỷ phát triển, KienlongBank vẫn luôn được sự tin tưởng và đồng hành từ hàng triệu Khách hàng trên cả nước.

Là năm thứ 3 trong hành trình Chuyển đổi Số vì mục tiêu phụng sự Khách hàng, số hoá nông thôn, KienlongBank đã chinh phục và tạo dấu ấn mạnh mẽ trong hành trình chuyển mình tại Kỷ nguyên Số. Bên cạnh các sản phẩm truyền thống vốn là sợi dây gắn kết với Khách hàng bao năm qua, cùng với dòng chảy và sự dịch chuyển của công nghệ, KienlongBank cũng thay đổi định hướng chiến lược, nhắm mục tiêu vào việc phát triển các sản phẩm bán lẻ, nâng tầm trải nghiệm Khách hàng với những sản phẩm, dịch vụ mới.

Chặng đường phía trước là một giai đoạn rất quan trọng đối với sự phát triển của KienlongBank, giai đoạn tiếp tục đẩy mạnh toàn diện và hoàn thiện mục tiêu Ngân hàng Số vào năm 2025. Với sự chuẩn bị kỹ lưỡng, KienlongBank đã sẵn sàng bút phá về tăng trưởng trong thời gian tới dựa trên nền tảng Chuyển đổi Số.







**Bà Trần Thị Thu Hằng**  
Chủ tịch HĐQT

## Thông điệp Chủ tịch HĐQT

*Kính gửi Quý Khách hàng, Quý Cổ đông, Quý Đối tác cùng toàn thể CBNV, CTV KienlongBank,*

**Vững vị thế trong một năm biến động**

Năm 2023 khép lại với những khó khăn, thách thức chưa từng có đối với nền kinh tế nói chung và ngành ngân hàng nói riêng. Là năm đầu tiên trong nhiệm kỳ mới của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát (2023 - 2027), với sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước cùng với đẩy mạnh việc chủ động kiểm soát và dự phòng nợ xấu, KienlongBank đã có một năm kinh doanh khả quan, các chỉ số tài chính tăng trưởng ổn định, làm tiền đề hướng đến một mô hình kinh doanh bền vững trong chiến lược số hoá toàn diện đến năm 2025.

Kiên định với mục tiêu dài hạn nhưng vẫn linh hoạt thích ứng với bối cảnh kinh tế từng thời kỳ, năm 2023, KienlongBank đã lấy yếu tố bền vững làm kim chỉ nam dẫn lối cho mọi hoạt động. Bên cạnh việc duy trì tốc độ tăng trưởng, KienlongBank cũng không ngừng nâng cao chất lượng tài sản, tiếp tục cơ cấu theo hướng giảm tỷ trọng tài sản có tỷ lệ rủi ro cao, cải thiện khả năng sinh lời; tập trung công tác tăng trưởng, cân bằng giữa huy động và hoạt động tín dụng nhằm nâng cao điểm an toàn vốn.

Song song với hoạt động kinh doanh, tiếp nối quá trình xây dựng nền tảng quản trị rủi ro, KienlongBank đã hoàn thành chuẩn mực Basel II, hướng tới triển khai và áp dụng Basel III vào quản trị doanh nghiệp, hoàn thiện mình bằng những chuẩn mực quốc tế. Các quy trình quản lý rủi ro với sự hỗ trợ của nền tảng công nghệ sẽ tăng cường kiểm soát hệ số rủi ro theo quy mô kinh doanh, nâng cao chất lượng và hiệu quả quản trị rủi ro.

Hành trình 28 năm hình thành và phát triển đã khoác lên KienlongBank một diện mạo mới với sự hiện đại, trẻ trung để bắt nhịp cùng xu thế Chuyển đổi Số đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu. Hoạt động Ngân hàng Số tiếp tục được chú trọng đầu tư, phát triển. Việc ra mắt các sản phẩm, dịch vụ mới cũng như mở rộng kết nối thúc đẩy mở rộng quy mô, nâng cao trải nghiệm Khách hàng.

Trong bối cảnh tài chính toàn cầu còn nhiều biến động, KienlongBank cũng chủ trương cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong các ngành, lĩnh vực là động lực ưu tiên của nền kinh tế như nông nghiệp nông thôn, sản xuất kinh doanh, tín dụng Xanh hay các dự án giảm thiểu hiệu ứng nhà kính...





### Sẵn sàng đột phá nhờ sự vượt trội của công nghệ

Nếu như năm 2023 được ví như năm bản lề trong lộ trình số hoá toàn diện thì 2024 sẽ là một năm “Tăng tốc Chuyển đổi Số”. Với những bước đi thận trọng, KienlongBank đang từng bước thiết lập và hoàn thiện các quy trình trực tuyến cho các sản phẩm, dịch vụ số của mình.

Bước sang năm thứ 4 trong chiến lược Chuyển đổi Số, KienlongBank tiếp tục đầu tư cho các hệ thống công nghệ, ứng dụng các công nghệ tiên tiến như AI, Blockchain hay Machine Learning... nhằm phục vụ cho việc hiện đại hóa Ngân hàng, trợ lực cho việc phát triển sản phẩm, dịch vụ mới, tăng cường cá nhân hoá và thuận tiện cho Khách hàng.

Tương lai của một Ngân hàng Số hiện đại, toàn diện sẽ được định hình trở thành mô hình bán, cung cấp dịch vụ chủ yếu trong giai đoạn 4.0 hiện nay, có tính dẫn dắt, định hướng chuyển đổi cả mô hình kinh doanh và vận hành hiện tại của KienlongBank. Sau giai đoạn tạo đà, khi các kênh giao tiếp số với Khách hàng ngày càng trở nên phổ biến, ngân hàng hợp kênh (Omnichannel) sẽ trở thành định hướng tất yếu trên hành trình Chuyển đổi Số và nâng cao trải nghiệm người dùng của KienlongBank. Thông qua việc đẩy mạnh tích hợp các dịch vụ Ngân hàng Số KienlongBank sẽ giúp người dùng và doanh nghiệp có thể dễ dàng tiếp cận các dịch vụ Tài chính - Ngân hàng.

Song song với đó, Ngân hàng cũng nâng cao hơn nữa năng lực giám sát, quản trị, đáp ứng các thông lệ về quản trị theo các chuẩn mực trong hoạt động ngân hàng về Môi trường (E) - Xã hội (S) - Quản trị (G). Với tinh thần đồng hành cùng Chính phủ thực hiện mục tiêu “Net Zero” (khí thải bằng 0) vào năm 2050, Ngân hàng sẽ đẩy mạnh các hoạt động nâng cao nhận thức; sử dụng và chuyển đổi năng lượng tái tạo nhằm giảm thiểu phát thải.

Đặc biệt, KienlongBank cũng sẽ ưu tiên phát triển mô hình văn phòng xanh thân thiện gắn với các hoạt động phát triển bền vững. Đặc biệt, Ngân hàng cũng sẽ đẩy mạnh các hoạt động Xanh thiết thực qua các chương trình phát triển tín dụng Xanh. Ngân hàng cũng luôn đề cao quản trị rủi ro để có thể hoạt động bền vững giữa nhiều biến đổi của thị trường, nâng cao khả năng mang lại giá trị. Xuất phát từ các hành động đơn giản, KienlongBank sẽ bắt đầu làm quen, gia tăng quy mô, lan tỏa nghĩa vụ và trách nhiệm đến với xã hội, cộng đồng bên cạnh nhiệm vụ kinh doanh nòng cốt.

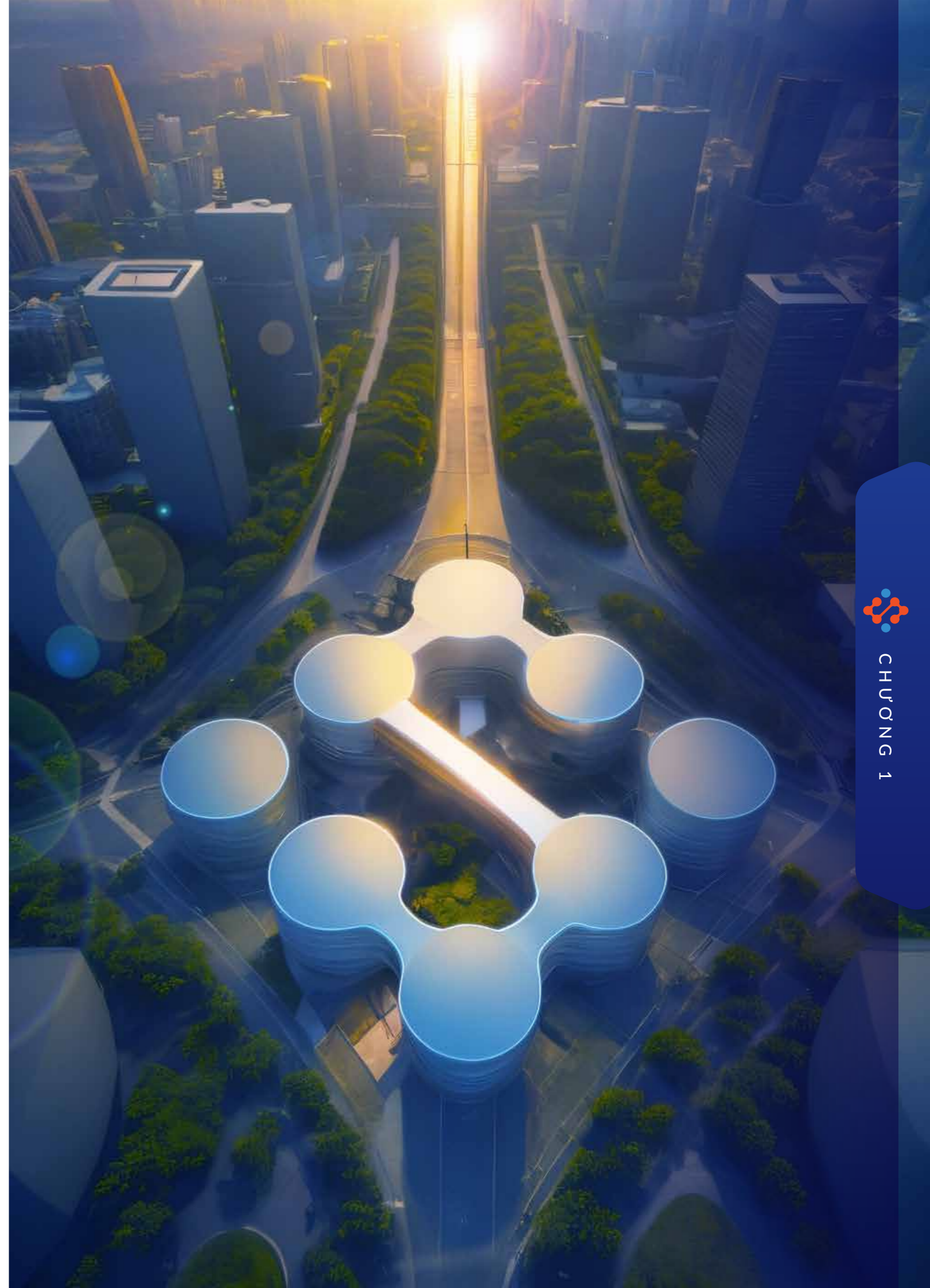
Với sự quyết tâm, đồng sức chung lòng của Ban Lãnh đạo cùng tập thể hơn 5.000 CBNV, CTV, KienlongBank chắc chắn sẽ bứt phá vươn xa, tạo dựng vị thế, xứng đáng với sự tin tưởng gửi trao của Quý Khách hàng, sự ủng hộ của Quý Cổ đông, Quý Đối tác. Một lần nữa thay mặt cho Hội đồng quản trị, Tôi kính chúc Quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN THỊ THU HẰNG





# 02

## 28 năm sáng bừng sức sống

28 năm qua, từ một Ngân hàng Nông nghiệp Nông thôn lấy việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng, mở rộng mạng lưới, chi nhánh là thước đo chính cho sự mở rộng thì một vài năm trở lại đây việc chuyển đổi hướng từ truyền thống sang Ngân hàng Số với việc gia tăng hàm lượng công nghệ là sự chuyển đổi mang tính cách mạng tại KienlongBank.

Công nghệ giúp KienlongBank đáp ứng các mục tiêu nâng cao chất lượng cung ứng sản phẩm, dịch vụ, gia tăng trải nghiệm và đáp ứng nhu cầu Khách hàng, là thước đo hiệu quả của quá trình Chuyển đổi Số. Trong đó, công nghệ lõi chính là con “át chủ bài” giúp mang tới các trải nghiệm đa chiều với các sản phẩm, dịch vụ đột phá cho Khách hàng.

1

2

3

4

5





# KIENLONGBANK

## 28 NĂM HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

Tên đầy đủ:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long
Tên giao dịch quốc tế:	Kien Long Commercial Joint Stock Bank
Tên gọi tắt:	Ngân hàng Kiên Long
Tên viết tắt:	KienlongBank
Công ty kiểm toán:	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn A&C
Chủ tịch HĐQT:	Bà Trần Thị Thu Hằng
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc:	Ông Trần Ngọc Minh
Mã giao dịch Swift:	KLBKVNXX
Mã số thuế:	1700197787
Website:	www.kienlongbank.com

Ngày 27/10/1995, Ngân hàng Kiên Long chính thức đi vào hoạt động:

- Giấy phép thành lập: Số 0056/NH-GP ngày 18/09/1995 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Đăng ký lần đầu ngày 10/10/1995, đăng ký thay đổi lần thứ 41, ngày 21/12/2022.

01 HỘI SỞ

02 VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

134 CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH

### HOẠT ĐỘNG CHÍNH



Huy động vốn ngắn, trung và dài hạn theo các hình thức tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi thanh toán, chứng chỉ tiền gửi.



Cấp tín dụng dưới hình thức cho vay, bảo lãnh, bao thanh toán, chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá.



Cung ứng các phương tiện thanh toán, cung ứng dịch vụ thanh toán, kinh doanh ngoại hối và thực hiện dịch vụ ngân hàng khác.

# CÔNG TY CON

## CÔNG TY TRỰC THUỘC

Tên tiếng Việt:	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kiên Long
Tên tiếng Anh:	KienlongBank Asset Management Company
Tên viết tắt:	Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng Kiên Long
Trụ sở chính:	Tầng 6, Số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, P. Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, T. Kiên Giang
Điện thoại:	(0297) 386 9950
Email:	kba@kienlongbank.com
Mã số thuế:	1701452905
Vốn điều lệ:	500 tỷ đồng

### LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- Cung cấp dịch vụ tư vấn giá bất động sản cho Khách hàng vay tại KienlongBank.
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho hàng phục vụ Khách hàng vay thế chấp tài sản bảo đảm là hàng hóa tại KienlongBank và các đối tượng Khách hàng khác.

### HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT NĂM 2023

- Tiếp tục cung cấp các dịch vụ định giá tài sản bảo đảm cho toàn hệ thống.
- Bước đầu triển khai đề án tái cơ cấu toàn diện KBA.
- Triển khai đổi thoại kinh doanh toàn hàng.
- Từng bước triển khai các cấu phần số hóa như chữ ký số, phần mềm định giá mới.

### MỤC TIÊU 2024

- Xây dựng công ty KBA đa nhiệm, hoạt động hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện tái cấu trúc, sử dụng hợp lý các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, đẩy mạnh và tiên phong trong việc áp dụng Chuyển đổi Số.
- Đồng hành hợp tác cùng đơn vị kinh doanh song song với việc nâng cao công tác quản trị hệ thống, quản trị rủi ro, áp dụng các giải pháp để tối ưu thời gian cung cấp dịch vụ, tuân thủ các cam kết với ĐVKD.
- Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên môn hóa mở rộng các lĩnh vực hoạt động.
- Xây dựng các sản phẩm ứng dụng số hóa trên nền tảng cơ sở dữ liệu.
- Nâng cao hiệu suất làm việc của người lao động từ đó nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống.

# KIENLONGBANK VÀ HÀNH TRÌNH PHỤNG SỰ KHÁCH HÀNG

## TẦM NHÌN



Trở thành thương hiệu Xanh và phát triển bền vững trong ngành ngân hàng Việt Nam.

## SỨ MỆNH



Cung cấp dịch vụ ngân hàng chuyên nghiệp, luôn mang lại giá trị gia tăng đối với Khách hàng, Cổ đông; chia sẻ giá trị Xanh và tiên phong tham gia các chương trình, hoạt động Xanh vì lợi ích phát triển cộng đồng tại Việt Nam.

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI



- ❖ **Tâm:** Dùng chữ “TÂM” để giao tiếp, hợp tác, phục vụ giữa con người với con người.
- ❖ **Tín:** Lãnh đạo có uy tín với nhân viên - Nội bộ đồng lòng, đoàn kết, gắn bó lâu dài; Nhân viên tạo được sự tin nhiệm với Khách hàng - Tạo sự gắn kết, trung thành.
- ❖ **Kiên:** Chia sẻ thông tin, ước mơ và thành công với Khách hàng; chia sẻ những lúc khó khăn với Khách hàng – Chính phục, Bản lĩnh vượt qua khó khăn – Kiên định.
- ❖ **Xanh:** Môi trường - Sức sống - Kỳ vọng - Hy vọng.



# 28 NĂM PHÁT TRIỂN

- Đưa vào hoạt động website mới: [www.kienlongbank.com](http://www.kienlongbank.com). Gia nhập Hệ thống Visa quốc tế.
- Đạt Chứng nhận 77/1.000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất năm 2013.
- Đạt Chứng nhận 55/500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2013 do Việt Nam Report cấp.

- Nâng cấp Hệ thống Thẻ với công nghệ tiên tiến của Tập đoàn Sungard tại Mỹ, hoạt động trên phạm vi toàn cầu.
- Triển khai nộp thuế điện tử, thanh toán trực tuyến.
- 27 CN và 76 PGD, 3.585 CBNV, CTV.

2014

2015

2007

- Tăng vốn điều lệ lên 580 tỷ đồng.
- Nhận Huân chương Lao động Hạng 3 do Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao tặng vì đã có thành tích xuất sắc từ năm 2002 đến 2006.

2006

- KienlongBank chuyển đổi mô hình từ Ngân hàng Nông thôn thành Ngân hàng Đô thị và đổi tên thành Ngân hàng TMCP Kiên Long.
- Được Thủ tướng Chính phủ Nước CHXHCN Việt Nam trao tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc từ năm 2001 đến năm 2005.

1995

- Ngày 27/10/1995, KienlongBank được thành lập với tên gọi Ngân hàng TMCP Nông thôn Kiên Long.
- Vốn điều lệ 1,2 tỷ đồng.

2016

- Phát hành thẻ tín dụng quốc tế KienlongBank Visa.
- Hoàn thành Trung tâm dữ liệu và nâng cấp hệ thống Core Thẻ.

2017

- Cổ phiếu KienlongBank (Mã chứng khoán KLB) chính thức giao dịch trên sàn UpCOM.
- Ký kết hợp đồng hợp tác với tổ chức Thẻ quốc tế JCB.

2022

- Nâng cấp, chuyển đổi hệ thống Core Thẻ Smart Vista.
- Hoàn thiện hệ thống quản trị theo chuẩn quốc tế Basel II.
- Được vinh danh trong Top 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam.
- Ứng dụng KienlongBank Plus lọt Top các sản phẩm, dịch vụ, giải pháp chuyển đổi số tiêu biểu tại Vietnam Digital Awards 2022.

2023

- Nâng cấp, chuyển đổi thành công hệ thống Core Banking.
- Ra mắt bộ MyShop & Paybox, được vinh danh giải thưởng Sao Khuê 2023.
- Tích hợp nhiều tiện ích vào ứng dụng KienlongBank Plus như thanh toán học phí, thu phí VETC, ePin, nickname...
- Được vinh danh Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh và Thương hiệu truyền cảm hứng giải thưởng Doanh nghiệp Châu Á - Thái Bình Dương.
- Top 10 nơi làm việc tốt nhất ngành ngân hàng.

2021

- Tăng vốn điều lệ lên 3.652,81 tỷ đồng.
- Kỷ niệm 26 năm thành lập và ra mắt Logo, Bộ nhận diện thương hiệu mới.
- Lần đầu tiên đưa vào hoạt động hệ thống máy giao dịch tự động thế hệ mới STM.
- Ra mắt ứng dụng Mobile Banking mới - KienlongBank Plus.

2020

- Tiếp tục đứng trong bảng xếp hạng Top VNR500, Top FAST 500 và Top PROFIT 500.
- Được vinh danh "Ngân hàng tiêu biểu vì cộng đồng".
- Đạt giải thưởng Ngân hàng dẫn đầu về phát hành thẻ tín dụng JCB.
- Nâng cấp thẻ từ lên thẻ chip VCCS với Napas.

2019

- Phát hành thẻ ghi nợ quốc tế KienlongBank JCB/Visa.
- Top 100 công ty đại chúng lớn nhất Việt Nam (Ngân hàng thứ 22) do Forbes Việt Nam bình chọn.
- Top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (PROFIT 500) 3 năm liền: 2017, 2018 và 2019.

2018

- Tăng vốn điều lệ lên 3.236,96 tỷ đồng.
- Phát hành thẻ tín dụng quốc tế KienlongBank JCB.
- Ký kết thỏa thuận hợp tác tư vấn triển khai thông tư 13/2018/TT-NHNN và thông tư 41/2016/Thông tư NHNN với KPMG.

# BẢN LĨNH “NGƯỜI THUYỀN TRƯỞNG”: LÀM LỚN ĐỂ HỘI NHẬP KỶ NGUYÊN SỐ

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 01 Bà Trần Thị Thu Hằng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



#### Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

#### Quá trình công tác:

Bà Trần Thị Thu Hằng có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành Tài chính - Ngân hàng. Giai đoạn 2011 - 2018, bà trải qua các vị trí quản lý cấp cao tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt (LPBank) và Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB).

Bà từng giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc tại Tập đoàn lớn. Bà giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT KienlongBank nhiệm kỳ 2018 - 2022 kể từ ngày 26/05/2021. Bà tái đắc cử Chủ tịch HĐQT KienlongBank nhiệm kỳ 2023 - 2027 từ ngày 27/04/2023.

### 03 Ông Lê Khắc Gia Bảo

Thành viên Hội đồng quản trị



#### Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Southern California University for Professional Studies. Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Chứng chỉ Kiểm toán viên Bộ Tài chính.

#### Quá trình công tác:

Ông Lê Khắc Gia Bảo có nhiều năm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí, chức vụ quan trọng. Ông từng là Kiểm toán viên tại Công ty kiểm toán Deloitte Việt Nam, từng đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng Kiểm toán - Kiểm soát tuân thủ Miền Nam Ngân hàng Techcombank. Ông tham gia KienlongBank từ tháng 03/2013.

Ông từng giữ các chức vụ như Trưởng Ban Kiểm soát (04/2018 - 04/2021), Chủ tịch HĐQT (04/2018 - 04/2021), thành viên HĐQT. Sau đó Ông đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát KienlongBank từ tháng 01/2022. Từ ngày 27/4/2023, Ông được bầu là Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2027.

*Bão càng lớn, thử thách càng nhiều thì càng cần những người Thuyền trưởng giỏi. “Lửa thử vàng, gian nan thử sức”, những vị Thuyền trưởng tại KienlongBank đã phát huy trí tuệ, bản lĩnh, sức sáng tạo, tinh thần kiên tâm, xây dựng đội ngũ kiên cường, tập thể hợp tác, đổi mới sáng tạo, thích ứng nhanh với thay đổi của thị trường.*

### 02 Ông Trần Ngọc Minh

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc



#### Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ kinh tế - Học viện Ngân hàng.

#### Quá trình công tác:

Ông Trần Ngọc Minh có gần 20 năm công tác tại các Ngân hàng, Tập đoàn lớn tại Việt Nam và nắm giữ nhiều chức vụ, vị trí quan trọng: Phó Giám đốc Chi nhánh, Trưởng phòng Thẩm định Hội sở, Giám đốc Nguồn vốn, Trưởng Ban Tài chính, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính.

Ông gia nhập và đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ tháng 01/2021 - 10/2021. Ông giữ Quyền Tổng Giám đốc KienlongBank từ tháng 10/2021 - 12/2021.

Ông đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 09/12/2021 và đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 28/12/2021 - tháng 04/2023. Hiện Ông là Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2023-2027 kiêm Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 27/04/2023.

### 04 Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

Thành viên Hội đồng quản trị



#### Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng - Trường Đại học Paris Dauphine - Pháp.

#### Quá trình công tác:

Bà đảm nhiệm nhiều vị trí, chức vụ quan trọng tại các ngân hàng lớn: Quyền Tổng Giám đốc tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt (BAOVIETBank), Giám đốc Vùng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB), Giám đốc Chi nhánh tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank)...

Bà gia nhập KienlongBank và đảm nhiệm chức vụ Cố vấn Chủ tịch Hội đồng quản trị từ năm 2021.

Bà chính thức đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 05/01/2023 đến 22/09/2023.

Bà được bầu là Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2027 từ ngày 27/04/2023.



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Luật - Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh. Thê thẩm định viên về giá của Bộ Tài chính.

### Quá trình công tác:

Ông Bùi Thanh Hải từng nắm giữ các vị trí Giám đốc, Thành viên HĐQT tại các doanh nghiệp trong nước. Từ tháng 04/2013 đến tháng 04/2019, Ông là thành viên HĐQT KienlongBank. Từ tháng 02/2018 đến tháng 05/2023, Ông đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản KienlongBank.

Ông được bầu là Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2027 từ ngày 27/04/2023.

## 05 Ông Bùi Thanh Hải

Thành viên Hội đồng quản trị



## 06 Ông Nguyễn Cao Cường

Thành viên Hội đồng quản trị

### Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

### Quá trình công tác:

Ông Nguyễn Cao Cường từng đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Kiểm tra Miền Nam tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB).

Từ tháng 08/2015, Ông giữ chức vụ Trưởng Kiểm toán nội bộ KienlongBank.

Ông đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát KienlongBank từ ngày 26/04/2018 và chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát KienlongBank từ ngày 01/01/2022. Ông được bầu là Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2027 từ ngày 27/04/2023.



## 07 Bà Nguyễn Thủy Nguyên

Thành viên Hội đồng quản trị

### Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

### Quá trình công tác:

Bà Nguyễn Thủy Nguyên có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Giai đoạn từ tháng 06/2006 - tháng 05/2014, Bà đảm nhiệm các vị trí quan trọng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank), Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB).

Bà cũng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc tại các Tập đoàn, Tổ chức kinh tế lớn. Bà được bầu là Thành viên HĐQT KienlongBank nhiệm kỳ 2023 - 2027 từ ngày 27/04/2023.



### Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Chứng chỉ Kiểm toán nội bộ Quốc tế (CPIA).

### Quá trình công tác:

Bà Đỗ Thị Tuyết Trinh có hơn 20 năm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí, chức vụ quan trọng tại các ngân hàng lớn như: Phó Trưởng phòng Kế hoạch và QLBN Ngân hàng Bưu điện Liên Việt (LPBank), Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank), Trưởng phòng Kiểm tra Kiểm soát nội bộ của Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu (GPBank), Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji.

Bà gia nhập KienlongBank và giữ vị trí Thành viên Ban Kiểm soát từ tháng 12/2021 đến tháng 04/2023.

Bà được bầu giữ vị trí Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2027 từ ngày 27/04/2023.

## BAN KIỂM SOÁT

## 01 Bà Đỗ Thị Tuyết Trinh

Trưởng Ban Kiểm soát



## 02 Ông Đặng Minh Quân

Thành viên Ban Kiểm soát

### Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Kinh tế - Trường Đại học Cần Thơ, Cử nhân Kế toán - Kiểm toán - Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Cử nhân Luật học - Trường Đại học Huế, Cử nhân Sư phạm ngoại ngữ - Trường Đại học Huế.

### Quá trình công tác:

Ông Đặng Minh Quân có 20 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Trong đó, giai đoạn từ 2003 - 2014, Ông đảm nhận các chức vụ quan trọng tại Sở Tài Chính Cà Mau như Thanh tra viên cấp 1, Giám định viên Tài chính - Kế toán, Phó trưởng Phòng Ngân sách.

Ông tham gia KienlongBank từ tháng 04/2014 đến nay và nắm giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát. Ông được bầu là Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2027 từ ngày 27/04/2023.



## 03 Ông Vũ Phạm Thái Hà

Thành viên Ban Kiểm soát

### Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Tài chính - Trường Đại học Portsmouth, Anh Quốc.

### Quá trình công tác:

Ông Vũ Phạm Thái Hà có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Ông từng giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Ban Điều hành; Phó Ban Đầu tư tại Ngân hàng TMCP Quốc dân (NCB) từ tháng 06/2015 - 01/2021.

Ông gia nhập KienlongBank và giữ vị trí Trợ lý Chủ tịch HĐQT từ tháng 02/2021 đến tháng 04/2023. Ông được bầu là Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2027 từ ngày 27/04/2023.



**01 Ông Trần Ngọc Minh**  
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc



**Trình độ chuyên môn:**  
Thạc sĩ kinh tế - Học viện Ngân hàng.

**Quá trình công tác:**

Ông Trần Ngọc Minh có gần 20 năm công tác tại các Ngân hàng, Tập đoàn lớn tại Việt Nam và nắm giữ nhiều chức vụ, vị trí quan trọng: Phó Giám đốc Chi nhánh, Trưởng phòng Thẩm định Hội sở, Giám đốc Nguồn vốn, Trưởng Ban Tài chính, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính.

Ông gia nhập và đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ tháng 01/2021 - 10/2021. Ông giữ Quyền Tổng Giám đốc KienlongBank từ tháng 10/2021 - 12/2021. Ông đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 09/12/2021 và đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 28/12/2021 - tháng 04/2023. Hiện Ông là Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ HĐQT 2023 - 2027 kiêm Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 27/04/2023.

**02 Ông Lê Trung Việt**  
Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Kinh tế ngành ngân hàng - Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

**Quá trình công tác:**

Ông từng là Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt. Tháng 12/2012, Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank. Tháng 12/2013, Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank kiêm Giám đốc Phòng Đầu tư.

Từ ngày 26/04/2018 đến tháng 01/2021, Ông đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc KienlongBank. Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 28/01/2021 đến nay.



**03 Ông Nguyễn Hoàng An**  
Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Ngân hàng - Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

**Quá trình công tác:**

Ông từng là Giám đốc Phòng Giao dịch, Giám đốc Chi nhánh, Trợ lý Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc KienlongBank kiêm Giám đốc Chi nhánh.

Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ tháng 10/2016 đến nay.



**04 Ông Trần Văn Thái Bình**  
Phó Tổng Giám đốc



**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

**Quá trình công tác:**

Ông đã có 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, từng đảm nhận nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc Phòng Khách hàng doanh nghiệp KienlongBank (từ tháng 04/2015), Trợ lý Tổng Giám đốc KienlongBank (từ tháng 04/2019), Giám đốc Khu vực 4 và Khu vực 8 kiêm Trợ lý Tổng Giám đốc KienlongBank (từ tháng 06/2020).

Kể từ tháng 05/2022, Ông chính thức đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám Đốc KienlongBank.

**05 Ông Nguyễn Văn Minh**  
Phó Tổng Giám đốc



**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Điện tử Viễn thông - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội.

**Quá trình công tác:**

Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin, từng thiết kế và xây dựng nhiều dự án phần mềm cho các tổ chức, cơ quan nhà nước và doanh nghiệp trong và ngoài nước. Chức vụ Ông đảm nhiệm gần nhất là Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH SSF Investment.

Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin KienlongBank từ ngày 07/01/2021 đến ngày 30/05/2021.

Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 31/05/2021 đến nay.

**06 Ông Trần Hồng Minh**  
Phó Tổng Giám đốc



**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Kinh tế Đầu tư - Trường Đại Học Kinh tế Quốc Dân.

**Quá trình công tác:**

Ông có gần 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại các ngân hàng lớn như: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (LPBank), Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)...

Trước khi được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank, Ông Minh giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Khách hàng chiến lược phía Bắc từ tháng 03/2021 đến tháng 11/2022.

Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 26/11/2022 đến nay.



## 07 Ông Đỗ Văn Bắc

Phó Tổng Giám đốc

### Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Tài chính - Ngân hàng - Học viện Ngân hàng.

### Quá trình công tác:

Ông có nhiều năm kinh nghiệm về tín dụng, dịch vụ Khách hàng, từng đảm nhiệm các vị trí: Phó Giám đốc kinh doanh Chi nhánh, Trợ lý Phó Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc Phụ trách Khách hàng cá nhân Hội sở, Giám đốc Khách hàng doanh nghiệp Hội sở.

Ông gia nhập KienlongBank từ tháng 09/2021 và chính thức đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc từ 22/09/2023.



## 08 Bà Vũ Đặng Xuân Vinh

Kế toán trưởng

### Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Kinh tế, Tài chính - Ngân hàng - Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

### Quá trình công tác:

Bà Vũ Đặng Xuân Vinh có gần 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Bà từng đảm nhiệm nhiều vị trí, chức vụ quan trọng như: Phó Giám đốc Kế toán Tài chính, Giám đốc Phòng MIS, Phó Giám đốc Khối quản trị và thương hiệu tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB).

Bà giữ chức vụ Giám đốc Kế toán Tài chính tại KienlongBank từ tháng 10/2020 đến nay. Bà chính thức đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng KienlongBank từ ngày 01/11/2023.



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông Ngân hàng TMCP Kiên Long tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông (cổ đông)	Số lượng phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Trong nước	1.794	365.281.052	100,00
	Tổ chức	11	39.927.195	10,93
	Cá nhân	1.782	321.553.857	88,03
	Cổ phiếu quỹ	1	3.800.000	1,04
2	Nước ngoài	3	826	0,00
	Tổ chức	-	-	-
	Cá nhân	3	826	0,00
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.797</b>	<b>365.281.878</b>	<b>100,00</b>



# DẤU ẤN & SỰ KIẾN TIÊU BIỂU *2023*

Hướng tới sự đơn giản, tiết kiệm thời gian, tiện lợi và mang lại những trải nghiệm đẳng cấp chưa từng có, KienlongBank ứng dụng công nghệ hiện đại để biến việc phục vụ tài chính cho những nhu cầu của Khách hàng trở thành một phần của cuộc sống thường nhật, lan tỏa Sức Sống Số trong kỷ nguyên Digi - Era đến với mọi tầng lớp người dân.





# HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT

## KienlongBank tổ chức thành công ĐHĐCĐ năm 2023



Tại Đại hội, các Cổ đông đã thực hiện bầu 07 thành viên HĐQT, 03 thành viên BKS soát nhiệm kỳ 2023 - 2027. Với sự đồng lòng và nỗ lực quyết tâm của HĐQT, BKS nhiệm kỳ mới, KienlongBank đã hoàn thành các kế hoạch kinh doanh được ĐHĐCĐ thông qua, vì sự phát triển của KienlongBank, và giá trị lợi ích tối ưu của Cổ đông. Theo đó, Ngân hàng đã vượt mục tiêu lợi nhuận trong năm 2023, đạt 719 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát dưới 2%.

## Ra mắt bộ Giải pháp quản lý tài chính cửa hàng - MyShop & Paybox

Dựa trên nền tảng công nghệ cùng hệ thống Core Banking thế hệ mới, KienlongBank đã cho ra mắt bộ Giải pháp quản lý tài chính cửa hàng - MyShop & Paybox được tích hợp ngay trên siêu ứng dụng KienlongBank Plus. Thay vì phải sử dụng nhiều nền tảng khác nhau, giờ đây, chỉ với duy nhất ứng dụng KienlongBank Plus, Khách hàng đã có thể quản lý, theo dõi tình hình tài chính của cửa hàng hay chuỗi cửa hàng.



## Tiên phong miễn/giảm/ưu đãi lãi suất, đồng hành cùng Khách hàng



Chỉ tính riêng trong năm 2023, KienlongBank đã dành hơn 10.000 tỷ đồng với 8 lần liên tục điều chỉnh và giảm lãi suất nhằm hỗ trợ Khách hàng cũng như chung tay cùng Chính phủ trợ lực cho nền kinh tế. Tổng mức giảm lãi suất đạt trên 3%, vượt so với mục tiêu của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước (từ 1,5% - 2%). Song song với đó, KienlongBank cũng dịch chuyển và hướng dòng vốn cho vay đến các lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu cũng như các lĩnh vực ưu tiên của nền kinh tế.

## Nâng cấp thành công hệ thống Core Banking

Năm 2022, KienlongBank đã thực hiện chuyển đổi, nâng cấp thành công hệ thống Core Thẻ mới SmartVista, đánh dấu bước chuyển quan trọng trong chặng đường bứt tốc Kỳ nguyên Số của Ngân hàng. Tiếp nối thành công của năm 2022, năm 2023 KienlongBank đã chuyển đổi và đưa vào vận hành hệ thống Core Banking thế hệ mới, đặt nền móng vững chắc cho việc phát triển, tích hợp các bộ giải pháp số riêng lẻ, đồng thời nâng cao chất lượng cho các sản phẩm, dịch vụ số cung cấp tới Khách hàng.



## KienlongBank mang sản phẩm dịch vụ số hỗ trợ công tác dạy và học



KienlongBank đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cũng như định hướng nghề nghiệp, mở ra cơ hội việc làm cho sinh viên các trường đại học trên cả nước. Ngân hàng đã hỗ trợ kinh phí xây dựng Phòng trải nghiệm Ngân hàng Số cho Trường Đại học Kiên Giang.

## Ra mắt dịch vụ Khách hàng cá nhân ưu tiên



Dịch vụ Khách hàng cá nhân ưu tiên không chỉ mang lại những giá trị gia tăng trong giao dịch tài chính mà còn là lời cam kết của KienlongBank trong việc nâng tầm dịch vụ, đưa đến những trải nghiệm xứng tầm, được cá nhân hoá để phù hợp với từng nhóm đối tượng Khách hàng khác nhau. Đây cũng là lời tri ân của KienlongBank dành cho Khách hàng vì đã đồng hành trong suốt thời gian qua.

## Ra mắt bộ Giải pháp KienlongBank Pay

Năm 2023, KienlongBank cũng là một trong những ngân hàng xây dựng các giải pháp quản trị tài chính toàn diện dành cho doanh nghiệp - KienlongBank Pay, đóng vai trò như một nền tảng đa giải pháp với KienlongBank Pay Enterprise và Professional. Với KienlongBank Pay, Khách hàng giờ đây đã có thể trải nghiệm các tiện ích thanh toán số, hỗ trợ không ngừng cho quá trình phát triển.



## Đưa vào loạt tính năng mới của Ngân hàng điện tử



Trong năm 2023, dựa trên lợi thế về công nghệ cùng định hướng Chuyển đổi Số, đẩy mạnh các hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt, KienlongBank cũng đã phát triển và đưa tới Khách hàng một loạt các tính năng mới đa tiện ích được tích hợp ngay trên ứng dụng KienlongBank Plus như Thanh toán thẻ tín dụng qua Napas, Thu phí VETC, Đổi mã pin thẻ trực tuyến (ePIN)...

## KienlongBank đẩy mạnh các chương trình phát triển nguồn nhân lực

Năm 2023, KienlongBank đã triển khai hàng loạt những chương trình, xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ lãnh đạo kế cận một cách chủ động, bài bản qua bốn chặng của chương trình "Giám đốc tương lai". Song song với đó, Ngân hàng còn triển khai các chiến dịch thu hút nguồn nhân lực trẻ tạo cơ hội được học hỏi và làm việc trong một môi trường năng động, sáng tạo.



## KienlongBank triển khai "Chiến dịch phát triển năng lực toàn diện"



Chiến dịch "Vi một Sài Gòn đổi mới - Bứt phá thành công" thí điểm tại Khu vực 4 đã ghi lại những dấu ấn đặc biệt về một chiến dịch chuyển đổi quy mô, tầm cỡ cho sự phát triển năng lực, tư duy, dịch vụ chuyên nghiệp cho CBNV.



# GIẢI THƯỞNG & DANH HIỆU



## Top 10 nơi làm việc tốt nhất ngành ngân hàng

Tại KienlongBank, ngay từ những bước đầu của hành trình Chuyển đổi Số, không chỉ tập trung cho phát triển và cập nhật công nghệ mới, Ngân hàng còn chú trọng đầu tư về mặt con người, xây dựng tư duy số cho CBNV, giúp CBNV luôn nhạy bén với sự phát triển như vũ bão của công nghệ, bắt nhịp với chiến lược chuyển đổi số chung của Ngân hàng. Với định hướng chung đó, KienlongBank được vinh danh giải thưởng “Top 10 nơi làm việc tốt nhất ngành ngân hàng”.



## Giải thưởng Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh

Với lợi thế về công nghệ, con người cùng chiến lược đầu tư hiệu quả, trong hành trình Chuyển đổi Số của mình, KienlongBank đã gặt hái được những thành tựu nổi bật. Tại giải thưởng Doanh nghiệp Châu Á - Thái Bình Dương, KienlongBank đã xuất sắc vượt lên nhiều doanh nghiệp, tổ chức khác được vinh danh là “Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh (Fast Enterprise)”.



## Giải thưởng Thương hiệu truyền cảm hứng

Trong suốt hành trình phát triển, có thể nói, điểm khác biệt và cũng là lợi thế của KienlongBank chính là khả năng kiến tạo nên những giá trị bền vững, song song với sự chủ động thay đổi liên tục để đáp ứng với sự phát triển năng động của thị trường. Nhờ đó mà KienlongBank đã được vinh danh là “Thương hiệu truyền cảm hứng (Inspirational Brand Award)” tại giải thưởng Doanh nghiệp Châu Á - Thái Bình Dương.



## Sản phẩm và Giải pháp truyền cảm hứng 2022

Đây là giải thưởng thường niên của Tổ chức thế Quốc tế JCB nhằm vinh danh các đối tác chiến lược là các tổ chức Tài chính - Ngân hàng uy tín tại thị trường Việt Nam. Giải thưởng được đánh giá dựa trên việc phát triển và nghiên cứu và đưa ra thị trường những sản phẩm, giải pháp mới.



## Giải thưởng Sao khuê 2023

MyShop cùng thiết bị hỗ trợ thanh toán Paybox giúp các chủ cửa hàng có thể tối ưu chi phí, tăng hiệu quả kinh doanh và đặc biệt là nâng cao hơn nữa trải nghiệm Khách hàng. Với những tính năng ưu việt, vượt qua nhiều sản phẩm và giải pháp tiềm năng khác, MyShop đã được đề cử và vinh danh tại Lễ trao giải thưởng Sao khuê 2023.



## Giải thưởng quốc tế về “Công nghệ ngân hàng vượt trội nhất Việt Nam” 2023

Dựa trên những thành tựu đạt được từ chiến lược đột phá là số hoá nền tảng hoạt động, cung cấp trải nghiệm đa tiện ích, riêng biệt cho Khách hàng, KienlongBank đã được tạp chí IBM vinh danh tại hạng mục “Công nghệ ngân hàng vượt trội nhất Việt Nam” năm 2023.





# 03

## *Kết quả hoạt động năm 2023*

Dù trải qua một năm đầy biến động song bằng chiến lược điều hành đúng đắn, KienlongBank vẫn cho thấy sự vững vàng, đồng hành cùng doanh nghiệp và người dân cũng như đảm bảo vai trò huyết mạch trong thanh toán và thúc đẩy nguồn vốn phục vụ nền kinh tế theo chủ trương chung của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước.



1

2

3

4

5

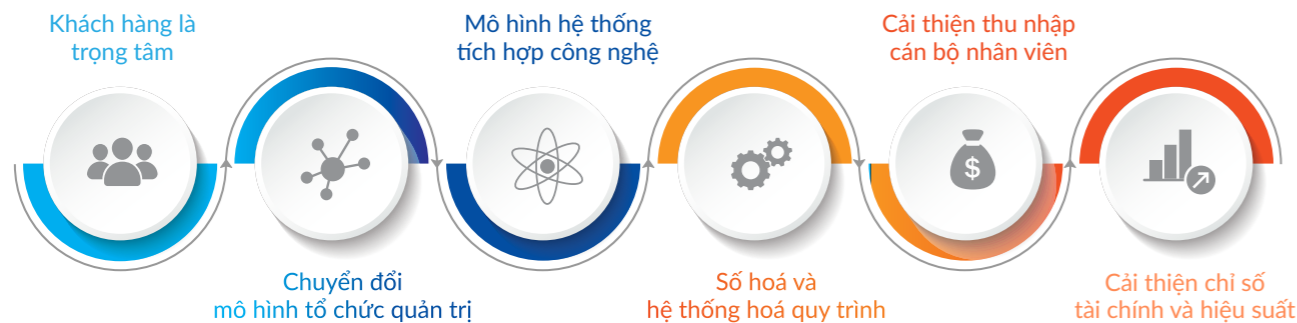


# THÀNH CÔNG TỪ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

## ĐỊNH HƯỚNG MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Với xuất phát điểm là một ngân hàng có quy mô hoạt động vừa và nhỏ, KienlongBank đã lựa chọn chiến lược đột phá là số hoá nền tảng hoạt động nhằm đưa đến hành trình trải nghiệm đa tiện ích dành cho Khách hàng. Trong bối cảnh đó, năm 2023 cũng là năm KienlongBank đẩy mạnh việc củng cố nền tảng quản trị ngân hàng thông qua việc kiện toàn cơ cấu tổ chức.

Bám sát phương hướng hoạt động đã được HĐQT đề ra, trong năm 2023, KienlongBank đã thực hiện xây dựng và triển khai Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2021 - 2025 với trọng tâm kiện toàn mô hình tổ chức gắn với chiến lược số hoá nền tảng Ngân hàng, hướng tới mô hình ngân hàng bán lẻ đa năng hiệu quả, đáp ứng tiêu chuẩn an toàn hoạt động.



### Định hình mô hình quản trị tập trung



Kiện toàn hệ thống



Nâng cao vai trò Quản lý chuyên môn hoá theo các tuyến

### Quản lý hiệu suất



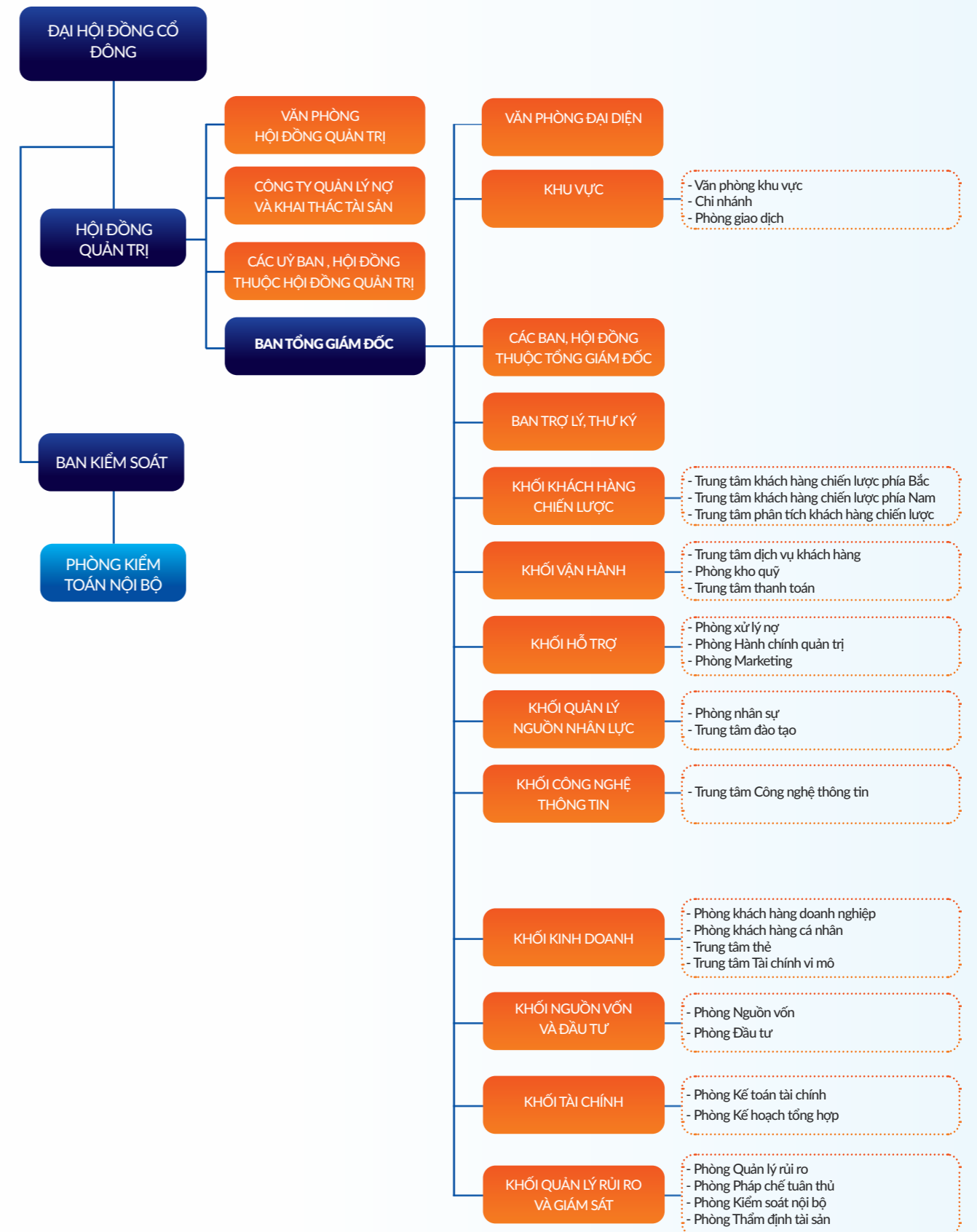
KPI



Thành lập ban dự án

Ngân hàng cũng đã từng bước triển khai áp dụng mô hình quản trị theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế, bao gồm việc tổ chức lại các mảng kinh doanh theo đối tượng Khách hàng thống nhất trong toàn hệ thống và theo loại hình kinh doanh đặc thù của Ngân hàng trên thị trường tài chính.

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





# NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

Bám sát theo yêu cầu về quản trị rủi ro của NHNN và định hướng từ HĐQT, khẩu vị rủi ro tại KienlongBank được đánh giá, rà soát và điều chỉnh phù hợp với định hướng phát triển theo từng thời kỳ và dựa theo biến động của thị trường. Song song với đó, ngoài việc đảm bảo tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn theo yêu cầu của cơ quan quản lý, KienlongBank cũng thiết lập các giới hạn kiểm soát nội bộ nhằm phản ánh mức độ rủi ro từ thấp đến cao phù hợp với mức độ trọng yếu của các chỉ tiêu tại Ngân hàng. Nhờ đó mà Ngân hàng có thể chủ động trong việc nhận diện và có các biện pháp xử lý sớm khi các tiêu chí khẩu vị rủi ro chạm ngưỡng cảnh báo.



Dựa trên bản chất của từng hoạt động trọng yếu, KienlongBank xác định các loại rủi ro phát sinh, đảm bảo tuân thủ yêu cầu của NHNN. Bao gồm:

## Rủi ro tín dụng

KienlongBank tổ chức hoạt động tín dụng theo mô hình ba tuyến bảo vệ đối với các hình thức cấp tín dụng theo đúng quy định của NHNN. Trên cơ sở đó, hoạt động tín dụng và hoạt động quản lý rủi ro tín dụng được định hướng thông qua hệ thống các văn bản của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Tổng Giám đốc. Cụ thể:

- Xây dựng Quy chế Quản lý rủi ro tín dụng trong đó đưa ra nguyên tắc chung, nội dung, phương pháp thực hiện và các công cụ quản lý để nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro trong hoạt động tín dụng nhằm phòng ngừa, cảnh báo và đưa ra các biện pháp hạn chế đến mức tối đa các rủi ro tín dụng phát sinh.
- KienlongBank tuân thủ các quy định về những trường hợp không được cấp tín dụng, hạn chế và giới hạn cấp tín dụng, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, theo đúng Quy định Quản lý các giới hạn, hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động cấp tín dụng tại Kienlongbank do Tổng giám đốc đã ban hành.. Định kỳ, KienlongBank sẽ xây dựng và ban hành hạn mức rủi ro tín dụng đối với từng đối tượng khách hàng, từng lĩnh vực ngành nghề trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá tình hình kinh tế thị trường và chiến

lược kinh doanh từng thời kỳ.

- Thực hiện chiến lược quản lý rủi ro, hạn mức rủi ro tín dụng đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN và pháp luật có liên quan. Chiến lược này nhằm đảm bảo tỷ lệ nợ xấu được đo lường, theo dõi, kiểm soát chặt chẽ và báo cáo kịp thời, tuân thủ các giới hạn được đặt ra cũng như có các biện pháp xử lý, ngăn ngừa cần thiết. Đồng thời với đó, ngân hàng cũng có thể đảm bảo các văn bản điều chỉnh hoạt động tín dụng luôn được rà soát đảm bảo phù hợp với thực tiễn hoạt động của Ngân hàng.

- Đánh giá về việc đo lường (các phương pháp, mô hình đo lường rủi ro tín dụng), theo dõi, kiểm soát rủi ro tín dụng: KienlongBank thiết lập hệ thống thông tin quản lý nhằm nhận dạng, đo lường, đánh giá và theo dõi một cách kịp thời, chính xác, thường xuyên, toàn diện các trạng thái, mức độ rủi ro, tình hình tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của KienlongBank và đảm bảo HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành được báo cáo kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin quan trọng về rủi ro tín dụng, hỗ trợ việc ra các quyết định kinh doanh phù hợp.

- Chú trọng ứng dụng công nghệ trong hoạt động quản lý rủi ro, tối đa các công cụ, hệ thống thông tin quản lý trong việc đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro tín dụng tốt hơn.

## 2.1. Rủi ro thị trường

- Chiến lược quản lý rủi ro thị trường được xây dựng phù hợp với chiến lược kinh doanh, chiến lược quản trị rủi ro của KienlongBank theo từng thời kỳ và thực hiện theo nguyên tắc tập trung tại Hội sở. KienlongBank cũng hướng tới việc quản lý tất cả các loại rủi ro thị trường có thể xảy ra, trong đó tập trung quản lý đối với các rủi ro thị trường trọng yếu trước nhất.

- Hạn mức rủi ro thị trường được xây dựng trên cơ sở chính sách quản lý rủi ro thị trường trong từng thời kỳ thể hiện loại rủi ro, cấu trúc rủi ro và các giới hạn rủi ro mà KienlongBank kiểm soát và giám sát. Hạn mức rủi ro thị trường được thiết lập tương ứng với từng sản phẩm, từng yếu tố rủi ro thị trường hoặc danh mục kinh doanh và từng cấp kinh doanh, phù hợp với tính hình thị trường từng thời kỳ.

- KienlongBank đã quy định cụ thể các nguyên tắc phân loại sổ và thực hiện phân tách các giao dịch thuộc sổ kinh doanh, ban hành đầy đủ các hạn mức rủi ro thị trường để quản lý, thực hiện đo lường các trạng thái sổ kinh doanh theo các nguyên tắc thị trường phù hợp.

- KienlongBank thực hiện việc đo lường rủi ro được thực hiện bằng các phương pháp, mô hình, kỹ thuật. Ngân hàng đảm bảo đo lường, định giá các giao dịch sổ kinh doanh theo nguyên tắc thị trường. Ngoài ra, việc theo dõi, kiểm soát rủi ro thị trường đảm bảo kịp thời, chính xác, đủ thông tin.

## 2.2. Rủi ro hoạt động

- KienlongBank xây dựng chiến lược rủi ro hoạt động nhằm định hướng, thúc đẩy, đảm bảo hoạt động kinh doanh phát triển bền vững, hiệu quả, hạn chế tối đa rủi ro xảy ra trên cơ sở cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro đồng thời đáp ứng yêu cầu của NNHN.

- Chiến lược quản lý rủi ro hoạt động được thực hiện theo nguyên tắc quản lý rủi ro hoạt động, mua bảo hiểm rủi ro hoạt động, sử dụng hoạt động thuê ngoài, xây dựng các kịch bản khắc phục trong tình huống sự cố nghiêm trọng do rủi ro hoạt động xảy ra.

- Kienlongbank thực hiện việc nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro hoạt động thông qua việc sử dụng các phát hiện của kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập; thu thập và phân tích dữ liệu tổn thất nội bộ và bên ngoài để xác định tổn thất nội bộ và của toàn hệ thống. Ngoài ra, KienlongBank đang có kế hoạch từng bước triển khai thêm một số công cụ đo lường rủi ro hoạt động như:

- Tự đánh giá kiểm soát rủi ro hoạt động để xác định hiệu quả của hoạt động kiểm soát đối với rủi ro hoạt động trước và sau khi kiểm soát.

- Chỉ số kết quả kinh doanh và chỉ số rủi ro trọng yếu để theo dõi yếu tố tác động đến rủi ro hoạt động và xác định các hạn chế, tồn tại và tổn thất tiềm ẩn.

- Phân tích kịch bản để xác định nguồn phát sinh rủi ro hoạt động và các yêu cầu kiểm soát, giảm thiểu rủi ro hoạt động trong các kịch bản và sự kiện có thể xảy ra.

### 2.3. Rủi ro thanh khoản

- Quản lý rủi ro thanh khoản được thực hiện hàng ngày. Trong năm 2023, các chính sách huy động vốn của KienlongBank luôn đảm bảo linh hoạt, phù hợp diễn biến thị trường và tình hình thanh khoản của Ngân hàng.
- KienlongBank kiểm soát rủi ro thanh khoản tuân thủ các hạn mức rủi ro thanh khoản theo quy định của NHNN và quy định nội bộ của KienlongBank, đảm bảo cảnh báo sớm các rủi ro thanh khoản và có các biện pháp xử lý kịp thời.
- Đánh giá về việc đo lường, theo dõi, kiểm soát rủi ro thanh khoản, thực hiện kiểm tra sức chịu đựng theo phương pháp phân tích kịch bản tối thiểu 06 tháng/lần.
- Xây dựng kế hoạch dự phòng nhằm đảm bảo khả năng thanh khoản.

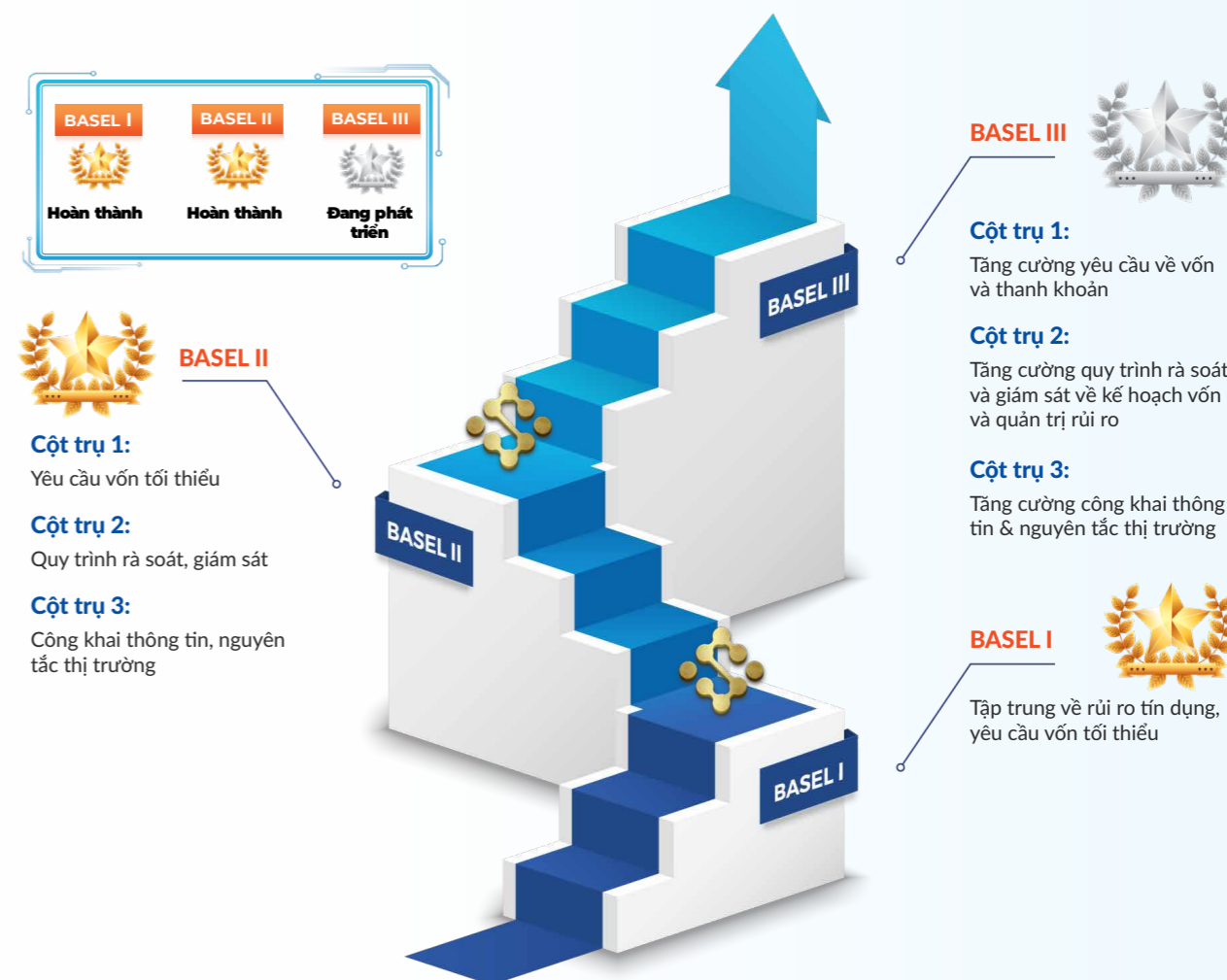
### 2.4. Rủi ro tập trung

- Chiến lược quản lý rủi ro tập trung được truyền thông rộng rãi đến tất cả các cá nhân và đơn vị có liên quan để hiểu và áp dụng thống nhất trên toàn hệ thống KienlongBank.
- Hạn mức rủi ro tập trung được KienlongBank ban hành từng thời kỳ, bao gồm hoạt động cấp tín dụng, hoạt động giao dịch tự doanh, đảm bảo tuân thủ quy định NHNN.
- Trong năm 2023, KienlongBank cũng đã sửa đổi công cụ quản lý nhóm Khách hàng liên quan nhằm giúp các ĐVKD chủ động trong việc quản lý nhóm Khách hàng liên quan trong hoạt động cấp và quản lý tín dụng tại đơn vị.

### Quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

- Việc kiểm soát và giảm thiểu rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng được thực hiện định kỳ, đảm bảo tuân thủ hạn mức được phê duyệt.
- Điều chỉnh bổ sung kịp thời các phương pháp đo lường và hạn mức cảnh báo trong các trường hợp có sự thay đổi về môi trường và điều kiện có thể làm ảnh hưởng đến tính phù hợp của các phương pháp, hạn mức này.

Tiếp nối hoàn thành 3 trụ cột của Basel II, tuân thủ quy định NHNN, năm 2023 KienlongBank tăng cường công tác chuyển đổi số, áp dụng tự động hóa vào công tác tính toán báo cáo, đảm bảo cung cấp thông tin nhanh chóng, chính xác cho Ban lãnh đạo nhằm đưa ra quyết định kinh doanh kịp thời.



Nhận thức được việc tuân thủ các chuẩn mực Basel có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh hiện nay nên sau khi hoàn thành 3 trụ cột của Basel II, Kienlongbank đang tiến hành triển khai chuẩn mực Basel III Reform nhằm nâng cao công tác quản trị rủi ro và tăng khả năng cạnh tranh của KienlongBank trên thị trường trong nước và quốc tế. Cũng nhờ chú trọng trong hoạt động quản trị rủi ro mà KienlongBank đang giữ vững được vị thế trong bối cảnh nền kinh tế vẫn còn nhiều biến động trong năm qua. Tỷ lệ nợ xấu cả năm được duy trì ở mức thấp, đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN.

Song song với đó, bằng việc nhìn nhận được tình hình kinh tế sẽ vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn tới, một mặt KienlongBank đã thực hiện dịch chuyển cơ cấu các khoản vay sang hướng tiết giảm tỷ lệ cho vay trong các lĩnh vực rủi ro, hướng dòng tiền đến các lĩnh vực ưu tiên, là động lực thúc đẩy nền kinh tế theo quy định của Chính phủ. Mặt khác, Ngân hàng cũng chủ động trong việc gia tăng trích lập dự phòng, xây dựng bộ đệm vững chắc để sẵn sàng ứng phó với các kịch bản xấu có thể xảy ra.



# MỞ APP KIENLONGBANK PLUS

Nhận TÀI KHOẢN NHƯ Ý



## NGÂN HÀNG SỐ: TỐI ƯU TRẢI NGHIỆM CHO NGƯỜI DÙNG CUỐI

### 1. Dịch vụ Ngân hàng điện tử

Với dịch vụ Ngân hàng điện tử dành cho Khách hàng cá nhân và doanh nghiệp tại KienlongBank, Khách hàng có thể tiết kiệm tối đa thời gian, với thông tin được bảo mật tuyệt đối cùng khả năng dễ dàng truy cập vào tài khoản mọi lúc mọi nơi để trải nghiệm đa dạng các dịch vụ khác nhau.

- **Quản lý tài khoản:** Tra cứu thông tin, sao kê tài khoản, thông tin tiết kiệm, theo dõi các khoản vay hay thực hiện các thao tác liên quan đến thẻ...
- **Chuyển khoản:** Chuyển tiền nội mạng, liên ngân hàng, chuyển tiền qua thẻ hay chuyển tiền định kỳ...
- **Thanh toán:** Thanh toán hoá đơn, nạp tiền điện thoại, thanh toán mua hàng trực tuyến...
- **Nộp thuế trực tuyến:** Hỗ trợ nộp thuế, nộp học phí trực tuyến.

Bên cạnh đó, KienlongBank cũng đẩy mạnh trong việc mở rộng mạng lưới đối tác, các đại lý ngân hàng giúp mang đến sự thuận tiện cho Khách hàng khi sử dụng sản phẩm/dịch vụ của KienlongBank: Chuyển tiền đi/ Nhận tiền đến trong nước, Chuyển tiền nước ngoài...

### 2. Ngân hàng Số: Định hướng hoạt động dựa trên công nghệ và dữ liệu

Tính đến năm 2023, bên cạnh các loại hình dịch vụ Ngân hàng điện tử, các sản phẩm, dịch vụ Ngân hàng Số tại KienlongBank tương đối đa dạng và bắt kịp với xu hướng công nghệ trên thế giới, bao gồm thẻ phi vật lý, không gian giao dịch số hóa, phương thức thanh toán trên nền tảng di động, dịch vụ trung gian thanh toán và tư vấn tự động sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI)...

Kế hoạch hiện đại hoá công nghệ cũng được triển khai theo 4 trụ cột chính, bám sát định hướng của Ban Lãnh đạo cũng như chiến lược kinh doanh ở thời điểm hiện tại, bao gồm: Chuyển đổi dữ liệu từ dạng vật lý sang dạng kỹ thuật số; Tự động quy trình vận hành hiện tại, tăng hiệu quả, giảm chi phí; Số hoá toàn diện và Đảm bảo an toàn, bảo mật cho toàn hệ thống Ngân hàng.

Mảng dịch vụ thanh toán điện tử là cấu phần quan trọng trong hoạt động Ngân hàng Số tại KienlongBank với các kênh thanh toán điện tử phổ biến là qua Internet, ví điện tử (SePay, Payoo...). KienlongBank cũng đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ mới, ngân hàng lõi để phục vụ các hoạt động của Ngân hàng Số thông qua việc đầu tư, nâng cấp hệ thống Core Thẻ và Core Banking.

Nhiều công nghệ hiện đại, đột phá đã được KienlongBank ứng dụng vào hoạt động. Ngân hàng cũng đã áp dụng cả công nghệ sinh trắc học, nhận diện khuôn mặt, để mang đến những sản phẩm công nghệ chiến lược, những dịch vụ tài chính đa tiện ích cho Khách hàng. Được ứng dụng trong hệ thống máy ATM, tại KienlongBank, Khách hàng có thể dễ dàng trong việc tạo tài khoản ngân hàng, mở/ khóa thẻ trực tuyến...



# VỮNG VỊ THẾ ĐỐI VỚI CÁC SẢN PHẨM & DỊCH VỤ TRUYỀN THỐNG

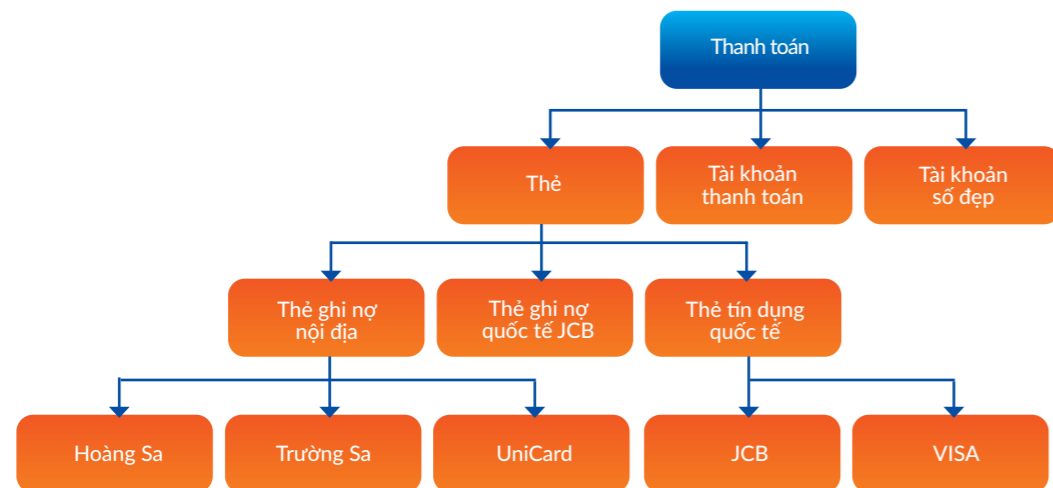
Việc phát triển dịch vụ Tài chính - Ngân hàng bán lẻ là định hướng chiến lược quan trọng hàng đầu của KienlongBank. Thông qua đó, đây sẽ là tiền đề để giúp mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo nguồn vốn trung và dài hạn ổn định để phục vụ phát triển kinh tế.



## 1. Khách hàng cá nhân

### 1.1. Sản phẩm thanh toán & tín dụng

Gói sản phẩm thanh toán của KienlongBank bao gồm các dịch vụ tài khoản số đẹp; thẻ; ... giúp Khách hàng thanh toán, nhận tiền một cách nhanh chóng, tiện lợi.



Trong lĩnh vực thẻ, KienlongBank luôn nỗ lực trở thành ngân hàng tiên phong trong việc đổi mới sáng tạo, đa dạng hóa sản phẩm, phát triển dịch vụ mới, nâng cao chất lượng dịch vụ và ứng dụng công nghệ hiện đại. Với định hướng và chiến lược đúng đắn, năm 2023, ngoài các sản phẩm thẻ truyền thống, KienlongBank đã phát hành thẻ JCB Contactless và đạt giải thưởng "Sản phẩm và giải pháp truyền cảm hứng 2022" do JCB trao tặng.

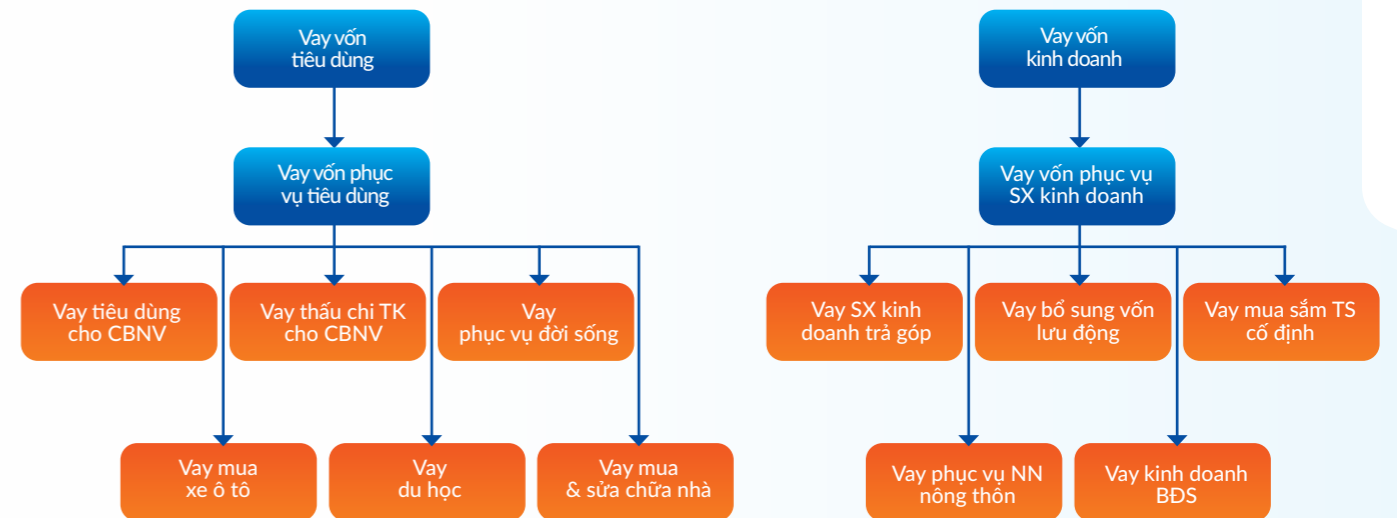
Trước đó, Ngân hàng đã thực hiện chuyển đổi thành công hệ thống Core Thẻ mới - SmartVista. Với nền tảng mới sẽ giúp gia tăng tính bảo mật, thêm tiện ích

Một số dòng thẻ KienlongBank đang áp dụng như:

Thẻ tín dụng quốc tế KienlongBank Visa/JCB	Thẻ ghi nợ quốc tế KienlongBank JCB	Thẻ ghi nợ nội địa KienlongBank UniCard	Thẻ ghi nợ nội địa Hoàng Sa Việt Nam - Trường Sa Việt Nam
--	-------------------------------------	---	---

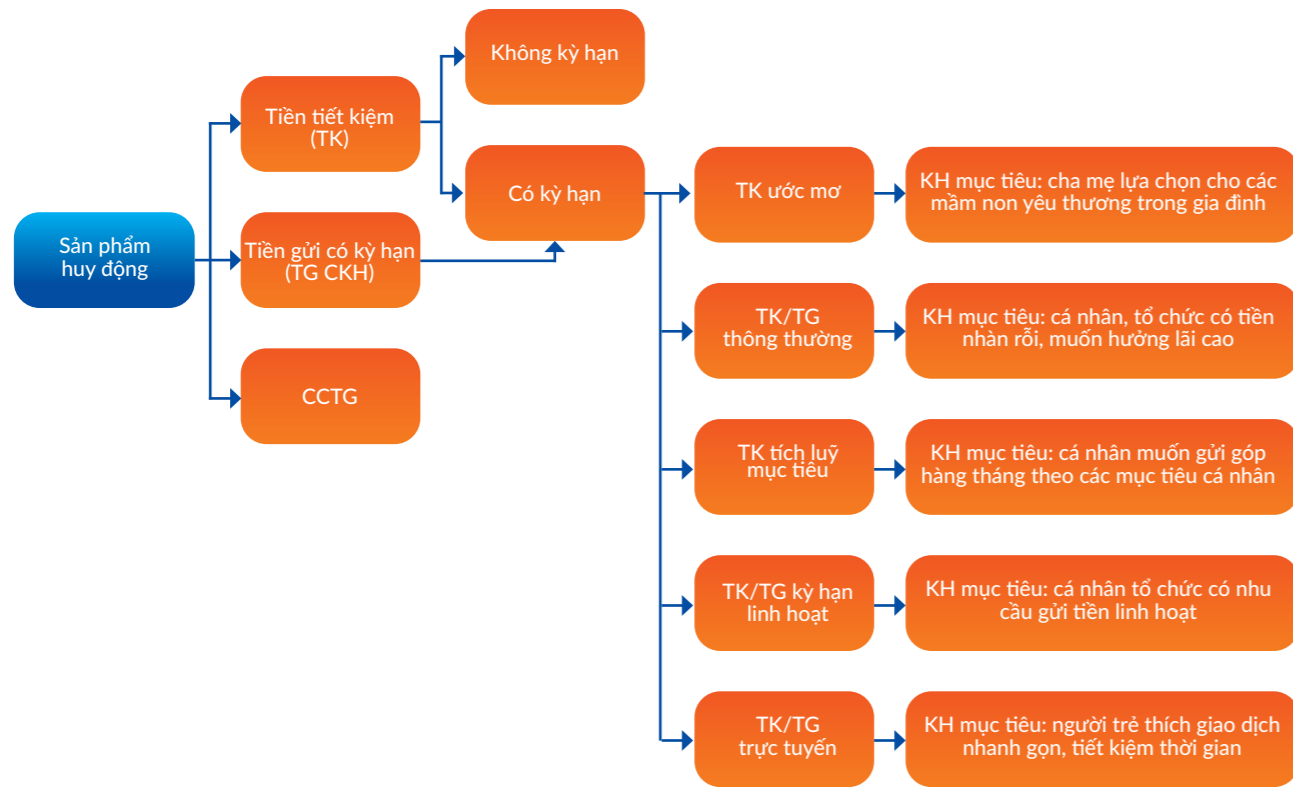
Trong lĩnh vực tài khoản thanh toán, ngoài lựa chọn tài khoản thông thường, KienlongBank còn cung cấp dịch vụ Tài khoản số đẹp theo ngày tháng năm sinh, hoặc các dãy số mang ý nghĩa may mắn trong công việc và cuộc sống. KienlongBank cung cấp vô vàn số đẹp để lựa chọn với nhiều loại tài khoản thanh toán, thể hiện phong cách, đẳng cấp.

Trong lĩnh vực tín dụng, KienlongBank đáp ứng nhanh chóng, kịp thời nhu cầu vay vốn lưu động trên cơ sở thấu hiểu dòng tiền tiêu dùng và kế hoạch sản xuất kinh doanh của các Khách hàng cá nhân, tự hào là đối tác tin cậy giúp hiện thực hóa mục tiêu của mỗi Khách hàng.





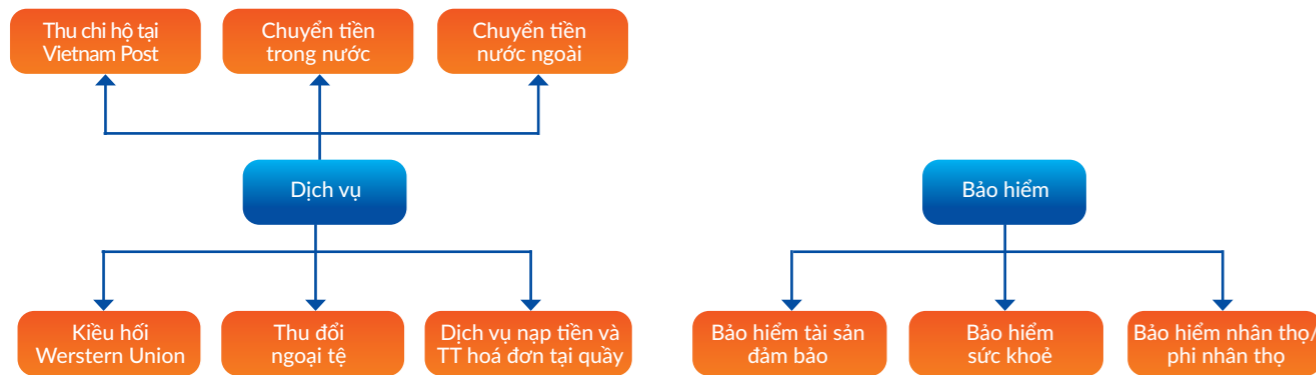
## 1.2. Sản phẩm huy động



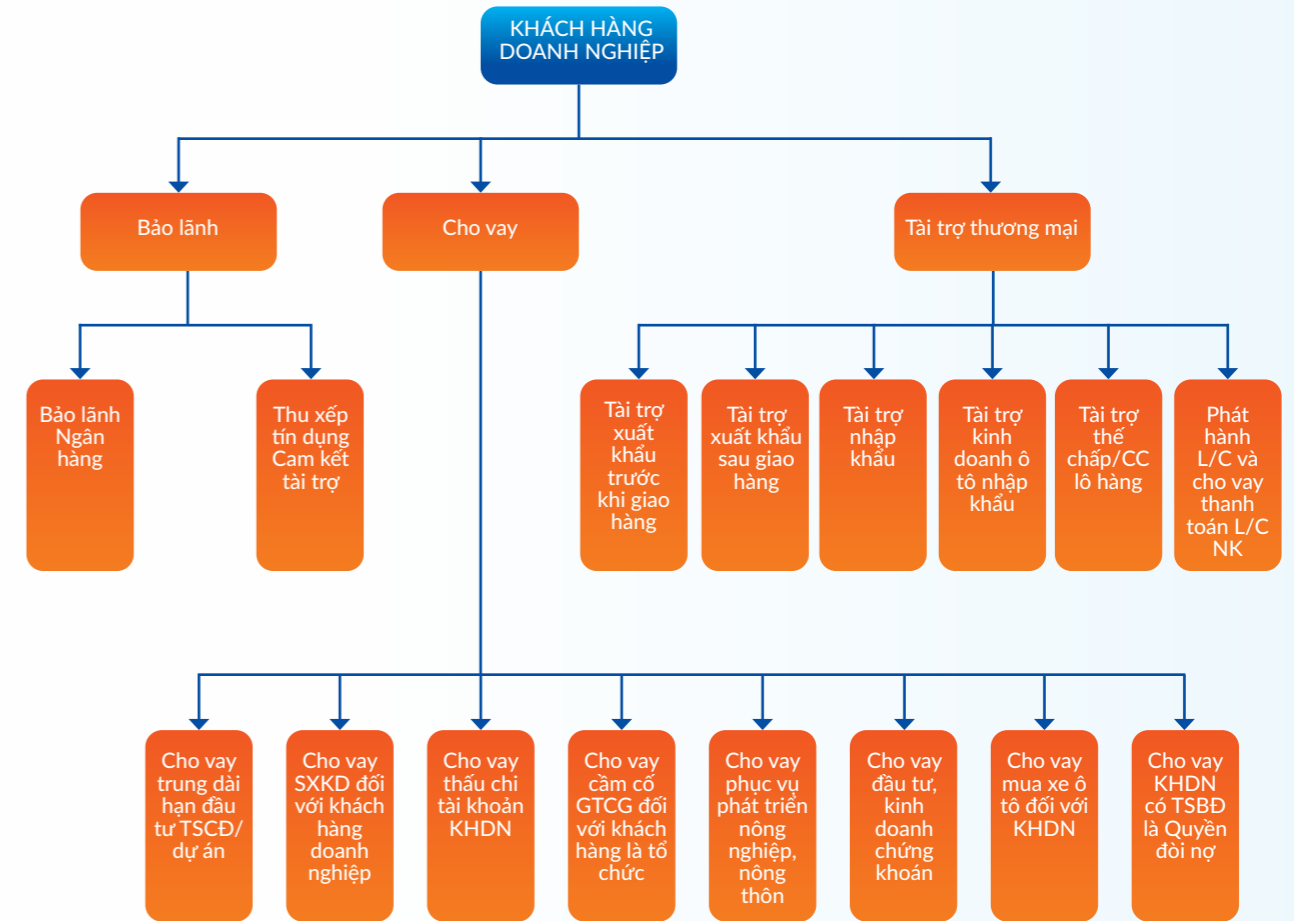
## 1.3. Dịch vụ & Bảo hiểm

Nhằm đáp ứng nhu cầu của phân khúc Khách hàng cá nhân cho mục đích tiêu dùng cũng như sản xuất kinh doanh, KienlongBank triển khai một số dịch vụ & sản phẩm bảo hiểm như:

- Thu chi hộ tại Vietnam Post
- Chuyển tiền đi trong nước
- Dịch vụ chuyển tiền nhanh liên ngân hàng
- Bảo hiểm sức khoẻ
- Bảo hiểm tài sản đảm bảo...



## 2. Khách hàng doanh nghiệp





## “CHẠM” ĐÚNG TRẢI NGHIỆM KHÁCH HÀNG TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

Chiến lược Số hóa toàn diện đã tạo ra sự thay đổi và đột phá trong hoạt động, nâng cao chất lượng dịch vụ tại KienlongBank, mang tới cho Khách hàng nhiều tiện ích, và giá trị trong cuộc sống. Trong năm 2023, KienlongBank cũng đã chuyển đổi thành công hệ thống Core Banking, nâng cấp hệ thống Core Thẻ và chuyển đổi môi trường văn phòng số E-Office cho toàn hệ thống. Đây là bước đà quan trọng cho quá trình Chuyển đổi Số toàn diện cho hệ thống cũng như mô hình kinh doanh mục tiêu theo xu hướng kỷ nguyên 4.0 mà KienlongBank đã đề ra.

Ngân hàng cũng đẩy mạnh củng cố nền tảng quản trị ngân hàng và quản trị rủi ro vững mạnh thông qua kiện toàn mô hình cơ cấu tổ chức, thực hiện kiểm soát, giám sát mọi hoạt động theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế, hoàn thành việc áp dụng tiêu chuẩn Basel II.

Định hướng trong giai đoạn tới, KienlongBank sẽ tập trung tăng cường năng lực quản trị, kiện toàn bộ máy và nguồn lực tài chính. Ngân hàng sẽ đẩy mạnh các sản phẩm - dịch vụ số hóa, ứng dụng công nghệ AI hỗ trợ và phục vụ tối đa nhu cầu của Khách hàng; tích cực xây dựng hệ sinh thái với các đối tác thương mại điện tử phát triển các sản phẩm được “may đo” riêng biệt cho từng đối tượng Khách hàng; gia tăng giá trị trong “một điểm chạm”.

Bên cạnh việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng đa dạng, chuyên nghiệp với định hướng phát triển Ngân hàng Số, nhằm mang lại giá trị gia tăng cho Khách hàng, Đối tác và Cổ đông, sứ mệnh mà KienlongBank luôn hướng đến là sẵn sàng chia sẻ giá trị vì lợi ích phát triển cộng đồng và sự thịnh vượng của tầng lớp doanh nghiệp tại Việt Nam.

KienlongBank sẽ phát huy vai trò chủ động của ngành ngân hàng với trách nhiệm dành cho xã hội, cộng đồng, sẵn sàng sẻ chia khó khăn, luôn đồng hành cùng Khách hàng và doanh nghiệp. Ngân hàng đã chủ động triển khai các gói tín dụng ưu đãi với lãi suất hấp dẫn. Thông qua việc giảm lãi suất này, Ngân hàng kỳ vọng sẽ chung tay cùng với Chính phủ, trợ lực cho nền kinh tế, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân trong khả năng tiếp cận nguồn vốn, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực ưu tiên.





# XÂY DỰNG HÌNH ẢNH NGÂN HÀNG SỐ LAN TỎA CÁC GIÁ TRỊ CỘNG ĐỒNG

## 1. Đồng hành cùng cộng đồng phát triển sản xuất, kinh doanh



Năm 2023, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp trong các lĩnh vực xây dựng, xuất nhập khẩu, may mặc, nhiên liệu... Các chuỗi sản xuất, cung ứng, tiêu thụ bị ảnh hưởng đã tác động đến hoạt động kinh doanh của nền kinh tế nói chung cũng như của ngành ngân hàng nói riêng.

Trước tình hình đó, bám sát định hướng, chỉ đạo của NHNN cũng như thấu hiểu những khó khăn mà Khách hàng đang gặp phải, năm 2023, KienlongBank đã ban hành nhiều cơ chế chính sách quan trọng liên quan đến việc tháo gỡ khó khăn cho Khách hàng và doanh nghiệp. Thông qua thực hiện chính sách miễn, giảm lãi suất từ KienlongBank đã góp phần không nhỏ trong việc thực hiện “mục tiêu kép”, vừa tập trung tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh phát triển, nâng cao chất lượng đời sống người dân, vừa góp phần thúc đẩy kinh tế chung của đất nước.

Trên thực tế, KienlongBank đã ghi nhận tổng cộng 8 lần liên tục giảm lãi suất cho vay với tổng mức giảm trên 3%. Các chương trình ưu đãi lãi vay với mức lãi suất chỉ từ 7,6%/năm đáp ứng đa dạng nhu cầu, mục đích của Khách hàng cá nhân như: Mua bất động sản, ô tô; Tiêu dùng, xây sửa nhà; Bổ sung vốn, đầu tư tài sản để sản xuất kinh doanh; Hỗ trợ chi phí du học; Sản xuất nông nghiệp... hay 7,3%/năm đối với Khách hàng doanh

nh nghiệp SME.

Không dừng lại ở đó, chương trình “Lãi 0 đồng - Thông nguồn vốn” được KienlongBank triển khai nhằm hỗ trợ cho Khách hàng cá nhân đẩy mạnh sản xuất, phát triển nông nghiệp, nông thôn; phục vụ nhu cầu vay vốn tiêu dùng, đời sống... Khách hàng tham gia gói vay sẽ được hưởng mức lãi suất ưu đãi 0% trong tháng đầu tiên.

Song song với đó, Ngân hàng cũng đẩy mạnh các hoạt động nâng cao chất lượng phục vụ, đẩy nhanh thủ tục trong quá trình xét duyệt hồ sơ, rút ngắn quá trình giải ngân cho khách hàng với một mục tiêu đưa ngân hàng đến gần hơn với Khách hàng... Không chỉ đồng hành cùng doanh nghiệp và người dân trong việc duy trì, khôi phục sản xuất, kinh doanh, phục vụ đời sống thông qua các chương trình tín dụng ưu đãi, KienlongBank còn thực hiện hỗ trợ miễn, giảm nhiều loại phí, cơ cấu nợ và giữ nguyên nhóm nợ... nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tiết giảm chi phí, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

## 2. Đồng hành cùng cộng đồng với các chương trình an sinh xã hội

Hơn **6 TỶ** ASXH cho năm 2023 **30 TỶ** cho chương trình “San sẻ yêu thương - Thêm hương ngày Tết” năm thứ 11

Với mục tiêu xuyên suốt hướng tới một ngân hàng Xanh, chia sẻ giá trị Xanh và tiên phong trong các chương trình, hoạt động Xanh vì lợi ích cộng đồng tại Việt Nam, KienlongBank luôn đồng hành với chính quyền địa phương triển khai các chương trình an sinh xã hội có ý nghĩa thiết thực như trao tặng 05 căn nhà Đại đoàn kết cho bà con Hòn Đất và U Minh Thượng, Rạch Giá; trao tặng quà Tết và xây dựng “Mái ấm vùng cao” cho các gia đình thuộc hộ nghèo, đặc biệt khó khăn tại Mường Nhé, Điện Biên; chương trình thiện nguyện Trường Sa... Tất cả đều góp phần lan tỏa thông điệp “Sẵn lòng chia sẻ”, góp phần làm cho cuộc sống trở nên ý nghĩa và tươi đẹp hơn.

Là một trong số những hoạt động an sinh xã hội điển hình, hành trình “San sẻ yêu thương - Thêm hương ngày Tết” được KienlongBank triển khai định kỳ trong hơn 11 năm qua. Vượt lên trên ý nghĩa của các chương trình từ thiện đơn thuần, với

tinh thần sẵn sàng chung tay giúp sức cùng cộng đồng, thấu hiểu và sẻ chia với những hoàn cảnh khó khăn trên cả nước. Năm 2023, chương trình được tổ chức với hơn 8.000 phần quà ý nghĩa với tổng giá trị gần 5 tỷ đồng...

Không chỉ hoạt động trong vai trò một Ngân hàng Số tiên phong trong việc ứng dụng và triển khai những công nghệ mới để tối đa hoá lợi ích và đáp ứng nhu cầu của nhiều bộ phận Khách hàng, KienlongBank đã và đang phát triển, hoàn thiện để trở thành một Ngân hàng Số toàn dân, gắn liền lợi ích của người dân đối với hoạt động của Ngân hàng, đưa Ngân hàng trở thành cầu nối mang những sản phẩm dịch vụ tài chính đến với mọi nhà.



CHƯƠNG 3



# KIẾN TẠO NGUỒN NHÂN SỰ SỐ THÔNG QUA CÁC HOẠT ĐỘNG VĂN HOÁ NỘI BỘ

## 1. Công tác nhân sự và đào tạo nội bộ



Nhìn nhận yếu tố nhân sự đóng vai trò là một trong những con "át chủ bài" trong bối cảnh Ngân hàng đẩy mạnh hoạt động Chuyển đổi Số, KienlongBank đã luôn nỗ lực kiện toàn và bồi dưỡng nhân tài ở mọi cấp độ. Năm 2023, KienlongBank đã:

### Kiện toàn nguồn nhân lực trong Kỳ nguyên Số:

- **823** nhân sự mới gia nhập
- **195** nhân sự được bổ nhiệm chức vụ mới
- **468** nhân sự được bố trí luân chuyển/điều chỉnh chức danh

### Kiện toàn chế độ phụ cấp công việc:

- Phụ cấp điện thoại, đi lại
- Phụ cấp làm thêm giờ
- Phụ cấp đi công tác
- Phụ cấp bố trí nghỉ bù, làm thêm giờ
- Phụ cấp làm xa nhà

### Chương trình Thực tập sinh:

- **900** thực tập sinh đăng ký
- **137** nhân sự được tuyển dụng sau chương trình

### Xây dựng hệ thống thưởng thường nội bộ:

- Thưởng nóng
- Thưởng cống hiến
- Thưởng hiệu quả kinh doanh
- Thưởng vinh danh cá nhân và tập thể

### Chính sách nhân sự:

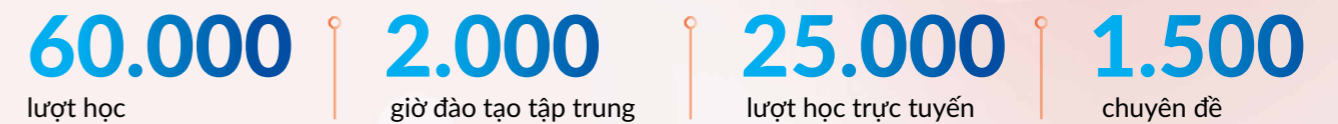
- Áp dụng dự án KPI mới
- Chuyển đổi Hệ thống chức danh toàn ĐVKD và một số đơn vị Hội sở
- Cập nhật, sửa đổi chính sách nhân sự

### Chương trình Quy hoạch nguồn lực tương lai:

- Chiến dịch "Vi một Sài Gòn đổi mới" với **338** CBNV và hơn **1.000** lượt tham gia
- Chương trình Giám đốc tương lai với **150** ứng viên đăng ký cùng **35** học viên tài năng đồng hành.

### Đào tạo về sản phẩm, dịch vụ, chú trọng đầu tư về mặt tư duy số cho CBNV

Tổ chức 195 khóa học về sản phẩm & 149 chương trình đào tạo kỹ năng cho CBNV, CTV



## 2. Các chương trình văn hoá nội bộ

Với mong muốn tạo một bầu không khí thoải mái cho CBNV, mỗi ngày đi làm là một ngày vui, tràn đầy năng lượng tích cực, năm 2023, KienlongBank đã tổ chức nhiều hoạt động, sự kiện văn hoá nội bộ. Đây là sân chơi để mỗi CBNV thỏa sức thể hiện đam mê, tăng cường sự gắn kết, thấu hiểu đồng thời lan toả những thông điệp tốt đẹp thông qua các chương trình như: K-Racing, The Face, KienlongBank trong tôi là...

Bên cạnh đó, KienlongBank cũng tổ chức các chương trình đào tạo về Khách hàng nội bộ, nội quy lao động, quy tắc ứng xử nhằm củng cố, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và hài hoà. Mỗi chương trình đều hướng đến việc giúp CBNV hiểu rõ và tuân thủ quy tắc, tạo sự đoàn kết trong làm việc nhóm, góp phần dựng xây và phát triển giá trị văn hoá nhà Kiên Long.





# 04

## Báo cáo

- 1
- 2
- 3
- 4
- 5





# BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2023 tiếp tục là một năm kinh tế toàn cầu phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Xung đột Nga - Ukraine tiếp diễn, trong khi xung đột mới bùng phát ở Trung Đông, Biển Đỏ trong các tháng cuối năm. Lạm phát tiếp tục neo ở mức cao, tăng trưởng thương mại yếu và niềm tin người tiêu dùng chậm phục hồi. Trong bối cảnh ấy, nhiều quốc gia đã duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt để ưu tiên kiềm chế lạm phát. Bên cạnh việc xử lý các tác động, thách thức từ bối cảnh quốc tế, Việt Nam cũng phải nỗ lực xử lý, tháo gỡ những vấn đề tồn đọng, tích tụ từ nhiều năm trong nền kinh tế... đồng thời giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bám sát mục tiêu tăng trưởng kinh tế, bảo đảm các cân đối lớn và tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Đối với ngành ngân hàng, chưa năm nào Thủ tướng Chính phủ triển khai nhiều cuộc họp, đối thoại với Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại như năm 2023 nhằm triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp trong nước tiếp cận vốn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

Chủ động bám sát định hướng, giải pháp hỗ trợ nền kinh tế của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành cùng toàn thể CBNV KienlongBank đã nỗ lực triển khai và hoàn thành các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao, tiếp tục khẳng định vị thế, thương hiệu ngân hàng sẵn lòng chia sẻ, đồng hành cùng khách hàng, mang tới giá trị tối ưu cho Cổ đông.

Căn cứ các kết quả đạt được và định hướng hoạt động nhiệm kỳ 2023 -2027 đã được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT trân trọng báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024 như sau:

## I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

### 1. Về kết quả hoạt động

Với tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBNV KienlongBank, tính đến ngày 31/12/2023, các chỉ tiêu kết quả kinh doanh của KienlongBank đều đã hoàn thành đạt và vượt kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua, chi tiết như sau:



#### VỐN ĐIỀU LỆ

Đạt 3.653 tỷ đồng



#### TỔNG TÀI SẢN

Đạt 86.973 tỷ đồng



#### DƯ NỢ CẤP TÍN DỤNG

Đạt 52.585 tỷ đồng



#### TỔNG HUY ĐỘNG VỐN

Đạt 78.476 tỷ đồng



#### LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Đạt 718,65 tỷ đồng



#### TỶ LỆ NỢ XẤU

1,42%

# BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

## 2. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

### 2.1. Tình hình nhân sự HĐQT

Tại phiên họp thường niên năm 2023, ĐHĐCĐ đã bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2027 gồm 07 thành viên, trong đó có 01/07 thành viên kiêm nhiệm điều hành, 06/07 thành viên không điều hành, 01/07 thành viên độc lập. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:

Họ và tên	Chức vụ trong HĐQT
Bà Trần Thị Thu Hằng	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Minh	Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc
Ông Bùi Thanh Hải	Thành viên
Ông Lê Khắc Gia Bảo	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Cao Cường	Thành viên
Bà Nguyễn Thủy Nguyên	Thành viên độc lập

Ngay sau khi được ĐHĐCĐ bầu, HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2027 đã tiến hành phiên họp thứ nhất để bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT và phân công công việc đối với các thành viên HĐQT nhằm đảm bảo triển khai các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ KienlongBank.

### 2.2. Hoạt động của HĐQT

HĐQT hoạt động theo đúng Quy chế Tổ chức và được ĐHĐCĐ thông qua.

Trong năm 2023, HĐQT đã tiến hành 44 phiên họp (bao gồm các phiên họp định kỳ, đột xuất và lấy ý kiến bằng văn bản, qua email) để thực hiện các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao/ủy quyền, theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ KienlongBank. Các thành viên HĐQT thực thi nhiệm vụ theo đúng trách nhiệm được phân công và đóng góp hết sức mình vì sự phát triển của KienlongBank. Chi tiết kết quả các phiên họp và Nghị quyết của HĐQT đều đã được thể hiện tại các Báo cáo quản trị định kỳ và công bố thông tin theo quy định hiện hành.

Tất cả cuộc họp của HĐQT KienlongBank (bao gồm cả hoạt động lấy ý kiến qua email) đều được thông báo đến Ban Kiểm soát Ngân hàng và có sự tham dự, đóng góp ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát.

Hội đồng quản trị KienlongBank nhiệm kỳ 2023 - 2027 có 01 thành viên độc lập của Hội đồng quản trị. Trong năm 2023, thành viên độc lập tham dự đầy đủ các phiên họp định kỳ và đột xuất của HĐQT, thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Cổ đông và Ngân hàng. Thành viên độc lập HĐQT là Chủ tịch Ủy ban quản lý rủi ro, triển khai các nhiệm vụ của Ủy ban Quản lý rủi ro theo đúng quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro. Ngoài ra, thành viên độc lập HĐQT cũng là thành viên của Ủy ban Nhân sự, Hội đồng xử lý rủi ro, trong quá trình hoạt động đã tham gia sâu sát mọi hoạt động của các đơn vị này, đưa ra các ý kiến/biểu quyết một cách độc lập, khách quan và tuân thủ quy định của pháp luật.

## BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

### 2.3. Hoạt động của các Ủy ban – Hội đồng trực thuộc

HĐQT đã thành lập các Ủy ban trực thuộc để tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong công tác quản trị Ngân hàng, gồm: Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro. Các Ủy ban trực thuộc HĐQT hoạt động tuân thủ quy chế tổ chức và hoạt động đã được HĐQT ban hành. Ủy ban Quản lý rủi ro đã tham mưu cho HĐQT công tác quản lý rủi ro, giám sát việc tuân thủ đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, mức độ đủ vốn (ICCAP), việc tuân thủ an toàn rủi ro hoạt động kinh doanh của KienlongBank theo quy định của pháp luật. Ủy ban Nhân sự đã tham mưu cho HĐQT việc tuyển dụng, đánh giá bổ nhiệm các chức danh cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền HĐQT, cũng như các chính sách phúc lợi, chính sách khen thưởng cho người lao động.

Bên cạnh các Ủy ban trực thuộc được thành lập theo quy định của pháp luật, HĐQT cũng thành lập các Hội đồng trực thuộc Ngân hàng để tham mưu cho HĐQT như: Hội đồng Xử lý rủi ro, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng, Hội đồng Xét duyệt Sáng kiến – Cải tiến. Các hội đồng này hoạt động theo quy chế tổ chức và hoạt động được HĐQT ban hành.

### 2.4. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành

HĐQT thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban Điều hành theo Điều lệ KienlongBank và quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng quản trị đánh giá cao những nỗ lực của Ban Điều hành trong năm 2023 nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm đã được ĐHĐCĐ giao tại phiên họp định kỳ năm 2023.

Công tác giám sát được thực hiện qua các chính sách, chủ trương, bộ máy kiểm soát. Việc ủy quyền/giao nhiệm vụ giữa HĐQT, Ban Điều hành trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ KienlongBank và có báo cáo định kỳ với NHNN.

Tổng Giám đốc cũng đã duy trì và phát triển hệ thống Kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả, đảm bảo đầy đủ các tuyến phòng thủ cũng như các chuẩn mực về quản trị rủi ro trong hoạt động Ngân hàng; tạo cơ chế phối hợp, kiểm soát đầy đủ, nhịp nhàng giữa các thành viên trong Ban Điều hành và giữa Ban Điều hành với các đơn vị trong toàn hệ thống KienlongBank.

Hội đồng quản trị đã thực hiện việc giám sát đối với Ban Điều hành thông qua một số nội dung chính sau:

- Giám sát của quản lý cấp cao đối với hệ thống kiểm soát nội bộ: Giám sát việc triển khai các đợt kiểm tra, kiểm soát định kỳ hoặc đột xuất theo chuyên đề, từ đó phát hiện và giám sát việc khắc phục đối với các khuyến nghị/kiến nghị của bộ phận kiểm soát nội bộ; xử lý các hành vi vi phạm quy định nội bộ, vi phạm chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.
- Giám sát của quản lý cấp cao đối với quản lý rủi ro: Ủy ban Quản lý rủi ro thực hiện các nhiệm vụ, chức năng của mình, tham mưu cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề về chính sách quản lý rủi ro, xử lý/khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước và các ý kiến đề xuất, kiến nghị của đơn vị chuyên môn có liên quan trong hệ thống.
- Giám sát của quản lý cấp cao đối với đánh giá về mức độ đủ vốn: Tổ chức đánh giá, thông qua các nội dung báo cáo đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn; thực hiện việc báo cáo Ngân hàng Nhà nước và công bố thông tin về đánh giá mức độ đủ vốn theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Xem xét các Báo cáo của Tổng Giám đốc về tình hình hoạt động kinh doanh hàng quý tại các phiên họp Hội đồng quản trị.
- Phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2023, ban hành các chính sách về chế độ công vụ, chế độ quản lý tài chính của KienlongBank...

## BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

### 2.5. Đánh giá của thành viên độc lập của HĐQT

- HĐQT nhiệm kỳ 2023-2027 đáp ứng các quy định tại Luật Các Tổ chức tín dụng hiện hành về cơ cấu, số lượng thành viên HĐQT, đảm bảo đáp ứng các thông lệ tốt về quản trị công ty.
- Các thành viên HĐQT đã làm việc đúng nhiệm vụ, quyền hạn với tinh thần trách nhiệm cao, minh bạch, tuân thủ các quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật.
- Các cuộc họp HĐQT được tổ chức liên tục, thường xuyên theo đúng trình tự, thủ tục nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh, đáp ứng kịp thời yêu cầu trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
- Các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro, chính sách nhân sự... đều được HĐQT xem xét phê duyệt trên cơ sở ý kiến tham mưu của các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc HĐQT.
- HĐQT tuân thủ các quy định về quản trị Ngân hàng. Quyết định của HĐQT được thông qua theo nguyên tắc đa số, Biên bản họp được lập đầy đủ theo đúng quy định nội bộ về Quản trị Ngân hàng.



## II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiếp tục xác định mục tiêu trở thành một trong những ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực số hóa sản phẩm dịch vụ và cung cấp trải nghiệm ưu việt tới các Khách hàng của KienlongBank, HĐQT xác định phương hướng hoạt động trong năm 2024 như sau:

- Tập trung chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành triển khai các yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ về mục tiêu “5 tăng tốc bứt phá” đối với ngành ngân hàng (bứt phá về số hóa, chất lượng dịch vụ, chất lượng nguồn nhân lực, hạ tầng ngân hàng và phục vụ sản xuất kinh doanh, tạo việc làm cho người dân, đóng góp cho tăng trưởng). Đồng thời nghiêm túc triển khai các chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước về chính sách lãi suất, quản trị rủi ro, nâng cao năng lực tài chính và các giới hạn, tỷ lệ an toàn nhằm đảm bảo Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả và minh bạch.
- Bổ sung số lượng nhân sự Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhằm tăng năng lực giám sát, quản trị KienlongBank, nâng cao hơn nữa kết quả đáp ứng các thông lệ về quản trị theo các chuẩn mực trong hoạt động ngân hàng về Môi trường (E) – Xã hội (S) – Quản trị (G).
- Chỉ đạo Ban Điều hành bám sát tình hình diễn biến của thị trường để có những giải pháp kịp thời và triển khai các hoạt động kinh doanh phù hợp nhằm hoàn thành Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2024 do ĐHĐCĐ giao.
- Chỉ đạo xây dựng, phê duyệt và tổ chức triển khai Đề án tái cơ cấu KienlongBank giai đoạn 2021 – 2025 với trọng tâm kiện toàn mô hình tổ chức gắn với chiến lược số hóa nền tảng ngân hàng, hướng tới mô hình ngân hàng bán lẻ đa năng hiệu quả, đáp ứng tiêu chuẩn an toàn hoạt động; hoàn thành việc xử lý các vấn đề nợ xấu, nợ tiềm ẩn còn tồn đọng.
- Nâng cao năng lực tài chính và năng lực quản trị chất lượng tín dụng; tăng trưởng quy mô hoạt động gắn liền với lộ trình tăng trưởng quy mô vốn tự có, cơ cấu nguồn vốn và diễn biến thị trường Tài chính – Ngân hàng.
- Chuẩn hóa khung năng lực nhân sự, hoàn thiện quy định về công tác quản trị nhân lực, trong đó, tập trung xây dựng, hoàn thiện và triển khai áp dụng toàn hàng bộ chỉ tiêu và quy định đo lường đánh giá hiệu quả công việc (KPI). Xây dựng đội ngũ CBNV năng động, nhiệt huyết, hội tụ các tố chất của con người kiến tạo, gắn tinh thần kiến tạo với từng công việc, nhiệm vụ cụ thể và kiên định với tầm nhìn và sứ mệnh cốt lõi của Ngân hàng: **TÂM – TÍN – KIÊN – XANH.**



# BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

## PHẦN MỞ ĐẦU

Kinh tế - xã hội năm 2023 của nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức.

Trong nước, kinh tế - xã hội nước ta năm 2023 tiếp tục xu hướng phục hồi, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo, nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực đạt được mục tiêu đề ra và tiếp tục là điểm sáng về kinh tế trong khu vực và trên thế giới: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tính tăng 5,05% so với năm 2022 (cao hơn tốc độ tăng trưởng của các năm 2020 và 2021), CPI bình quân tăng 3,25% so với bình quân năm 2022 (đạt mục tiêu Quốc hội đề ra).

Năm 2023, các tổ chức tín dụng đã thực hiện chính sách tín dụng an toàn, lành mạnh, duy trì ổn định mặt bằng lãi suất huy động và giảm lãi suất cho vay, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn của người dân, doanh nghiệp. Tính đến 21/12/2023, tổng phương tiện thanh toán tăng 10,03%, tổng nguồn vốn huy động tăng 10,85%, tín dụng tăng 11,09%.

Trong bối cảnh trên, để thực hiện các mục tiêu kế hoạch 2023 đã được ĐHĐCĐ thông qua, Ban Điều hành KienlongBank đã tích cực triển khai thực hiện và cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu ĐHĐCĐ giao. Tính đến 31/12/2023, lợi nhuận trước thuế hoàn thành 102% kế hoạch; tổng tài sản và tổng nguồn vốn huy động hoàn thành 101% kế hoạch; dư nợ cấp tín dụng hoàn thành 100% kế hoạch (đạt 99,97% mức dư nợ được NHNN cho phép); các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động được duy trì đúng quy định của NHNN.

Ban Điều hành KienlongBank trân trọng báo cáo ĐHĐCĐ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024, như sau:

## PHẦN I : KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

### I. CÁC CHỈ TIÊU HỢP NHẤT CHỦ YẾU CỦA KIENLONGBANK NĂM 2023

Đến ngày 31/12/2023, tổng tài sản KienlongBank đạt 86.973 tỷ đồng, tăng 1,41% so với 31/12/2022, hoàn thành 101,13% kế hoạch; tổng nguồn vốn huy động đạt 78.476 tỷ đồng, tăng 2.633 tỷ đồng, tăng 3,47% so với 31/12/2022, hoàn thành 100,61% kế hoạch; dư nợ cấp tín dụng đạt 52.580 tỷ đồng, tăng 15,57% so với 31/12/2022, hoàn thành 100,15% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 718,65 tỷ đồng, hoàn thành 102% kế hoạch.

CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tăng/giảm (+/-) thực hiện năm 2023 so với thực hiện năm 2022		Số đầu năm
				Số dư	Tỷ lệ (%)	
1. Vốn điều lệ	3.653	4.376	3.653	-	-	83,48
2. Tổng tài sản	85.760	86.000	86.973	1.213	1,41	101,13
3. Tổng nguồn vốn huy động	75.843	78.000	78.476	2.633	3,47	100,61
4. Dư nợ cấp tín dụng	45.498	52.500	52.580	7.082	15,57	100,15
5. Tỷ lệ nợ xấu (%)	1,18	< 2,00	1,42		0,24	
6. Lợi nhuận trước thuế	681,87	700	718,65	36,78	5,39	102,66
7. Cổ tức (%)	4,00	10,00	-			

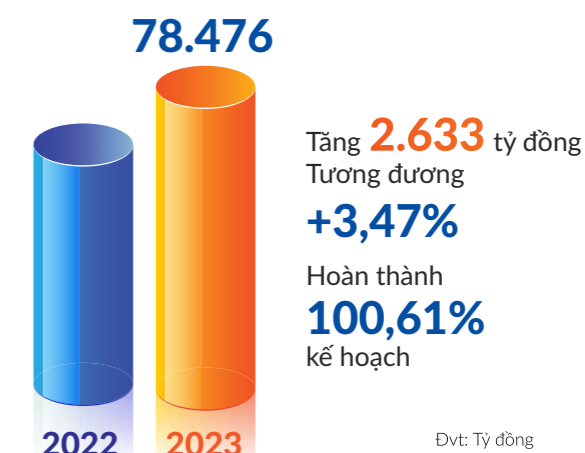
# BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

## II. TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN VÀ SỬ DỤNG VỐN

### 1. Nguồn vốn huy động

KienlongBank đã linh hoạt điều chỉnh lãi suất huy động theo mức lãi suất điều hành của NHNN, đảm bảo thanh khoản theo quy định của NHNN, đồng thời đáp ứng đủ nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh.

Thời điểm 31/12/2023, tổng nguồn vốn huy động đạt 78.476 tỷ đồng, tăng 2.633 tỷ đồng, tăng 3,47% so với 31/12/2022, hoàn thành 100,61% kế hoạch. Trong đó, nguồn vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư tăng 8.161 tỷ đồng, tương đương tăng 15,64% so với 31/12/2022, chiếm tỷ trọng 76,91%.

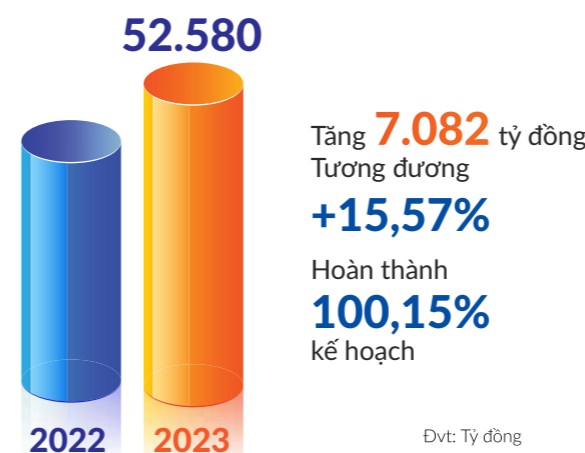


### 2. Sử dụng vốn

#### 2.1. Dư nợ cấp tín dụng

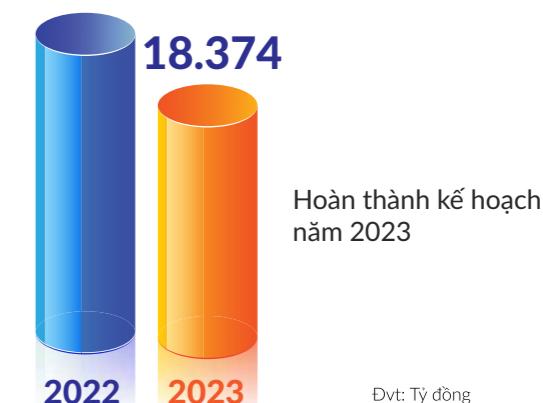
Thời điểm 31/12/2023, tổng dư nợ cấp tín dụng đối với khách hàng đạt 52.580 tỷ đồng, tăng 7.082 tỷ đồng, tương đương tăng 15,57% so với 31/12/2022 và trong hạn mức tăng trưởng cho phép của NHNN, hoàn thành 100,15% kế hoạch.

Bên cạnh việc tăng trưởng tín dụng, KienlongBank tuân thủ các quy định liên quan đến hoạt động tín dụng và phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro của Chính phủ và NHNN Việt Nam cũng như các quy định nội bộ. Tính đến 31/12/2023, tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 11/2021 là 1,42%/tổng nợ, thấp hơn tỷ lệ nợ xấu đã được ĐHĐCĐ thông qua.



#### 2.2. Tiền gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng

Tính đến ngày 31/12/2023, tổng số dư tiền gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng khác là 18.374 tỷ đồng. Việc sử dụng vốn trên thị trường liên ngân hàng được cân đối phù hợp giữa cơ cấu sử dụng vốn và tổng tài sản giúp cho KienlongBank đảm bảo thanh khoản đồng thời gia tăng hiệu quả sử dụng vốn, duy trì mối quan hệ hợp tác với các tổ chức tín dụng tại Việt Nam.



## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

### 2.3. Hoạt động đầu tư

#### 2.3.1. Đầu tư trái phiếu Chính phủ (TPCP)

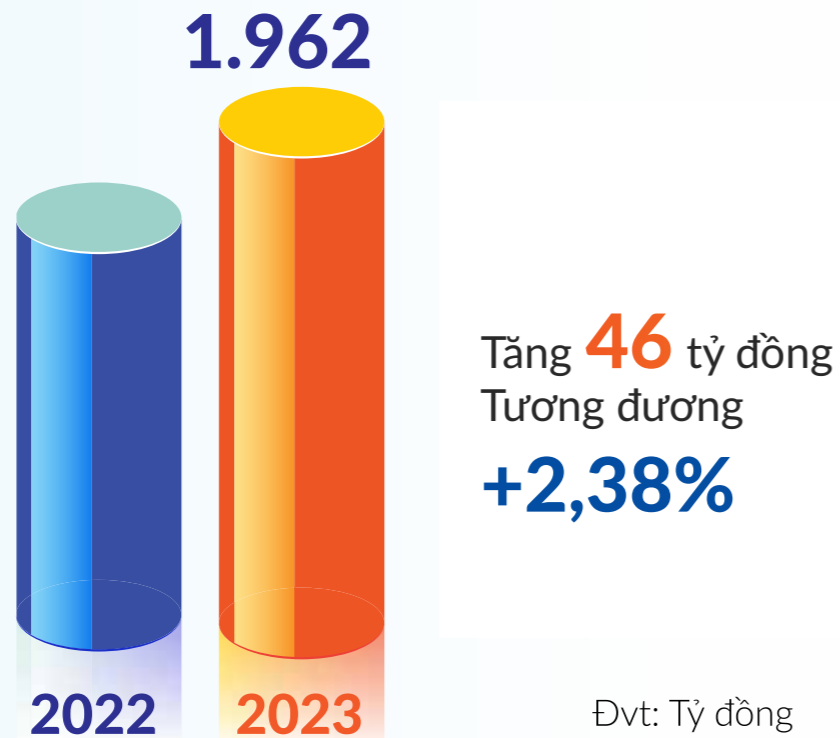
Việc đầu tư vào TPCP để tăng tài sản có tính thanh khoản cao, nhằm duy trì tỷ lệ thanh khoản theo quy định của NHNN, gia tăng khả năng sinh lời và đồng thời sử dụng có hiệu quả nguồn vốn khả dụng. Tổng giá trị đầu tư thời điểm 31/12/2023 đạt 2.588 tỷ đồng, chiếm 3,75% so với tổng nợ phải trả bình quân của tháng trước liền kề (đảm bảo tỷ lệ theo quy định của NHNN).

#### 2.3.2. Đầu tư góp vốn, mua cổ phần

Đến cuối năm 2023, giá trị đầu tư góp vốn, mua cổ phần là 500 tỷ đồng (đây là khoản góp vốn vào Công ty con), không thay đổi so với 31/12/2022. Tỷ lệ góp vốn mua cổ phần/vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ là 13,35% (quy định  $\leq 40\%$ ).

### 2.4. Tài sản cố định

Năm 2023, KienlongBank tiếp tục đầu tư, cải tạo, sửa chữa trụ sở các đơn vị trên toàn hệ thống nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu kinh doanh và giao dịch ngày càng nâng cao của khách hàng. Tính đến ngày 31/12/2023, giá trị tài sản cố định đạt 1.962 tỷ đồng, tăng 46 tỷ đồng (tăng 2,38%) so với 31/12/2022.



## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

### III. HOẠT ĐỘNG PHI TÍN DỤNG

Năm 2023, KienlongBank triển khai nhiều sản phẩm, dịch vụ mới, đồng thời tiếp tục cải tiến chất lượng dịch vụ để đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng. Doanh số giao dịch tăng trưởng ổn định, thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ và ngoại hối tăng 38,50% so với năm 2022. Chi tiết như sau:

#### 1. Thanh toán quốc tế

Năm 2023, doanh số giao dịch thanh toán quốc tế giảm 63,98% so với năm 2022.

#### 2. Kinh doanh ngoại tệ

Doanh số mua vào  
**+15,31%**  
so với năm 2022

Doanh số bán ra  
**+12,67%**  
so với năm 2022

#### 3. Chuyển tiền

So với năm 2022, tổng doanh số chuyển tiền và doanh số chi trả kiều hối Western Union tăng 240,78%.

#### 4. Hoạt động thẻ

170 Máy ATM đang hoạt động | 528.720 Thẻ ghi nợ đang hoạt động, tăng 59.534 thẻ (tăng 12,69%) so với 31/12/2022

740 Máy POS đang hoạt động | 31.499 Thẻ tín dụng đang hoạt động, tổng doanh số đạt 728 tỷ đồng.

KienlongBank áp dụng chính sách miễn phí rút tiền mặt đối với khách hàng khi thực hiện giao dịch tại các máy ATM KienlongBank trên toàn quốc và hệ thống máy ATM của KienlongBank chấp nhận giao dịch tất cả các loại thẻ ghi nợ của ngân hàng khác (có liên kết Napas - Công ty cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam).

Bên cạnh đó, KienlongBank thường xuyên phối hợp với các Đơn vị liên kết để triển khai các chương trình ưu đãi, chiết khấu dành cho chủ thẻ KienlongBank. Năm 2023, KienlongBank hoàn thành chuyển đổi Core Thẻ nhằm hiện đại hóa hệ thống thẻ, hoàn thiện các tính năng đáp ứng nhu cầu phát triển công nghệ số.

#### 5. Dịch vụ liên kết và tư vấn sản phẩm

Các sản phẩm tư vấn, liên kết được mở rộng, gia tăng tiện ích cho khách hàng, đóng góp vào sự tăng trưởng thu nhập và lợi nhuận của KienlongBank trong năm 2023.

Lãi thuần từ các hoạt động dịch vụ năm 2023 tăng 35,54% so với năm 2022.



## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

### IV. KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ CÁC CHỈ TIÊU AN TOÀN VỐN

#### 1. Kết quả kinh doanh

Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2023 đạt 718,65 tỷ đồng, tăng 36,78 tỷ đồng, tương đương tăng 5,39% so với năm 2022, hoàn thành 102% kế hoạch (Kế hoạch: 700 tỷ đồng). Trong đó:

- Lợi nhuận công ty con: 7,09 tỷ đồng.
- Lợi nhuận riêng KienlongBank: 711,55 tỷ đồng, tăng 28,14 tỷ đồng (+4,12%) so với năm 2022.

#### 2. Các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động

Số liệu đến ngày 31/12/2023, KienlongBank đảm bảo các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động theo quy định của NHNN tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN và Thông tư số 41/2016/TT-NHNN, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2023	Quy định của NHNN
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu hợp nhất (%)	9,73	≥ 8,00
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (%)	15,36	≥ 10,00
Giới hạn góp vốn, mua cổ phần (%)	13,35	≤ 40,00
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn (%)	23,26	≤ 30,00
Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (%)	68,20	≤ 85,00

### V. CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ KHÁC

#### 1. Nhân sự và đào tạo

##### 1.1. Công tác nhân sự

Trong những năm qua, KienlongBank đã không ngừng cải tiến các chính sách đãi ngộ, ưu tiên đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nội bộ, đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân sự phục vụ cho phát triển kinh doanh. Đến ngày 31/12/2023, tổng số nhân sự toàn hệ thống là 4.986 người, tăng 0,38% so với 31/12/2022, theo cơ cấu như sau:

Nội dung	31/12/2022	31/12/2023	Tăng/giảm (+/-) so với 31/12/2022	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tổng	4.967	4.986	19	0,38
Chính thức	3.623	3.767	144	3,97
CTV	1.344	1.219	(125)	(9,30)

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

#### 1.2. Công tác đào tạo

KienlongBank đã tổ chức nhiều khóa đào tạo nội bộ; cử nhân sự tham dự các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn từ các đối tác bên ngoài và NHNN; chương trình liên kết đào tạo và nhiều chương trình đào tạo tại ĐVKD để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng mềm..., cụ thể như sau:

Nội dung	Số khóa đào tạo	Số lượt học viên
<b>Đào tạo nội bộ</b>	<b>376</b>	<b>41.726</b>
Đào tạo trực tiếp nội bộ	77	15.011
Đào tạo trực tuyến E-Learning	55	24.949
Đào tạo tân tuyển	235	1.686
Đào tạo chuyển đổi chức danh	9	80
<b>Đào tạo bên ngoài</b>	<b>57</b>	<b>397</b>
<b>Liên kết đào tạo</b>	<b>9</b>	<b>3.327</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>442</b>	<b>45.450</b>

#### 2. Mạng lưới hoạt động

Năm 2023, KienlongBank tập trung kiện toàn 134 Đơn vị mạng lưới (31 chi nhánh và 103 phòng giao dịch), cơ sở vật chất được đầu tư khang trang, thuận tiện cho khách hàng giao dịch, tạo điều kiện để phát triển thị phần và quảng bá thương hiệu KienlongBank.

#### 3. Hoạt động truyền thông và công tác xã hội

• Hoạt động truyền thông: Trong năm 2023, KienlongBank tăng cường truyền thông các chương trình khuyến mãi, ưu đãi sản phẩm dịch vụ trên báo chí, truyền hình và mạng xã hội nhằm đưa thương hiệu KienlongBank đến gần hơn với khách hàng.

• Công tác xã hội: KienlongBank tiếp tục duy trì các hoạt động xã hội nhằm thể hiện trách nhiệm vì cộng đồng như: Tặng quà Tết; trao tặng Thư các cho trường PTDTNT THPT Kiên Giang; thăm hỏi, động viên quân dân huyện đảo Trường Sa; tài trợ xây dựng nhà tình nghĩa tại tỉnh Điện Biên; tài trợ xây cầu dân sinh tại tỉnh Kiên Giang...

#### 4. Hoạt động kiểm soát nội bộ

Hoạt động kiểm soát nội bộ được KienlongBank thực hiện thường xuyên bằng hình thức trực tiếp và giám sát từ xa để ngăn ngừa, phát hiện sai sót, từ đó nhắc nhở, chấn chỉnh, khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo hoạt động của KienlongBank an toàn, hiệu quả và phát triển bền vững.

#### 5. Công nghệ thông tin (CNTT)

Trong năm 2023, hệ thống CNTT của KienlongBank được vận hành thông suốt, an toàn, thường xuyên được rà soát khắc phục kịp thời các phát sinh, hỗ trợ tốt công tác điều hành và phát triển kinh doanh. KienlongBank tiếp tục đầu tư phát triển hạ tầng, hiện đại hóa hệ thống CNTT: Hoàn thành chuyển đổi Core Banking; hoàn thành giai đoạn 1 dự án chuyển đổi Core Thẻ, dự án E-Office; triển khai đúng tiến độ các dự án KienlongBank Pay, dự án xây dựng hệ thống quản lý nợ, số hóa quy trình trả góp ngày lên App, ra mắt sản phẩm MyShop & Paybox, tài khoản số đẹp, nâng cấp nhiều tính năng trên App KienlongBank Plus...

# BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

## PHẦN II: KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024

### I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024

#### 1. Dự báo kinh tế vĩ mô năm 2024

Năm 2024, Chính phủ đặt mục tiêu tiếp tục phối hợp đồng bộ, hài hòa, linh hoạt, chặt chẽ các chính sách; trong đó, tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm và các chính sách khác, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối và hệ thống ngân hàng. Điều hành linh hoạt, hài hòa, hợp lý giữa lãi suất và tỷ giá phù hợp với tình hình thị trường, diễn biến kinh tế vĩ mô và mục tiêu chính sách tiền tệ,... với các chỉ tiêu chủ yếu:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP): 6,0 - 6,5%.
- GDP bình quân đầu người: 4.700 - 4.730 USD.
- Kiểm soát tốc độ tăng CPI bình quân: 4,0 - 4,5%.

#### 2. Định hướng ngành ngân hàng năm 2024

Dự kiến định hướng điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, phối hợp đồng bộ, hài hòa, chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác góp phần hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát mục tiêu năm 2024 bình quân khoảng 4-4,5%, ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối và hệ thống ngân hàng. Mục tiêu tăng trưởng tín dụng được NHNN đặt ra trong năm 2024 khoảng 15%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế (Chỉ thị 01/CT-NHNN của NHNN).

### II. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2024 VÀ GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Bám sát các giải pháp điều hành kinh tế, chính sách tiền tệ, tín dụng, hoạt động ngân hàng của Chính phủ và NHNN trong năm 2024, đồng thời khai thác hiệu quả tiềm năng để phát triển, Ban điều hành KienlongBank xây dựng mục tiêu kế hoạch kinh doanh 2024 và các giải pháp thực hiện cụ thể như sau:

#### 1. Các chỉ tiêu kế hoạch hợp nhất năm 2024

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng/giảm (+/-) kế hoạch năm 2023 so với năm 2022	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tổng tài sản	86.973	90.000	3.027	3,48
Tổng nguồn vốn huy động	78.476	81.000	2.524	3,22
Dư nợ cấp tín dụng	52.580	60.000	7.420	14,11
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1,42	< 3,00		
Lợi nhuận trước thuế	718,65	800	81	11,32
Cổ tức dự kiến (%)	-	-		

Ghi chú: Kế hoạch tăng trưởng tín dụng: Thực hiện theo tỷ lệ được NHNN Việt Nam phê duyệt.

# BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

## 2. Các giải pháp tổ chức thực hiện

### 2.1. Về mô hình tổ chức bộ máy, cơ chế quản lý, điều hành

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và hệ thống kiểm soát nội bộ để tăng năng lực quản trị, điều hành và quản trị rủi ro nhằm phù hợp hơn với thông lệ tốt nhất về quản trị ngân hàng.
- Hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, tăng cường áp dụng tự động hóa trong quy trình xử lý nghiệp vụ và hoạt động quản trị. Hoàn thiện hệ thống báo cáo, tổng hợp, lưu trữ và xử lý dữ liệu, kịp thời cung cấp các số liệu cho công tác hoạch định chiến lược, quản trị và điều hành.

### 2.2. Về hoạt động kinh doanh

#### 2.2.1. Cấp tín dụng

- Thực hiện tăng trưởng tín dụng trong cả năm với tốc độ hợp lý trên cơ sở đảm bảo khả năng thanh khoản, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng kinh tế theo chủ trương của Chính phủ, đảm bảo hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả.
- Tiếp tục triển khai quyết liệt, thiết thực, hiệu quả các giải pháp hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng trên cơ sở rà soát, đơn giản hóa và rút ngắn quy trình, thủ tục, tăng cường ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số vào quy trình cấp tín dụng để đẩy nhanh tốc độ, thời gian xử lý đề nghị của khách hàng... đi đôi với việc tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, không nới lỏng các điều kiện cấp tín dụng để đảm bảo an toàn hoạt động.
- Tổ chức triển khai các giải pháp ứng dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong hoạt động cho vay phục vụ nhu cầu đời sống, tiêu dùng của người dân; xem xét, quyết định theo thẩm quyền việc áp dụng giải pháp ứng dụng cơ sở dữ liệu dân cư trong đánh giá khách hàng vay do Bộ Công an cung cấp (theo Đề án 06), bảo đảm hoạt động cho vay an toàn, hiệu quả.
- Phát triển đa dạng sản phẩm tín dụng phù hợp từng loại hình, nhu cầu sản xuất kinh doanh của người dân, doanh nghiệp, nhất là đối tượng doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã và các nhu cầu vay vốn chính đáng, hợp pháp phục vụ đời sống, tiêu dùng của người dân.
- Xem xét ưu tiên cấp tín dụng theo Danh mục phân loại xanh; cho vay đáp ứng nhu cầu nhà ở của người dân, các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân; cho vay lĩnh vực lâm sản, thủy sản có khả năng trả nợ, đáp ứng điều kiện theo quy định.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu mối kinh doanh xăng dầu, thương nhân phân phối xăng dầu tiếp cận nguồn vốn tín dụng phục vụ hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.
- Thực hiện nghiêm các quy định của NHNN về lãi suất, phí cho vay...; tiếp tục tiết giảm chi phí để phấn đấu giảm lãi suất cho vay.
- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động cấp tín dụng, chất lượng tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, nâng cao năng lực đánh giá, thẩm định tín dụng; thực hiện cho vay bằng ngoại tệ theo chủ trương của Chính phủ và NHNN về hạn chế tình trạng đô-la hóa trong nền kinh tế.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát và đánh giá việc sử dụng vốn vay, khả năng trả nợ của khách hàng, nhất là khách hàng thuộc lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, hạn chế nợ xấu phát sinh.
- Thực hiện công bố công khai lãi suất cho vay bình quân và chênh lệch lãi suất tiền gửi và cho vay bình quân trên website KienlongBank theo chỉ đạo của NHNN.



## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

- Đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ được giao của ngành Ngân hàng tại các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, chính sách tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Tăng cường hoạt động kết nối ngân hàng - doanh nghiệp bằng hình thức phù hợp.

### 2.2.2. Huy động vốn

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến lãi suất/tỷ giá trên thị trường, kịp thời điều chỉnh lãi suất phù hợp, chú trọng phân khúc kỳ hạn trung dài hạn.

- Triển khai linh hoạt các chương trình/chính sách thúc đẩy tăng trưởng huy động vốn; phát triển thêm các sản phẩm huy động mới để đa dạng sản phẩm huy động đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

- Tăng cường giao dịch đa dạng các loại nghiệp vụ trong hoạt động liên ngân hàng như giao dịch vốn (MM), ngoại hối (FX), các loại giấy tờ có giá... nhằm mở rộng quan hệ hợp tác với các định chế tài chính để phát triển hoạt động kinh doanh tiền tệ và dự phòng nguồn vốn cho việc phát triển kinh doanh của Ngân hàng.

### 2.2.3. Xử lý và thu hồi nợ

- Đẩy mạnh, triển khai có hiệu quả công tác xử lý, thu hồi nợ xấu; thực hiện quyết liệt các giải pháp để nâng cao chất lượng tín dụng, phòng ngừa, hạn chế tối đa nợ xấu phát sinh nhằm bảo đảm kiểm soát tỷ lệ nợ xấu nội bảng dưới 3%/tổng nợ.

- Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đặc biệt là cơ quan Công an, Tòa án nhân dân, cơ quan Thi hành án các cấp trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ nhằm bảo đảm thu hồi tối đa giá trị các khoản nợ, hạn chế tối đa tổn thất cho Ngân hàng.

- Thường xuyên rà soát, đánh giá và theo dõi, kiểm tra chặt chẽ khách hàng vay, khoản tín dụng và tài sản bảo đảm để có biện pháp xử lý thích hợp.

### 2.2.4. Hoạt động kinh doanh dịch vụ

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về thúc đẩy TTKDTM theo Quyết định số 2006/QĐ-NHNN ngày 17/12/2021.

- Tiếp tục nâng cấp, phát triển hạ tầng thanh toán, hoạt động an toàn, hiệu quả và mở rộng kết nối với các ngành, lĩnh vực để mở rộng hệ sinh thái số, đẩy mạnh cung ứng dịch vụ TTKDTM trong lĩnh vực công, hành chính công, nhất là các lĩnh vực y tế, giáo dục, thanh toán qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Rà soát, hoàn thiện các quy trình, quy định nội bộ đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật trong hoạt động thanh toán.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các dịch vụ liên kết nhằm đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, tăng nguồn thu từ dịch vụ phi tín dụng.

### 2.3. Tăng cường kiểm tra, giám sát, quản trị rủi ro

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ đối với hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo tuân thủ quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 về hệ thống kiểm soát nội bộ và các quy định pháp luật liên quan.

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

- Rà soát, hoàn thiện các quy trình, quy định nội bộ đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, đặc biệt là quy trình, quy định về hoạt động thanh toán, quy định về phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố và kịp thời tổ chức triển khai các văn bản chỉ đạo của NHNN; tăng cường công tác quản lý rủi ro trong hoạt động thanh toán nhằm ngăn ngừa, phát hiện, cảnh báo kịp thời các rủi ro để đảm bảo hoạt động thanh toán an toàn, thông suốt.

### 2.4. Về công tác nhân sự

Sắp xếp tối ưu hóa mô hình tổ chức, phát huy tối đa năng lực, cải thiện môi trường làm việc, tăng cường năng lực bán hàng, nâng cao thu nhập tương xứng với kết quả năng suất lao động.

### 2.5. Về công nghệ thông tin (CNTT)

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo Chiến lược phát triển công nghệ thông tin ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch chuyển đổi số ngành Ngân hàng.

- Triển khai đầy đủ phương án đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo Nghị định 85/2016/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 09/2020/TT-NHNN của NHNN.

- Áp dụng những giải pháp, công nghệ tiên tiến và các tiêu chuẩn quốc tế về an ninh, an toàn bảo mật cho hệ thống công nghệ thông tin.

- Phát triển ứng dụng ngân hàng số phục vụ tự động hóa các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát rủi ro vận hành.

- Hoàn thành triển khai dự án nâng cấp Core Thẻ giai đoạn 2, và các dự án CNTT khác theo kế hoạch.

- Tăng cường triển khai các giải pháp ứng dụng dữ liệu dân cư theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ (Đề án 06) và phối hợp với Bộ Công an tổ chức thực hiện Kế hoạch số 01/KHPH-BCA-NHNN.

- Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức khách hàng trước rủi ro an ninh mạng, hoạt động gian lận, lừa đảo trên không gian mạng.

### 2.6. Các hoạt động khác

- Triển khai quyết liệt, hiệu quả phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 theo phê duyệt của NHNN.

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chiến lược tài chính toàn diện Quốc gia đến năm 2025 định hướng đến năm 2030; các Chương trình, Kế hoạch hành động và các Đề án của Ngành đã ban hành.

- Chấp hành nghiêm túc các quy định, chỉ đạo của NHNN về giao nhận, bảo quản, vận chuyển, phân loại, tuyển chọn tiền, đảm bảo an toàn kho quỹ. Chủ động xây dựng kế hoạch thu, chi tiền mặt, cân đối cơ cấu mệnh giá chi cho khách hàng, đảm bảo giao dịch tiền mặt thông suốt, nhất là các dịp cuối năm.

- Bổ sung nhân sự kịp thời cho các chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ phát triển kinh doanh.

- Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo qua hệ thống E-Learning, đào tạo theo cụm khu vực; tập huấn nội bộ tại chi nhánh, phòng giao dịch với các sản phẩm, dịch vụ và quy trình tác nghiệp.

# BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

## 1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của BKS

ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đã bầu BKS nhiệm kỳ 2023 – 2027 gồm 03 thành viên (01 Trưởng Ban và 02 thành viên chuyên trách). Cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS
Bà Đỗ Thị Tuyết Trinh	Trưởng BKS (Thành viên chuyên trách)	Được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 bầu lại từ ngày 27/4/2023
Ông Đặng Minh Quân	Thành viên BKS (Thành viên chuyên trách)	Được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 bầu lại từ ngày 27/4/2023
Ông Vũ Phạm Thái Hà	Thành viên BKS (Thành viên chuyên trách)	Được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 bầu lại từ ngày 27/4/2023

## 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của BKS

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ KienlongBank trong công tác quản trị, điều hành.
- Giám sát việc tổ chức thực hiện các nội dung tại Nghị quyết của ĐHĐCĐ của HĐQT và Tổng Giám Đốc.
- Thực hiện giám sát, chỉ đạo hoạt động kiểm toán nội bộ đối với các đơn vị trực thuộc KienlongBank.
- Thẩm định báo cáo bán niên và báo cáo hàng năm của Ngân hàng.
- Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám Đốc.
- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật và Điều lệ KienlongBank.

## 3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BDH

- Sự phối hợp hoạt động của BKS với HĐQT, BDH luôn đảm bảo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định của KienlongBank và vì lợi ích chung của Ngân hàng. BKS được HĐQT, BDH cung cấp đầy đủ các thông tin, báo cáo, dữ liệu cần thiết để thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo luật định.
- Các phiên họp định kỳ/bất thường của HĐQT đều có sự tham dự của Trưởng BKS.

## 4. Tổng kết các phiên họp của BKS

Trong năm 2023, BKS đã tiến hành 09 phiên họp định kỳ và bất thường để thảo luận, triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động của BKS đã được ĐHĐCĐ thông qua; phân công nhiệm vụ của các thành viên BKS; phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ; chỉ đạo, giám sát hoạt động kiểm toán nội bộ; điều chỉnh và ban hành mới Quy chế Tổ chức và hoạt động của Phòng Kiểm toán nội bộ, Quy định Hệ thống chức danh, mô tả công việc và tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự Phòng Kiểm toán nội bộ; tuyển dụng/bổ nhiệm/tái bổ nhiệm và thông qua một số chính sách về nhân sự Phòng Kiểm toán nội bộ.





# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

### **Khái quát về Ngân hàng**

Ngân hàng TMCP Kiên Long được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số 0056/NH-GP ngày 18 tháng 9 năm 1995 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và Giấy phép thành lập ngân hàng số 1115/GP-UB ngày 02 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

Ngân hàng đăng ký hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700197787 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng đã nhiều lần được điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 21 tháng 12 năm 2022.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 18 tháng 9 năm 1995.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại : +84 (029) 7386 9950
- Fax : +84 (029) 7387 1171

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm: huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật; dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Ngân hàng trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Trần Thị Thu Hằng	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Trần Ngọc Minh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Bùi Thanh Hải	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Lê Khắc Gia Bảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Cao Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Thủy Nguyên	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Mai Hữu Tín	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Phạm Trần Duy Huyền	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Thụy Quỳnh Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Bà Trần Tuấn Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023

#### BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Đỗ Thị Tuyết Trinh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Vũ Phạm Thái Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Đặng Minh Quân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Lê Khắc Gia Bảo	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Cao Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Bà Vũ Hạnh Ngân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023

#### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 1 năm 2023
Ông Trần Văn Thái Bình	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2023
Ông Trần Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2023
Ông Đỗ Văn Bắc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2023
Bà Phạm Thị Mỹ Chi	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2023
		Miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 01 năm 2023
		Miễn nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2023
Ông Đỗ Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2023



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

### Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Ngọc Minh - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2021).

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tập đoàn.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,  
  
  
Trần Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng TMCP Kiên Long (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024, từ trang 07 đến trang 54, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C


Hồ Văn Tùng  
Thành viên Ban Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2023-008-1  
Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

  
Nguyễn Quang Châu  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2607-2023-008-1

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

A -	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I.	<b>Tiền mặt, vàng bạc, đá quý</b>	V.1	<b>660,595</b>	<b>742,817</b>
II.	<b>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước</b>	V.2	<b>6,134,683</b>	<b>1,347,927</b>
III.	<b>Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác</b>		<b>18,373,502</b>	<b>23,777,634</b>
1.	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	V.3.1	15,525,552	19,779,134
2.	Cho vay các TCTD khác	V.3.2	2,847,950	3,998,500
3.	Dự phòng rủi ro		-	-
IV.	<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	V.4	<b>-</b>	<b>144,176</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh	V.4	-	144,176
2.	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-	-
V.	<b>Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>	V.5	<b>-</b>	<b>38,707</b>
VI.	<b>Cho vay khách hàng</b>		<b>51,159,819</b>	<b>44,122,736</b>
1.	Cho vay khách hàng	V.6	51,783,052	44,702,595
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.7	(623,233)	(579,859)
VII.	<b>Hoạt động mua nợ</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Mua nợ		-	-
2.	Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		-	-
VIII.	<b>Chứng khoán đầu tư</b>	V.8	<b>3,378,950</b>	<b>7,584,875</b>
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	V.8	796,897	1,541,999
2.	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	V.8	2,588,098	6,048,842
3.	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	V.8	(6,045)	(5,966)

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: Triệu VND

A -	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
IX.	<b>Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Đầu tư vào công ty con		-	-
2.	Vốn góp liên doanh		-	-
3.	Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4.	Đầu tư dài hạn khác		-	-
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
X.	<b>Tài sản cố định</b>		<b>1,352,003</b>	<b>1,378,608</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	V.9	611,096	653,439
a.	Nguyên giá tài sản cố định	V.9	1,107,087	1,095,674
b.	Hao mòn tài sản cố định	V.9	(495,991)	(442,235)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
a.	Nguyên giá tài sản cố định		-	-
b.	Hao mòn tài sản cố định		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	V.10	740,907	725,169
a.	Nguyên giá tài sản cố định	V.10	854,860	820,626
b.	Hao mòn tài sản cố định	V.10	(113,953)	(95,457)
XI.	<b>Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
a.	Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
b.	Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
XII.	<b>Tài sản có khác</b>		<b>5,913,050</b>	<b>6,622,701</b>
1.	Các khoản phải thu	V.11	4,053,988	5,115,275
2.	Các khoản lãi, phí phải thu	V.12	1,437,931	1,097,493
3.	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		120	1,306
4.	Tài sản có khác	V.13	450,315	437,931
5.	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác		(29,304)	(29,304)
<b>TỔNG TÀI SẢN CÓ</b>			<b>86,972,602</b>	<b>85,760,181</b>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

B -	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I.	<b>Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước</b>	V.14	-	2,451,824
1.	Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN	V.14	-	2,451,824
2.	Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ với Kho bạc Nhà nước		-	-
II.	<b>Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>	V.15	18,118,930	23,646,899
1.	Tiền gửi của các TCTD khác	V.15	15,268,267	19,623,547
2.	Vay các TCTD khác	V.15	2,850,663	4,023,352
III.	<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	V.16	56,897,722	52,195,871
IV.	<b>Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác</b>	V.5	25,404	-
V.	<b>Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro</b>		-	-
VI.	<b>Phát hành giấy tờ có giá</b>	V.17	3,459,091	-
VII.	<b>Các khoản nợ khác</b>		2,713,897	2,282,013
1.	Các khoản lãi, phí phải trả	V.18	1,607,566	1,087,458
2.	Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3.	Các khoản phải trả và công nợ khác	V.19	1,106,331	1,194,555
4.	Dự phòng rủi ro khác (dự phòng cho công nợ tiềm ẩn)		-	-
	<b>Tổng nợ phải trả</b>		81,215,044	80,576,607
VIII.	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	V.20	5,757,558	5,183,574
1.	Vốn của TCTD		3,618,619	3,618,619
a.	Vốn điều lệ	V.20	3,652,819	3,652,819
b.	Vốn đầu tư XDCB		-	-
c.	Thặng dư vốn cổ phần		-	-
d.	Cổ phiếu quỹ	V.20	(34,200)	(34,200)
e.	Cổ phiếu ưu đãi		-	-
f.	Vốn khác		-	-
2.	Quỹ của TCTD	V.20, 21	487,740	406,062
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
4.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5.	Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ lũy kế	V.20	1,651,199	1,158,893
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			<b>86,972,602</b>	<b>85,760,181</b>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Bảo lãnh vay vốn		-	-
2.	Cam kết giao dịch hối đoái		8,878,747	7,226,798
	Cam kết mua ngoại tệ		-	47,060
	Cam kết bán ngoại tệ		729,000	705,900
	Cam kết giao dịch hoán đổi		8,149,747	6,473,838
	Cam kết giao dịch tương lai		-	-
3.	Cam kết cho vay không hủy ngang		-	-
4.	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	VIII.4	416	6,938
5.	Bảo lãnh khác	VIII.4	362,814	257,326
6.	Các cam kết khác		-	-
7.	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	VIII.5	237,314	383,601
8.	Nợ khó đòi đã xử lý	VIII.6	2,018,358	1,544,286
9.	Tài sản và chứng từ khác	VIII.7	10,556,826	16,421,101

*Duy Z*

Thị Duyên  
Người lập biểu

Rạch Chấm, ngày 29 tháng 3 năm 2024

*Vũ Động Xuân Vinh*

*Trần Ngọc Minh*

Vũ Động Xuân Vinh  
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc



## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.1	7,779,429	5,376,251
2.	Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	VI.2	5,741,323	3,284,730
I.	<b>Thu nhập lãi thuần</b>		<b>2,038,106</b>	<b>2,091,521</b>
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	VI.3	556,312	422,695
4.	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	VI.3	43,579	26,651
II.	<b>Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	VI.3	<b>512,733</b>	<b>396,044</b>
III.	<b>Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối</b>	VI.4	<b>59,196</b>	<b>34,981</b>
IV.	<b>Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
V.	<b>Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	VI.5	<b>82,450</b>	<b>7,818</b>
5.	Thu nhập từ hoạt động khác	VI.6	95,764	88,565
6.	Chi phí từ hoạt động khác	VI.6	5,845	5,651
VI.	<b>Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác</b>	VI.6	<b>89,919</b>	<b>82,914</b>
VII.	<b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
VIII.	<b>Chi phí hoạt động</b>	VI.7	<b>1,645,837</b>	<b>1,459,022</b>
IX.	<b>"Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng"</b>		<b>1,136,567</b>	<b>1,154,256</b>
X.	<b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	VI.8	<b>417,920</b>	<b>472,393</b>
XI.	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>718,647</b>	<b>681,863</b>
7.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VIII.2	143,478	137,342
8.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		1,185	-
XII.	<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>144,663</b>	<b>137,342</b>
XIII.	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>573,984</b>	<b>544,521</b>
XIV.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	VI.9a,b	<b>1,588</b>	<b>1,506</b>

Duy Z

Thị Duyên  
Người lập biểu

Vũ Động Xuân Vinh

Vũ Động Xuân Vinh  
Kế toán trưởng



Rạch OK, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Trần Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc



# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

## (THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	V.12; VI.1	7,438,991	4,934,146
02.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	V.18; VI.2	(5,221,215)	(3,225,183)
03.	Thu nhập hoạt động dịch vụ nhận được	VI.3	512,733	396,044
04.	Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)"	VI.4, 5	141,646	42,799
05.	Thu nhập khác		(1,999)	(3,162)
06.	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	VI.6	91,328	83,647
07.	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(1,549,068)	(1,419,053)
08.	Tiền thuế thực nộp trong kỳ	VIII.2	(134,064)	(174,815)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về tài sản và vốn lưu động</b>		<b>1,278,352</b>	<b>634,423</b>
	<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>			
09.	(Tăng)/Giảm tiền vàng gửi và cho vay các TCTD khác		-	-
10.	(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		4,350,101	(641,391)
11.	(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		38,707	(32,671)
12.	(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(7,080,457)	(6,315,256)
13.	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		(374,546)	(259,350)
14.	(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		1,048,903	(4,484,823)
	Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15.	Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	V.14	(2,451,824)	2,451,824
16.	Tăng/(Giảm) tiền gửi, tiền vay các TCTD		(5,527,969)	(2,183,895)

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
17.	Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả tiền gửi của Kho bạc Nhà nước)		4,701,851	798,266
18.	Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá được tính vào hoạt động tài chính)	V.17	3,459,091	(300,000)
19.	Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư, cho vay mà TCTD phải chịu rủi ro		-	-
20.	Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		25,404	-
21.	Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		(60,995)	633,353
22.	Chi từ các quỹ của TCTD	V.19	(42,805)	(1,267)
I.	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(636,187)</b>	<b>(9,700,787)</b>

### LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

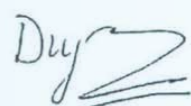
STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01.	Mua sắm tài sản cố định		(64,001)	(107,442)
02.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		590	2,429
03.	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	-
04.	Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
05.	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
06.	Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
07.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (chi đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	-
08.	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	-
09.	Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		-	-
II.	<b>Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(63,411)</b>	<b>(105,013)</b>

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

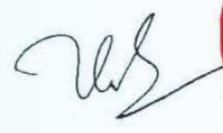
## LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01.	Tăng vốn cổ phần từ hoạt động góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	-
02.	Tiền thu từ phát hành giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác		-	-
03.	Tiền chi thanh toán giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác		-	-
04.	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	-
05.	Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
06.	Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
III.	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		-	-
IV.	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(699,598)</b>	<b>(9,805,800)</b>
V.	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm</b>	<b>VII</b>	<b>25,868,378</b>	<b>35,674,178</b>
VI.	<b>Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá</b>		-	-
VII.	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm</b>	<b>VII</b>	<b>25,168,780</b>	<b>25,868,378</b>

CHƯƠNG 4




Thị Duyên  
Người lập biểu



Vũ Động Xuân Vinh  
Kế toán trưởng



Rạch Chữ, ngày 29 tháng 3 năm 2024

  
Trần Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc



# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

### 1. Giấy phép thành lập và hoạt động, thời hạn có giá trị

Ngân hàng TMCP Kiên Long, tên gọi trước đây là Ngân hàng TMCP Nông thôn Kiên Long (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) hoạt động theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số 0056/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 18 tháng 9 năm 1995.
- Giấy phép thành lập ngân hàng số 1115/GP-UB ngày 02 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

Năm 2006, Ngân hàng được đổi tên thành Ngân hàng TMCP Kiên Long và được chuyển đổi mô hình hoạt động từ ngân hàng nông thôn sang ngân hàng đô thị.

Ngân hàng đăng ký hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700197787 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng đã nhiều lần được điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 21 tháng 12 năm 2022.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 18 tháng 9 năm 1995.

Hoạt động chính của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng, bao gồm: huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật; dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

### 2. Hình thức sở hữu vốn

Ngân hàng TMCP Kiên Long là ngân hàng thương mại cổ phần.

### 3. Vốn điều lệ

Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 là 3.652.819 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.652.819 triệu VND).

### 4. Mạng lưới hoạt động

Trụ sở chính của Ngân hàng đặt tại 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ngân hàng có một (01) hội sở chính, ba mươi mốt (31) chi nhánh và một trăm lẻ ba (103) phòng giao dịch trên toàn quốc.

### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Ngân hàng và 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Ngân hàng.

Ngân hàng đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kiên Long có trụ sở tại Tầng 6, Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Công ty con này được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1701452905, đăng ký

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

lần đầu ngày 12 tháng 11 năm 2010 và điều chỉnh gần nhất vào ngày 27 tháng 10 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là: tư vấn, môi giới kinh doanh, cho thuê bất động sản, quyền sử dụng đất; quản lý các khoản nợ vay và tài sản bảo đảm nợ vay; thẩm định giá và quản lý hồ sơ tài sản bảo đảm; tái cơ cấu các khoản vay; mua khoản nợ từ và bán khoản nợ cho các tổ chức tín dụng. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Ngân hàng tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%).

## 6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 3.767 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 3.623 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND). Theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu Đồng Việt Nam (triệu VND) khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngân hàng áp dụng Hệ thống kế toán các Tổ chức tín dụng (TCTD) Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021. Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng theo Chế độ Báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các chuẩn mực kế toán có liên quan.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các TCTD do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 3. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

## IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TẬP ĐOÀN

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 1. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Báo cáo tình hình tài chính giữa Ngân hàng và công ty con trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

## 2. Chuyển đổi ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Tập đoàn được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay của ngoại tệ đó ("tỷ giá giao ngay") tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính nếu tỷ giá giao ngay này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính, trường hợp tỷ giá giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính thì Tập đoàn dùng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao ngay tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các giao dịch liên quan đến thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Tập đoàn được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản tại ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND tại ngày báo cáo hàng tháng được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm.

## 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tiền gửi tại các TCTD khác, cho vay các TCTD khác với kỳ hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.

## 4. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

*Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác*

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác bao gồm tiền gửi không kỳ hạn; tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng nước ngoài.

Tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước và tiền gửi tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài được phản ánh theo số dư trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước) và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 7 năm 2021 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư số 11/2021/TT-NHNN) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tập đoàn thực hiện việc phân loại các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác dựa trên phương pháp định lượng theo các quy định trên. Việc tính dự phòng cụ thể đối với các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng được căn cứ trên tình trạng quá hạn của nợ gốc hoặc lãi với các tỷ lệ trích lập như sau:

Nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn)	0%
Nhóm 2 (nợ cần chú ý)	5%
Nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn)	20%
Nhóm 4 (nợ nghi ngờ)	50%
Nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn)	100%

### *Cho vay các tổ chức tín dụng khác*

Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc dưới một năm.

Cho vay các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Việc phân loại rủi ro tín dụng của các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng cụ thể tương ứng được thực hiện theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN tương tự như chính sách áp dụng đối với các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác như được trình bày ở trên.

Theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN, Tập đoàn không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

## 5. Chứng khoán kinh doanh

### *Phân loại*

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn hoặc có bằng chứng về việc kinh doanh các chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

### *Ghi nhận*

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán kinh doanh vào ngày Tập đoàn trở thành bên đối tác trong các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này.

### *Đo lường*

Chứng khoán kinh doanh được phản ánh theo giá trị sổ sách trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Mức trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh tối đa bằng giá trị sổ sách của khoản chứng khoán đó.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh sẽ được hoàn nhập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm khi số dự phòng phải trích lập năm nay thấp hơn số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh đã trích lập ở báo cáo năm trước, hoặc tại các thời điểm khác khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất mà Tập đoàn không còn nắm giữ bất kỳ loại chứng khoán kinh doanh nào.

Giá vốn chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

### Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được chấm dứt ghi nhận khi quyền lợi thu các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

## 6. Cho vay khách hàng và phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Tiền vay được ghi nhận khi Tập đoàn và khách hàng ký kết hợp đồng vay, kế ước nhận nợ và Tập đoàn giải ngân cho khách hàng.

Phương thức cho vay đối với tổ chức và cá nhân dưới các hình thức: vay từng lần, theo hạn mức, theo dự án đầu tư,....

Hình thức đảm bảo tiền vay chủ yếu là cầm cố, thế chấp tài sản. Ngoài ra, Tập đoàn còn cho vay tín chấp.

### Phân loại các khoản cho vay khách hàng

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN. Tập đoàn cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid - 19 theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020, Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02 tháng 4 năm 2021, Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07 tháng 9 năm 2021 sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN, Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 23 tháng 4 năm 2023 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Tập đoàn mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Tập đoàn phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro, ngoại trừ số dư nợ sau khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-NHNN, Thông tư 03/2021/TT-NHNN, Thông tư số 14/2021/TT-NHNN và Thông tư số 02/2023/TT-NHNN còn trong hạn theo thời hạn cơ cấu lại, Tập đoàn không áp dụng nguyên tắc điều chỉnh, phân loại lại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn.

Khi Tập đoàn tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Tập đoàn thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của các ngân hàng cho vay hợp vốn.

Theo quy định của Thông tư số 11/2021/TTNHNN, Tập đoàn sử dụng kết quả phân loại nhóm nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng ("CIC") cung cấp để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ hàng tháng. Trường hợp nợ của khách hàng được Tập đoàn phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Tập đoàn phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

### Dự phòng rủi ro tín dụng các khoản cho vay khách hàng

Việc tính dự phòng cụ thể được căn cứ trên các tỷ lệ dự phòng áp dụng cho từng nhóm nợ như sau:

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn)	0%
Nhóm 2 (nợ cần chú ý)	5%
Nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn)	20%
Nhóm 4 (nợ nghi ngờ)	50%
Nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn)	100%

Theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN dự phòng chung được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày cuối tháng của các khoản cho vay khách hàng, không bao gồm các khoản cho vay khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

Theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN, dự phòng cụ thể được tính theo số dư các khoản cho vay từng khách hàng tại ngày cuối tháng trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản đảm bảo. Giá trị và tỷ lệ khấu trừ của tài sản đảm bảo được xác định theo các quy định của Thông tư số 11/2021/TT-NHNN. Tài sản bảo đảm có giá trị từ 50 tỷ đồng Việt Nam trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là bên có liên quan của Tập đoàn và các đối tượng khác theo quy định tại Điều 127 của Luật các tổ chức tín dụng và tài sản bảo đảm có giá trị từ 200 tỷ đồng Việt Nam trở lên đối với các khoản nợ của các khách hàng khác phải được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá, đối với các trường hợp khác các trường hợp nêu trên, tài sản bảo đảm được định giá theo quy định và quy trình nội bộ của Tập đoàn. Tài sản bảo đảm nào không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN thì giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đó xem như bằng không.

Dự phòng cụ thể được trích lập bổ sung theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2021/TT-NHNN, Thông tư số 14/2021/TT-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN và Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 23 tháng 4 năm 2023 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19.

### Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng sẽ được xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro sau khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi khách hàng vay bị phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức, doanh nghiệp), hoặc khi khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân). Các khoản nợ được xử lý rủi ro theo quyết định của Hội đồng Xử lý Rủi ro của Tập đoàn sau khi đã xem xét thấy mọi nỗ lực cần thiết để thu hồi khoản nợ, bao gồm cả các hành động pháp lý đều không có kết quả.

Tập đoàn chuyển khoản nợ được sử dụng dự phòng xử lý rủi ro ra hạch toán trên các tài khoản ngoại bảng và tiếp tục theo dõi, có biện pháp để thu hồi nợ đầy đủ theo thỏa thuận đã ký với khách hàng.

### Các cam kết ngoại bảng

Các cam kết ngoại bảng bao gồm: các khoản bảo lãnh, cam kết giao dịch hối đoái và cam kết trong nghiệp vụ L/C.

Việc phân loại các khoản cam kết ngoại bảng nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng và được thực hiện theo chính sách áp dụng đối với các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh trên.

Toàn bộ số dư nợ và giá trị các cam kết ngoại bảng của một khách hàng tại một tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được phân loại vào cùng một nhóm nợ. Đối với khách hàng có từ hai khoản nợ và/hoặc cam kết ngoại bảng trở lên tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà có bất cứ một khoản nợ hoặc cam kết ngoại bảng nào bị phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn các khoản nợ hoặc cam kết ngoại bảng khác thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó phải phân loại lại các khoản nợ hoặc cam kết ngoại bảng còn lại của khách hàng vào nhóm có mức độ rủi ro cao nhất.

Theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN, Tập đoàn không cần phải lập dự phòng rủi ro cho các cam kết ngoại bảng.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 7. Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Tập đoàn phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Tập đoàn được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi phân loại lần đầu tại thời điểm mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được mà Tập đoàn có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

#### Ghi nhận chứng khoán đầu tư

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán đầu tư tại ngày khớp lệnh đối với chứng khoán niêm yết hoặc tại ngày Tập đoàn chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật đối với chứng khoán chưa niêm yết.

#### Chứng khoán nợ

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí có liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán (bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán). Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian nắm giữ.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán đã niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn không thực hiện trích lập dự phòng đối với chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn trừ khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc có bằng chứng chắc chắn là Tập đoàn khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn của doanh nghiệp chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư số 11/2021/TT-NHNN.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi Tập đoàn mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá chứng khoán hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán đầu tư tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

#### Chấm dứt ghi nhận chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận tại ngày khớp lệnh bán đối với chứng khoán niêm yết hoặc Tập đoàn đã chính thức chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật đối với chứng khoán chưa niêm yết.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận chuyển	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	05 - 10

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng đất (36 - 49 năm), riêng quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 08 năm.



# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 10. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## 11. Các tài sản có khác

### Chi phí mua sắm tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua sắm tài sản, xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí mua sắm tài sản, sửa chữa trụ sở, xây dựng và nâng cấp phần mềm máy vi tính chưa được hoàn thành. Tập đoàn không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và nâng cấp.

### Tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm

Tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm đã chuyển quyền sở hữu chờ xử lý là những tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho Tập đoàn.

### Các tài sản có khác

Các tài sản có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng.

Các tài sản có khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm.

Đối với các tài sản có quá hạn thanh toán, Tập đoàn áp dụng mức trích lập dự phòng theo thời gian quá hạn theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoạt động.

## 12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả gồm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi và vay các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng và các khoản nợ khác được thể hiện theo giá gốc.

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

## 14. Công cụ tài chính phái sinh

Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá trị hợp đồng vào ngày giao dịch và sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Lãi hoặc lỗ khi các công cụ tài chính phái sinh đã thực hiện được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện không được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất mà được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch đánh giá lại các công cụ tài chính phái sinh trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vào thời điểm cuối kỳ kế toán năm.

## 15. Vốn chủ sở hữu và các quỹ

### Vốn điều lệ

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

### Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tập đoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

### Các quỹ dự trữ

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với các TCTD, Tập đoàn phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Tập đoàn.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Tập đoàn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được trích từ lợi nhuận sau thuế. Việc trích từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi pháp luật và được phép phân phối hết.

### Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi không do pháp luật quy định được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và được phép phân phối hết, chủ yếu được dùng để chi trả cho cán bộ, công nhân viên của Tập đoàn. Quỹ khen thưởng và phúc lợi được ghi nhận trong phần nợ phải trả của Tập đoàn.

### 16. Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

Tại từng thời điểm, Tập đoàn có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Tập đoàn cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Cam kết và các khoản nợ tiềm tàng có thể đáo hạn trước khi giải ngân một phần hoặc toàn bộ các khoản đã cam kết. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không nhất thiết phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

### 17. Thu nhập lãi, chi phí lãi và ngừng dự thu lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 và các khoản nợ được giữ nguyên nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn) do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi Tập đoàn thực sự thu được.

Khi một khoản nợ được giữ nguyên Nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước thì số lãi phải thu phát sinh trong năm không được hạch toán là thu nhập và Tập đoàn thực hiện theo dõi ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi Tập đoàn thực sự thu được.

Đối với thu lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu,... là số lãi phải thu trong năm.

Các khoản chi phí trả lãi vay, tiền gửi được hạch toán trên cơ sở dự chi.

### 18. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ bao gồm phí nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác. Thu nhập nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác được ghi nhận khi thu được.

### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 20. Tài sản tài chính

#### Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;

- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;

- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

### Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

### Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

### Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## 21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

### Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động và các khoản nợ phải trả tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

### Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động được ghi nhận theo giá hợp lý.

### Nợ phải trả tài chính khác

Các khoản nợ phải trả tài chính khác gồm: tiền gửi và vay từ Ngân hàng Nhà nước và các TCTD khác, tiền gửi

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

của khách hàng, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

### Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## 22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## 23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ; có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể; có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

## 24. Bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp và các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Ngân hàng và công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Ngân hàng và công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Ngân hàng và công ty con. Các bên liên kết và các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Ngân hàng và công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Ngân hàng và công ty con, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, cần chú ý đến bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của mối quan hệ đó.

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)



## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### 1. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt bằng VND	637.293	701.168
Tiền mặt bằng ngoại tệ	23.302	41.649
<b>Cộng</b>	<b>660.595</b>	<b>742.817</b>

### 2. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước quý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt bằng VND	5.642.438	1.341.428
Tiền mặt bằng ngoại tệ	492.245	6.499
<b>Cộng</b>	<b>6.134.683</b>	<b>1.347.927</b>

Phản ánh các tài khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định. Trong đó, tiền gửi dự trữ bắt buộc được xác định tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, với tỷ lệ dự trữ là:

- Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng: 3% đối với VND, 8% đối với ngoại tệ.
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên: 1% đối với VND, 6% đối với ngoại tệ.
- Tiền gửi ở nước ngoài: 1% đối với ngoại tệ.

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 3. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

### 3.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi không kỳ hạn	428.402	4.689.334
Bằng VND	38.877	4.521.126
Bằng ngoại tệ	389.525	168.208
Tiền gửi có kỳ hạn	15.097.150	15.089.800
Bằng VND	11.695.150	14.148.600
Bằng ngoại tệ	3.402.000	941.200
<b>Cộng</b>	<b>15.525.552</b>	<b>19.779.134</b>

### 3.2 Cho vay các TCTD khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay các TCTD khác	2.847.950	3.998.500
Bằng VND	2.847.950	3.998.500
<b>Cộng</b>	<b>2.847.950</b>	<b>3.998.500</b>

#### Phân tích chất lượng nợ vay

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, tất cả các khoản tiền gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng khác đều được phân loại là Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn.

## 4. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành (chưa niêm yết), đã tất toán trong năm.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 5. Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản/khoản nợ phải trả tài chính khác

	Tổng giá trị hợp đồng (theo tỷ giá tại ngày hiệu lực hợp đồng)	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày cuối năm)	
		Tài sản	Công nợ
<b>Số cuối năm</b>			
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	360.190	-	19.990
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	1.408.950	-	5.414
<b>Cộng</b>	<b>1.769.140</b>	<b>-</b>	<b>25.404</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	1.692.506	21.876	-
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	1.388.270	16.831	-
<b>Cộng</b>	<b>3.080.776</b>	<b>38.707</b>	<b>-</b>

### 6. Cho vay khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	51.783.052	44.700.596
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	-	1.999
<b>Cộng</b>	<b>51.783.052</b>	<b>44.702.595</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### Phân tích chất lượng nợ vay

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ đủ tiêu chuẩn	50.157.776	43.501.787
Nợ cần chú ý	623.705	355.793
Nợ dưới tiêu chuẩn	229.607	75.282
Nợ nghi ngờ	320.567	121.976
Nợ có khả năng mất vốn	451.397	647.757
<b>Cộng</b>	<b>51.783.052</b>	<b>44.702.595</b>

### Phân tích dư nợ theo thời gian

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ ngắn hạn	30.074.064	27.619.454
Nợ trung hạn	17.963.067	10.291.949
Nợ dài hạn	3.745.921	6.791.192
<b>Cộng</b>	<b>51.783.052</b>	<b>44.702.595</b>

### Phân tích dư nợ theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hộ kinh doanh và cá nhân	14.537.444	22.339.786
Công ty trách nhiệm hữu hạn	33.683.922	17.058.356
Công ty cổ phần	3.561.686	5.302.093
Doanh nghiệp tư nhân	-	2.360
<b>Cộng</b>	<b>51.783.052</b>	<b>44.702.595</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phân tích dư nợ theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	4.098.494	8.172.209
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	3.951.514	7.043.685
Hoạt động dịch vụ khác	25.396.542	18.203.288
Lĩnh vực bất động sản (kinh doanh, tự sử dụng)	2.195.625	2.928.243
Hoạt động đầu tư	-	270.000
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ	7.675.614	3.162.642
Xây dựng	8.011.771	4.667.549
Vận tải kho bãi	180.339	6.801
Công nghiệp chế biến, chế tạo	153.550	41.954
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	116.037	192.321
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	-	2.000
Thông tin và truyền thông	1.600	409
Giáo dục và đào tạo	-	10.725
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	661	640
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	-	45
Khai khoáng	745	-
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	560	84
<b>Cộng</b>	<b>51.783.052</b>	<b>44.702.595</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 7. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Đối với sự thay đổi (tăng/giảm) của dự phòng rủi ro tín dụng

	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể
<b>Năm nay</b>		
Số đầu năm nay	(323.385)	(256.474)
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm nay	(41.150)	(376.770)
Sử dụng dự phòng trong năm nay	-	374.546
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>(364.535)</b>	<b>(258.698)</b>
<b>Năm trước</b>		
Số đầu năm trước	(260.629)	(106.187)
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm trước	(62.756)	(409.637)
Sử dụng dự phòng trong năm trước	-	259.350
<b>Số cuối năm trước</b>	<b>(323.385)</b>	<b>(256.474)</b>

Chi tiết số dư dự phòng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng:</b>		
Dự phòng chung	(364.535)	(323.385)
Dự phòng cụ thể	(258.698)	(256.474)
<b>Cộng</b>	<b>(623.233)</b>	<b>(579.859)</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 8. Chứng khoán đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>	<b>796.897</b>	<b>1.541.999</b>
<i>Chứng khoán nợ</i>		
• Trái phiếu chính phủ	-	348.597
• Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	-	397.800
• Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	796.897	795.602
<b>Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>	<b>(6.045)</b>	<b>(5.966)</b>
Dự phòng chung	(6.045)	(5.966)
<b>Cộng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>	<b>790.852</b>	<b>1.536.033</b>

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Chứng khoán nợ</i>		
Trái phiếu Chính phủ <sup>(i)</sup>	2.588.098	6.048.842
<b>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>2.588.098</b>	<b>6.048.842</b>
<b>Cộng chứng khoán đầu tư</b>	<b>3.378.950</b>	<b>7.584.875</b>

(i) Trong trái phiếu Chính phủ có các loại trái phiếu với tổng mệnh giá 75.000 triệu VND (số đầu năm là 3.616.000 triệu VND) được Tập đoàn cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tham gia nghiệp vụ thị trường mở, hạn mức bù trừ và hạn mức nợ ròng (xem thuyết minh số IX.5).

Biến động dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	(5.966)	(5.956)
Trích lập dự phòng trong năm	(79)	(10)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(6.045)</b>	<b>(5.966)</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	729.020	74.349	137.505	131.962	22.838	1.095.674
Mua trong năm	-	2.367	-	1.401	-	3.768
Đầu tư XDCB hoàn thành	92	-	7.940	-	-	8.032
Thanh lý, nhượng bán	(16)	(262)	-	(75)	-	(353)
Phân loại lại	-	75	-	(75)	(34)	(34)
<b>Số cuối năm</b>	<b>729.096</b>	<b>76.529</b>	<b>145.445</b>	<b>133.213</b>	<b>22.804</b>	<b>1.107.087</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	9.960	14.128	51.715	65.677	9.917	151.397
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	189.340	42.625	94.925	101.197	14.148	442.235
Khấu hao trong năm	28.382	5.571	9.606	9.697	734	53.990
Thanh lý, nhượng bán	(16)	(218)	-	-	-	(234)
<b>Số cuối năm</b>	<b>217.706</b>	<b>47.978</b>	<b>104.531</b>	<b>110.894</b>	<b>14.882</b>	<b>495.991</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	539.680	31.724	42.580	30.765	8.690	653.439
<b>Số cuối năm</b>	<b>511.390</b>	<b>28.551</b>	<b>40.914</b>	<b>22.319</b>	<b>7.922</b>	<b>611.096</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	686.287	114.325	20.014	820.626
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thànhThanh lý	-	34.234	-	34.234
<b>Số cuối năm</b>	<b>686.287</b>	<b>148.559</b>	<b>20.014</b>	<b>854.860</b>
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	51.637	7.870	59.507
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	10.483	69.798	15.176	95.457
Khấu hao trong năm	1.840	14.836	1.820	18.496
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.323</b>	<b>84.634</b>	<b>16.996</b>	<b>113.953</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	675.804	44.527	4.838	725.169
<b>Số cuối năm</b>	<b>673.964</b>	<b>63.925</b>	<b>3.018</b>	<b>740.907</b>
Trong đó:				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 11. Các khoản phải thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (i)	65.564	65.061
Khoản phải thu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam liên quan đến Chương trình Hỗ trợ lãi suất	3.259	3.972
Ký quỹ thuê văn phòng và tạm ứng hợp đồng	33.704	41.917
Tạm ứng để hoạt động nghiệp vụ	2.024	8.820
Tạm ứng nộp ngân sách Nhà nước	17.464	-
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	583	579
Khoản phải thu từ nghiệp vụ thẻ tín dụng và Banknetvn	973.854	856.385
Phải thu khách hàng nghiệp vụ thư tín dụng	2.842.357	4.020.291
Ký quỹ tại các tổ chức thanh toán quốc tế	34.924	34.136
Phải thu từ dịch vụ cho thuê kho và văn phòng	3.315	1.156
Phải thu khác	76.940	82.958
<b>Cộng</b>	<b>4.053.988</b>	<b>5.115.275</b>

(i) Chi tiết các khoản tạm ứng mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà cửa	6.565	4.385
Phần mềm máy vi tính	47.608	60.676
Máy móc thiết bị	4.691	-
Phương tiện vận chuyển	6.700	-
<b>Cộng</b>	<b>65.564</b>	<b>65.061</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 12. Các khoản lãi, phí phải thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi phải thu từ tiền gửi	34.662	17.426
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	73.681	130.675
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	1.250.909	839.809
Lãi phải thu từ các công cụ tài chính phái sinh	7.064	3.443
Phí phải thu	71.615	106.140
<b>Cộng</b>	<b>1.437.931</b>	<b>1.097.493</b>

### 13. Tài sản có khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí chờ phân bổ	314.692	285.992
Công cụ và dụng cụ	8.210	8.461
Chi hệ các TCTD khác	-	15.684
Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho Ngân hàng đang chờ xử lý	120.953	114.869
Tài sản có khác	6.460	12.925
<b>Cộng</b>	<b>450.315</b>	<b>437.931</b>

### 14. Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN

Khoản vay tái chiết khấu trái phiếu với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với lãi suất từ 6%/năm đến 7%/năm đã tất toán trong năm.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 15. Tiền, vàng gửi và vay các TCTD khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi của các TCTD khác	<b>15.268.267</b>	<b>19.623.547</b>
Tiền gửi không kỳ hạn	26.817	4.534.147
<i>Bằng VND</i>	26.817	4.534.147
Tiền gửi có kỳ hạn	15.241.450	15.089.400
<i>Bằng VND</i>	11.207.650	14.148.200
<i>Bằng ngoại tệ</i>	4.033.800	941.200
Vay các TCTD khác	<b>2.850.663</b>	<b>4.023.352</b>
Vay các TCTD khác bằng VND	2.849.958	4.022.601
Vay các TCTD khác bằng ngoại tệ	705	751
<b>Cộng</b>	<b>18.118.930</b>	<b>23.646.899</b>

### 16. Tiền gửi của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi không kỳ hạn	3.403.885	2.051.781
<i>Bằng VND</i>	3.391.625	2.040.815
<i>Bằng ngoại tệ</i>	12.260	10.966
Tiền gửi có kỳ hạn	1.889.810	1.871.934
<i>Bằng VND</i>	1.889.810	1.824.874
<i>Bằng ngoại tệ</i>	-	47.060
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn	11.817	9.631
<i>Bằng VND</i>	8.729	6.550
<i>Bằng ngoại tệ và vàng</i>	3.088	3.081
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	51.582.642	48.240.973
<i>Bằng VND</i>	51.537.924	48.194.602
<i>Bằng ngoại tệ và vàng</i>	44.718	46.371
Tiền ký quỹ	9.568	21.552
<i>Bằng VND</i>	9.568	20.781
<i>Bằng ngoại tệ</i>	-	771
<b>Cộng</b>	<b>56.897.722</b>	<b>52.195.871</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tiền gửi của tổ chức kinh tế</b>	<b>3.453.819</b>	<b>2.510.978</b>
Công ty cổ phần	1.239.037	1.113.862
Công ty trách nhiệm hữu hạn	542.604	428.216
Doanh nghiệp tư nhân	628	4.549
Các tổ chức khác	1.671.550	964.351
<b>Tiền gửi của cá nhân</b>	<b>53.443.903</b>	<b>49.684.893</b>
<b>Cộng</b>	<b>56.897.722</b>	<b>52.195.871</b>

### 17. Phát hành giấy tờ có giá

Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn từ 03 đến 84 tháng, trả lãi định kỳ 6 tháng hoặc cuối kỳ, lãi suất từ 5,7%/năm đến 9,5%/năm.

### 18. Các khoản lãi, phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi phải trả cho tiền gửi	1.483.547	978.377
Lãi phải trả về phát hành các giấy tờ có giá	48.292	-
Lãi phải trả cho tiền vay	58.779	89.995
Lãi phải trả cho các công cụ tài chính phái sinh	16.948	19.086
<b>Cộng</b>	<b>1.607.566</b>	<b>1.087.458</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 19. Các khoản phải trả và công nợ khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước (xem thuyết minh số VIII.2)	58.230	50.265
Phải trả cho cán bộ, công nhân viên	24.283	-
Các khoản chờ thanh toán khác	864.555	1.035.154
Quỹ khen thưởng và phúc lợi (i)	6.415	49.220
Chuyển tiền phải trả	7.347	1.500
Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	24.397	26.818
Phải trả khác	121.104	31.598
<b>Cộng</b>	<b>1.106.331</b>	<b>1.194.555</b>

(i) Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng và phúc lợi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	49.220	10.124
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	40.364
Chi quỹ	(42.805)	(1.268)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.415</b>	<b>49.220</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 20. Vốn và quỹ của Tập đoàn

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Các quỹ của TCTD	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	3.652.819	(34.200)	290.521	770.277	4.679.417
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	544.521	544.521
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm trước từ lợi nhuận sau thuế năm 2021	-	-	115.541	(115.541)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(40.364)	(40.364)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>3.652.819</b>	<b>(34.200)</b>	<b>406.062</b>	<b>1.158.893</b>	<b>5.183.574</b>
Số dư đầu năm nay	3.652.819	(34.200)	406.062	1.158.893	5.183.574
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	573.984	573.984
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm trước từ lợi nhuận sau thuế năm 2022	-	-	81.678	(81.678)	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>3.652.819</b>	<b>(34.200)</b>	<b>487.740</b>	<b>1.651.199</b>	<b>5.757.558</b>

#### Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	365.281.878	365.281.878
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	365.281.878	365.281.878
- Cổ phiếu phổ thông	365.281.878	365.281.878
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(3.800.000)	(3.800.000)
- Cổ phiếu phổ thông	(3.800.000)	(3.800.000)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	361.481.878	361.481.878
- Cổ phiếu phổ thông	361.481.878	361.481.878
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 21. Các quỹ của Tập đoàn

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Cộng
Số dư đầu năm trước	34.531	255.987	3	290.521
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm trước từ lợi nhuận sau thuế năm 2021	38.514	77.027	-	115.541
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>73.045</b>	<b>333.014</b>	<b>3</b>	<b>406.062</b>
Số dư đầu năm nay	73.045	333.014	3	406.062
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm trước từ lợi nhuận sau thuế năm 2022	27.226	54.452	-	81.678
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>100.271</b>	<b>387.466</b>	<b>3</b>	<b>487.740</b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

### 1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	Năm nay	Năm trước
Thu lãi tiền gửi	305.470	196.275
Thu lãi cho vay	7.142.696	4.893.529
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán nợ	241.413	271.729
Thu phí từ bảo lãnh	11.430	10.934
Thu khác từ hoạt động tín dụng	78.420	3.784
<b>Cộng</b>	<b>7.779.429</b>	<b>5.376.251</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 2. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

	Năm nay	Năm trước
Trả lãi tiền gửi	4.967.122	2.682.993
Trả lãi tiền vay	337.726	165.954
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	96.721	14.299
Chi phí khác từ hoạt động tín dụng	339.754	421.484
<b>Cộng</b>	<b>5.741.323</b>	<b>3.284.730</b>

### 3. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>556.312</b>	<b>422.695</b>
Thu từ dịch vụ thanh toán	491.902	304.891
Thu từ dịch vụ cho thuê kho và văn phòng	990	3.679
Thu từ dịch vụ thẩm định tài sản	10.360	21.809
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	353	640
Thu từ kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm	36.343	64.554
Thu khác	16.364	27.122
<b>Chi phí hoạt động dịch vụ</b>	<b>43.579</b>	<b>26.651</b>
Chi về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	32.310	17.089
Chi về dịch vụ tư vấn	3.448	5.550
Chi về dịch vụ khác	7.821	4.012
<b>Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>512.733</b>	<b>396.044</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 4. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	Năm nay	Năm trước
<b>Thu về hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>300.909</b>	<b>487.987</b>
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	169.085	381.855
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	131.824	106.132
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>241.713</b>	<b>453.006</b>
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	17.076	196.497
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	224.637	256.509
<b>Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối</b>	<b>59.196</b>	<b>34.981</b>

### 5. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	125.698	29.234
Chi cho kinh doanh chứng khoán đầu tư	(43.169)	(21.406)
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(79)	(10)
<b>Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>82.450</b>	<b>7.818</b>

### 6. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác

	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập từ hoạt động khác</b>	<b>95.764</b>	<b>88.565</b>
Thu từ bán tài sản gán nợ	-	2.429
Thu hồi các khoản nợ đã xóa	91.328	83.647
Thu từ hoạt động kinh doanh khác	4.436	2.489
<b>Chi phí hoạt động khác</b>	<b>5.845</b>	<b>5.651</b>
Chi phí cho hoạt động công tác xã hội	4.090	2.091
Chi phí khác	1.755	3.560
<b>Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác</b>	<b>89.919</b>	<b>82.914</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 7. Chi phí hoạt động

	Năm nay	Năm trước
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	25.590	20.185
Chi phí cho nhân viên	1.023.502	957.263
Trong đó:		
Chi lương và phụ cấp	879.468	840.816
Các khoản chi đóng góp theo lương	69.901	59.233
Chi phí khác cho nhân viên	74.133	57.214
Chi về tài sản	199.696	189.687
Trong đó:		
Chi phí khấu hao tài sản cố định	72.486	67.152
Chi phí thuê tài sản	78.448	73.440
Chi sửa chữa, bảo trì	34.278	37.446
Chi mua sắm công cụ lao động	13.846	11.248
Chi phí khác	638	401
Chi phí hoạt động quản lý và công vụ	316.115	220.171
Trong đó:		
Chi phí quảng cáo tiếp thị, khuyến mại và vật liệu văn phòng	98.508	52.890
Công tác phí	14.906	9.794
Chi phí điện nước, vệ sinh cơ quan, xăng dầu	40.066	40.344
Chi phí thông tin liên lạc, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ	58.846	50.975
Chi phí đào tạo	1.336	516
Chi phí hội nghị, lễ tân, khánh tiết	84.177	65.652
Chi phí khác	18.276	15.038
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	80.934	56.678
<b>Cộng</b>	<b>1.645.837</b>	<b>1.459.022</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 8. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

	Năm nay	Năm trước
Trích lập dự phòng chung cho vay khách hàng	41.150	62.756
Trích lập dự phòng cụ thể cho vay khách hàng	376.770	409.637
<b>Cộng</b>	<b>417.920</b>	<b>472.393</b>

### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

#### 9a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	573.984	544.521
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	573.984	544.521
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	361.481.878	361.481.878
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.588</b>	<b>1.506</b>

Tập đoàn chưa có kế hoạch phân phối quỹ khen thưởng và phúc lợi năm nay. Lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ được điều chỉnh lại sau khi có kế hoạch phân phối lợi nhuận được Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn thông qua.

#### 9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)



## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

### Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	660.595	742.817
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	6.134.683	1.347.927
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn trong vòng 3 tháng	18.373.502	23.777.634
<b>Cộng</b>	<b>25.168.780</b>	<b>25.868.378</b>



## VIII. THÔNG TIN KHÁC

### 1. Tình hình thu nhập của nhân viên

	Năm nay	Năm trước
Số lượng nhân viên bình quân (người)	3.656	3.479
<b>Thu nhập của nhân viên</b>		
Tổng quỹ lương	765.565	750.666
Tiền thưởng	156.709	90.150
<b>Tổng thu nhập</b>	<b>922.274</b>	<b>840.816</b>
<b>Tiền lương bình quân/tháng</b>		
	<b>17</b>	<b>18</b>
<b>Thu nhập bình quân/tháng</b>		
	<b>21</b>	<b>20</b>

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm		Số cuối năm
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	14.137	55.377	(63.208)	6.306
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.615	143.478	(134.064)	41.029
Các loại thuế khác	4.513	52.975	(46.593)	10.895
<b>Cộng</b>	<b>50.265</b>	<b>251.830</b>	<b>(243.865)</b>	<b>58.230</b>

### Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.  
Thuế suất áp dụng cho hoạt động dịch vụ ngân hàng và thanh toán là 10%.

### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.  
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:  
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các đơn vị trong Tập đoàn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ngân hàng TMCP Kiên Long	143.478	137.342
<b>Cộng</b>	<b>143.478</b>	<b>137.342</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### Các khoản thuế, lệ phí khác

Tập đoàn nộp theo các quy định hiện hành.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 3. Loại hình và giá trị tài sản thế chấp của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bất động sản	42.280.536	59.353.993
Máy móc và thiết bị	69.264	136.483
Phương tiện vận tải	757.900	1.112.611
Cổ phiếu phát hành bởi TCTD khác	-	240.663
Cổ phiếu phát hành bởi tổ chức kinh tế	11.458.650	8.911.065
Sổ tiết kiệm	7.863.485	11.729.433
Tài sản khác	41.614.804	14.815.501
<b>Cộng</b>	<b>104.044.639</b>	<b>96.299.749</b>

### 4. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Cam kết trong nghiệp vụ L/C</i>	416	6.938
Giá trị theo hợp đồng	486	7.709
Trừ: Tiền ký quỹ	(70)	(771)
<i>Bảo lãnh khác</i>	362.814	257.326
Giá trị theo hợp đồng	365.930	281.212
Trừ: Tiền ký quỹ	(3.116)	(23.886)

### 5. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được

Lãi cho vay chưa thu được.

### 6 Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	740.506	419.018
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	1.277.852	1.125.268
<b>Cộng</b>	<b>2.018.358</b>	<b>1.544.286</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 7. Tài sản và chứng từ khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản khác giữ hộ	9.629.413	15.497.812
Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	927.413	923.289
<b>Cộng</b>	<b>10.556.826</b>	<b>16.421.101</b>

### 8. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

#### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập thuần của các thành viên quản lý chủ chốt (Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng) trong năm nay là 46.623 triệu VND (năm trước là 35.644 triệu VND).

Các nghiệp vụ phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Thành viên Hội đồng quản trị</i>		
Chi phí lãi tiền gửi	261	173
Thù lao	21.101	15.615
<i>Thành viên Ban Tổng Giám đốc</i>		
Chi phí lãi tiền gửi	12	49
Tiền lương và thưởng	18.992	14.321
<i>Thành viên Ban kiểm soát</i>		
Chi phí lãi tiền gửi	2	4
Thù lao	6.530	5.708
<i>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị</i>		
Chi phí lãi tiền gửi	485	1.270
<i>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban Tổng Giám đốc</i>		
Chi phí lãi tiền gửi	809	9.997
<i>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban kiểm soát</i>		
Chi phí lãi tiền gửi	82	84



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Thành viên Hội đồng quản trị</i>		
Cho vay	-	27
<i>Thành viên Ban Tổng Giám đốc</i>		
Cho vay	139	298
<i>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị</i>		
Cho vay	132	53.373
<i>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban Tổng Giám đốc</i>		
Cho vay	4.187	815
<i>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban kiểm soát</i>		
Cho vay	-	225
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>6.438</b>	<b>56.718</b>
<i>Thành viên Hội đồng quản trị</i>		
Tiền gửi	1.212	1.848
Lãi phải trả	10	6
<i>Thành viên Ban Tổng Giám đốc</i>		
Tiền gửi	1.798	4.738
Lãi phải trả	3	5

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi phải trả	3	5
<i>Thành viên Ban kiểm soát</i>		
Tiền gửi	705	243
<i>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị</i>		
Tiền gửi	111.995	47.876
Lãi phải trả	178	54
<i>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban Tổng Giám đốc</i>		
Tiền gửi	24.907	164.291
Lãi phải trả	118	274
<i>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban kiểm soát</i>		
Tiền gửi	1.300	1.408
Lãi phải trả	23	19
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>481.136</b>	<b>551.546</b>

### 9. Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

	Tổng dư nợ tiền gửi và cho vay	Tổng tiền gửi và tiền vay	Phát hành giấy tờ có giá	Các cam kết tín dụng	Chứng khoán kinh doanh	Chứng khoán đầu tư
<b>Số cuối năm</b>						
Trong nước	76.291.237	75.016.652	3.459.091	366.416	-	3.384.995
Nước ngoài	-	-	-	-	-	-
<b>Số đầu năm</b>						
Trong nước	69.828.156	78.620.286	-	288.921	144.176	7.590.841
Nước ngoài	-	-	-	-	-	-



# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## IX. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

### 1. Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm tổng thể về việc hướng dẫn, giám sát nhận định về rủi ro và đảm bảo duy trì một nền văn hóa quản lý rủi ro và tuân thủ hiệu quả. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm trong việc xây dựng các mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Tập đoàn, bao gồm việc thiết lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, các hạn mức rủi ro và các quy định về phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro được thực hiện bởi các phòng, ban, trung tâm có liên quan theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Phòng Quản lý rủi ro của Ngân hàng thực hiện công tác quản lý rủi ro hàng ngày tại Tập đoàn dưới sự chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Cùng với các phòng ban khác, trung tâm khai thác, Phòng Quản lý rủi ro chịu trách nhiệm phát triển hệ thống quản lý rủi ro các công cụ và phương pháp luận để xác định, đo lường, theo dõi, kiểm soát và đánh giá rủi ro.

Ngoài ra, Phòng Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng chịu trách nhiệm soát xét độc lập việc quản lý rủi ro và môi trường kiểm soát của Tập đoàn.

### 2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi bên đối tác của Tập đoàn không thực hiện trách nhiệm của mình gây ra tổn thất cho Tập đoàn. Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ hoạt động cho vay hình thành nợ và các khoản tạm ứng.

#### Các chính sách quản lý và giảm thiểu rủi ro tín dụng

Để quản lý rủi ro tín dụng, Tập đoàn sử dụng các công cụ như: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; xếp hạng tín dụng; quy định về hạn mức tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc xây dựng hạn mức cho vay đối với mỗi khách hàng hay một nhóm khách hàng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngoài ra, việc quản lý rủi ro tín dụng còn được thực hiện thông qua phân tích khả năng khách hàng hay khách hàng tiềm năng có thể thanh toán gốc và lãi.

#### Mức độ tập trung rủi ro của tài sản tài chính có rủi ro tín dụng

Các tài sản tài chính phi phái sinh phân loại theo khu vực địa lý được trình bày tại thuyết minh số X.

#### Tổng mức tối đa có rủi ro tín dụng chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất cũng như trên các tài khoản ngoại bảng của các công cụ tài chính mà chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng khác.

Bảng dưới đây trình bày mức rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn:

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Mức rủi ro tín dụng của các tài khoản thuộc Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất</i>		
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	6.134.683	1.347.927
Tiền gửi và cho vay tại các TCTD khác	18.373.502	23.777.634
Chứng khoán kinh doanh – gộp	-	144.176
Cho vay khách hàng – gộp	51.783.052	44.702.595
Chứng khoán đầu tư – gộp	3.384.995	7.590.841
Các khoản lãi, phí phải thu	1.437.931	1.097.493
Các tài sản tài chính khác – gộp	3.934.649	4.998.898
<b>Cộng</b>	<b>85.048.812</b>	<b>83.659.564</b>
<i>Mức độ rủi ro tín dụng của các tài khoản ngoại bảng</i>		
Cam kết trong nghiệp vụ L/C – gộp	486	7.709
Bảo lãnh khác – gộp	365.930	281.212
<b>Cộng</b>	<b>366.416</b>	<b>288.921</b>

### 3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn sẽ đối mặt với khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính.

Chiến lược của Tập đoàn trong quản lý rủi ro thanh khoản là Ban Tổng Giám đốc thiết lập giới hạn về mức tối thiểu các khoản vốn đến hạn có thể dùng để đáp ứng những yêu cầu rút vốn này và mức tối thiểu các khoản vay liên ngân hàng và các khoản vay để đáp ứng những nhu cầu rút vốn ngoài dự kiến.

Hoạt động trong lĩnh vực rất nhạy cảm trước các biến động của thị trường, các tin đồn thất thiệt có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Tập đoàn đang thực hiện các biện pháp nhằm kiểm soát rủi ro về thanh khoản như sau:

- Thực hiện duy trì các tỷ lệ đảm bảo khả năng thanh khoản, bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Quản lý nguồn vốn tập trung, đảm bảo khả năng thanh khoản cho Tập đoàn thông qua việc nghiên cứu, phân tích độ lệch kỳ hạn; dự đoán thời hạn, trị giá các khoản chi chủ yếu ảnh hưởng đến luồng tiền vào ra, từ đó đưa ra các chỉ số giới hạn, các danh mục đầu tư hợp lý và có tính thanh khoản cao có thể chuyển đổi thành tiền mặt đáp ứng nhu cầu rút tiền theo định kỳ hoặc đột xuất của khách hàng;
- Luôn theo dõi, phân tích, đánh giá và có trách nhiệm chủ động công bố thông tin nhằm giúp khách hàng hiểu rõ mọi hoạt động của Tập đoàn.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Tập đoàn theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 đến ngày đáo hạn:

	Quá hạn			Trong hạn				
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Tài sản</b>								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	660.595	-	-	-	-	660.595
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	6.134.683	-	-	-	-	6.134.683
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	15.525.552	-	2.847.950	-	-	18.373.502
Cho vay khách hàng (*)	1.001.571	623.705	4.041.883	5.617.345	22.681.141	14.634.360	3.183.047	51.783.052
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	-	796.897	2.588.098	3.384.995
Tài sản cố định	-	-	605.920	10	5.366	66.521	674.186	1.352.003
Các tài sản có khác (*)	52.977	-	1.437.931	4.451.446	-	-	-	5.942.354
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.054.548</b>	<b>623.705</b>	<b>28.406.564</b>	<b>10.068.801</b>	<b>25.534.457</b>	<b>15.497.778</b>	<b>6.445.331</b>	<b>87.631.184</b>
<b>Nợ phải trả</b>								
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	15.268.267	-	2.842.357	7.601	705	18.118.930
Tiền gửi của khách hàng	-	-	18.048.584	13.358.546	24.510.109	979.467	1.016	56.897.722
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	25.404	-	-	-	-	25.404
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	199.200	31.600	1.928.100	1.300.191	3.459.091
Các khoản nợ khác	-	-	2.713.897	-	-	-	-	2.713.897
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>36.056.152</b>	<b>13.557.746</b>	<b>27.384.066</b>	<b>2.915.168</b>	<b>1.301.912</b>	<b>81.215.044</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>1.054.548</b>	<b>623.705</b>	<b>(7.649.588)</b>	<b>(3.488.945)</b>	<b>(1.849.609)</b>	<b>12.582.610</b>	<b>5.143.419</b>	<b>6.416.140</b>

(\*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Tập đoàn theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2022 đến ngày đáo hạn:

	Quá hạn			Trong hạn				
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Tài sản</b>								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	742.817	-	-	-	-	742.817
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	1.347.927	-	-	-	-	1.347.927
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	19.779.134	-	3.998.500	-	-	23.777.634
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	-	144.176	-	-	144.176
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	38.707	-	-	-	-	38.707
Cho vay khách hàng (*)	845.015	355.793	3.226.331	4.368.835	21.185.103	9.134.707	5.586.811	44.702.595
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	397.800	795.602	6.397.439	7.590.841
Tài sản cố định	-	-	607.286	259	2.437	82.939	685.687	1.378.608
Các tài sản có khác (*)	54.483	-	1.097.493	5.500.029	-	-	-	6.652.005
<b>Tổng tài sản</b>	<b>899.498</b>	<b>355.793</b>	<b>26.839.695</b>	<b>9.869.123</b>	<b>25.728.016</b>	<b>10.013.248</b>	<b>12.669.937</b>	<b>86.375.310</b>
<b>Nợ phải trả</b>								
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	20.928.133	1.156.625	4.005.613	7.601	751	26.098.723
Tiền gửi của khách hàng	-	-	7.566.888	7.714.529	34.518.852	2.394.231	1.371	52.195.871
Các khoản nợ khác	-	-	2.282.013	-	-	-	-	2.282.013
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>30.777.034</b>	<b>8.871.154</b>	<b>38.524.465</b>	<b>2.401.832</b>	<b>2.122</b>	<b>80.576.607</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>899.498</b>	<b>355.793</b>	<b>(3.937.339)</b>	<b>997.969</b>	<b>(12.796.449)</b>	<b>7.611.416</b>	<b>12.667.815</b>	<b>5.798.703</b>

(\*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 4. Rủi ro thị trường

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị của dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự biến động giá trên thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ trạng thái mở của lãi suất và tiền tệ chịu tác động từ biến động trên thị trường nói chung và từng loại thị trường nói riêng và sự thay đổi mức độ biến động của giá thị trường như: lãi suất, tín dụng, tỷ giá hối đoái.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất.

### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính bị biến động do tác động của các thay đổi về lãi suất của thị trường. Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc kiểm soát mức chênh lệch lãi suất theo kỳ hạn hàng tháng.

Tập đoàn đo lường bằng cách phân tích độ nhạy cảm của lãi suất, tức là phân loại trái phiếu và các chứng từ khác về mức độ rủi ro thị trường phân ra theo loại tiền, ngày đến hạn,...

Để có thể kiểm soát rủi ro về lãi suất, Tập đoàn đã và đang áp dụng chính sách quản lý rủi ro lãi suất trên cơ sở hệ thống báo cáo ALCO nhằm phân tích mức chênh lệch tài sản nợ - tài sản có nhạy cảm với lãi suất trong từng khung kỳ hạn, tính toán Duration Gap của tài sản nợ - tài sản có, lãi suất của các khoản mục nguồn vốn và tài sản, từ đó đưa ra các biện pháp xử lý, cụ thể:

- Thực hiện cho vay với lãi suất thả nổi, điều này có thể cho phép Tập đoàn có thể linh hoạt mức lãi suất cho vay phù hợp với biến động của thị trường;
- Duy trì chênh lệch lãi suất giữa đầu vào, đầu ra một cách hợp lý, tuân thủ quy định về an toàn vốn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

				Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 6 tháng	Từ 6 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Tài sản</b>									
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	660.595	-	-	-	-	-	-	660.595
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	6.134.683	-	-	-	-	-	6.134.683
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	15.525.552	-	-	2.847.950	-	-	18.373.502
Cho vay khách hàng (*)	1.625.276	-	4.041.883	5.617.345	5.973.525	16.707.617	14.634.360	3.183.046	51.783.052
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	-	-	796.897	2.588.098	3.384.995
Tài sản cố định	-	1.352.003	-	-	-	-	-	-	1.352.003
Các tài sản có khác (*)	52.977	5.889.377	-	-	-	-	-	-	5.942.354
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.678.253</b>	<b>7.901.975</b>	<b>25.702.118</b>	<b>5.617.345</b>	<b>5.973.525</b>	<b>19.555.567</b>	<b>15.431.257</b>	<b>5.771.144</b>	<b>87.631.184</b>
<b>Nợ phải trả</b>									
Tiền gửi và vay NHNN và các TCTD khác	-	-	15.268.267	-	-	2.842.357	7.601	705	18.118.930
Tiền gửi của khách hàng	-	-	18.048.583	13.358.547	17.517.925	6.992.183	979.467	1.017	56.897.722
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	25.404	-	-	-	-	-	25.404
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	199.200	31.600	-	1.928.100	1.300.191	3.459.091
Các khoản nợ khác	-	2.713.897	-	-	-	-	-	-	2.713.897
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>2.713.897</b>	<b>33.342.254</b>	<b>13.557.747</b>	<b>17.549.525</b>	<b>9.834.540</b>	<b>2.915.168</b>	<b>1.301.913</b>	<b>81.215.044</b>
<b>Mức chênh lệch cảm với lãi suất - nội bảng</b>	<b>1.678.253</b>	<b>5.188.078</b>	<b>(7.640.136)</b>	<b>(7.940.402)</b>	<b>(11.576.000)</b>	<b>9.721.027</b>	<b>12.516.089</b>	<b>4.469.231</b>	<b>6.416.140</b>

(\*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

				Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 6 tháng	Từ 6 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Tài sản</b>									
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	-	742.817	-	-	-	-	-	742.817
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	1.347.927	-	-	-	-	-	1.347.927
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	19.779.134	-	1.000.000	2.998.500	-	-	23.777.634
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	-	-	144.176	-	-	144.176
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	38.707	-	-	-	-	-	38.707
Cho vay khách hàng (*)	1.200.808	-	3.226.331	4.368.835	4.818.056	16.367.047	9.134.707	5.586.811	44.702.595
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	-	397.800	795.602	6.397.439	7.590.841
Tài sản cố định	-	1.378.608	-	-	-	-	-	-	1.378.608
Các tài sản có khác (*)	54.483	6.597.522	-	-	-	-	-	-	6.652.005
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.255.291</b>	<b>7.976.130</b>	<b>25.134.916</b>	<b>4.368.835</b>	<b>5.818.056</b>	<b>19.907.523</b>	<b>9.930.309</b>	<b>11.984.250</b>	<b>86.375.310</b>
<b>Nợ phải trả</b>									
Tiền gửi và vay NHNN và các TCTD khác	-	-	20.928.133	1.156.625	1.005.613	3.000.000	7.601	751	26.098.723
Tiền gửi của khách hàng	-	-	7.566.888	7.714.529	20.139.778	14.379.074	2.394.231	1.371	52.195.871
Các khoản nợ khác	-	2.282.013	-	-	-	-	-	-	2.282.013
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>2.282.013</b>	<b>28.495.021</b>	<b>8.871.154</b>	<b>21.145.391</b>	<b>17.379.074</b>	<b>2.401.832</b>	<b>2.122</b>	<b>80.576.607</b>
<b>Mức chênh lệch cảm với lãi suất - nội bảng</b>	<b>1.255.291</b>	<b>5.694.117</b>	<b>(3.360.105)</b>	<b>(4.502.319)</b>	<b>(15.327.335)</b>	<b>2.528.449</b>	<b>7.528.477</b>	<b>11.982.128</b>	<b>5.798.703</b>

(\*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Tập đoàn được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Tập đoàn cũng là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD, EUR và các ngoại tệ khác.

Chiến lược của Tập đoàn trong quản lý rủi ro tiền tệ là đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Tập đoàn sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Ngoài ra, Tập đoàn còn sử dụng các công cụ khác như: tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND.

Để giảm thiểu rủi ro về tiền tệ, Tập đoàn đã xây dựng và thực hiện chính sách quản lý rủi ro về ngoại hối như sau:

- Tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Thiết lập và quản lý hạn mức trạng thái ngoại hối mở;
- Kiểm soát rủi ro thông qua các quy định tách bạch chức năng của các bộ phận, quy định về phân quyền, hạn mức giao dịch, hạn mức dừng lỗ;
- Đa dạng hóa các sản phẩm phái sinh.

Mọi giao dịch nội, ngoại bảng đều được tính ngay vào trạng thái ngoại tệ ngay khi phát sinh.

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro hối đoái của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Bảng trình bày các tài sản và nợ của Tập đoàn theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Tiền tệ khác quy đổi	Cộng
<b>Tài sản</b>				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	21.036	2.092	174	23.302
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	492.246	-	-	492.246
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	3.780.803	3.353	7.369	3.791.525
Cho vay khách hàng (*)	187.844	-	-	187.844
<b>Tổng tài sản</b>	<b>4.481.929</b>	<b>5.445</b>	<b>7.543</b>	<b>4.494.917</b>
<b>Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	4.034.505	-	-	4.034.505
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(1.769.140)	-	-	(1.769.140)
Tiền gửi của khách hàng	58.959	1.067	41	60.067
<b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>	<b>2.324.324</b>	<b>1.067</b>	<b>41</b>	<b>2.325.432</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội bảng</b>	<b>2.157.605</b>	<b>4.378</b>	<b>7.502</b>	<b>2.169.485</b>
<b>Trạng thái tiền tệ ngoại bảng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng</b>	<b>2.157.605</b>	<b>4.378</b>	<b>7.502</b>	<b>2.169.485</b>

(\*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro hối đoái của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Bảng trình bày các tài sản và nợ của Tập đoàn theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ.

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Tiền tệ khác quy đổi	Cộng
<b>Tài sản</b>				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	35.279	3.640	2.730	41.649
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	6.499	-	-	6.499
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	1.096.267	4.733	8.408	1.109.408
Các công cụ tài chính phát sinh và các tài sản tài chính khác (*)	(3.042.069)	-	-	(3.042.069)
Cho vay khách hàng (*)	138.838	-	-	138.838
<b>Tổng tài sản</b>	<b>(1.765.186)</b>	<b>8.373</b>	<b>11.138</b>	<b>(1.745.675)</b>
<b>Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	941.951	-	-	941.951
Tiền gửi của khách hàng	106.512	1.642	95	108.249
<b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.048.463</b>	<b>1.642</b>	<b>95</b>	<b>1.050.200</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội bảng</b>	<b>(2.813.649)</b>	<b>6.731</b>	<b>11.043</b>	<b>(2.795.875)</b>
<b>Trạng thái tiền tệ ngoại bảng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng</b>	<b>(2.813.649)</b>	<b>6.731</b>	<b>11.043</b>	<b>(2.795.875)</b>

(\*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

### 5. Tài sản đảm bảo

#### Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đang thế chấp các giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với giá trị 75.000 triệu VND (số đầu năm là 3.616.000 triệu VND) (xem thuyết minh số V.8).

#### Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Chi tiết tài sản nhận thế chấp được trình bày tại thuyết minh số VIII.3. Tập đoàn chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản thế chấp này do chưa có các hướng dẫn cụ thể cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 6. Tài sản và nợ phải trả tài chính

#### Tài sản tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	660.595	-	742.817	-
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	6.134.683	-	1.347.927	-
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	18.373.502	-	23.777.634	-
Chứng khoán kinh doanh	-	-	144.176	-
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	38.707	-
Cho vay khách hàng	51.783.052	(623.233)	44.702.595	(579.859)
Chứng khoán đầu tư	3.384.995	(6.045)	7.590.841	(5.966)
Các khoản lãi, phí phải thu	1.437.931	-	1.097.493	-
Các tài sản có khác	3.934.649	(29.304)	4.998.898	(29.304)
<b>Cộng</b>	<b>85.709.407</b>	<b>(658.582)</b>	<b>84.441.088</b>	<b>(615.129)</b>

#### Nợ phải trả tài chính

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi và vay các TCTD khác	18.118.930	26.098.723
Tiền gửi của khách hàng	56.897.722	52.195.871
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	25.404	-
Phát hành giấy tờ có giá	3.459.091	-
Các khoản lãi, phí phải trả	1.607.566	1.087.458
Các khoản nợ khác	1.017.403	1.095.070
<b>Cộng</b>	<b>81.126.116</b>	<b>80.477.122</b>

#### Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa xác định được vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán của các TCTD Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### X. BÁO CÁO BỘ PHẬN

#### 1. Báo cáo bộ phận chính yếu

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau

	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Điều chỉnh		Cộng	
					Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>I. Thu nhập</b>	1.622.984	1.035.565	1.226.176	834.608	6.903.413	6.074.801	(894.539)	(1.540.252)	8.858.034	6.404.722
1. Thu nhập lãi	1.253.602	892.232	1.183.902	783.311	6.236.464	5.240.960	(894.539)	(1.540.252)	7.779.429	5.376.251
2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	363.840	128.318	23.276	45.113	169.196	249.264	-	-	556.312	422.695
3. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	5.542	15.015	18.998	6.184	497.753	584.577	-	-	522.293	605.776
<b>II. Chi phí</b>	<b>1.063.162</b>	<b>639.227</b>	<b>1.133.437</b>	<b>733.091</b>	<b>6.419.407</b>	<b>5.418.400</b>	<b>(894.539)</b>	<b>(1.540.252)</b>	<b>7.721.467</b>	<b>5.250.466</b>
1. Chi phí lãi	948.702	537.365	937.131	548.787	4.750.029	3.738.830	(894.539)	(1.540.252)	5.741.323	3.284.730
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	764	903	7.638	7.969	64.084	58.280	-	-	72.486	67.152
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	113.696	100.959	188.668	176.335	1.605.294	1.621.290	-	-	1.907.658	1.898.584
<b>Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro</b>	<b>559.822</b>	<b>396.338</b>	<b>92.739</b>	<b>101.517</b>	<b>484.006</b>	<b>656.401</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.136.567</b>	<b>1.154.256</b>
<b>Chi phí dự phòng rủi ro</b>	<b>37.592</b>	<b>112.906</b>	<b>141.259</b>	<b>63.073</b>	<b>239.069</b>	<b>296.414</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>417.920</b>	<b>472.393</b>
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>522.230</b>	<b>283.432</b>	<b>(48.520)</b>	<b>38.444</b>	<b>244.937</b>	<b>359.987</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>718.647</b>	<b>681.863</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Điều chỉnh		Cộng	
					Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>I. Tài sản</b>	19.216.008	6.576.196	5.050.489	9.318.453	62.706.105	69.865.532	-	-	86.972.602	85.760.181
1. Tiền mặt	50.693	61.720	108.259	121.839	501.643	559.258	-	-	660.595	742.817
2. Tài sản cố định	2.804	2.972	237.513	243.230	1.111.686	1.132.406	-	-	1.352.003	1.378.608
3. Tài sản khác	19.162.511	6.511.504	4.704.717	8.953.384	61.092.776	68.173.868	-	-	84.960.004	83.638.756
<b>II. Nợ phải trả</b>	<b>8.238.086</b>	<b>6.292.765</b>	<b>10.846.740</b>	<b>9.280.010</b>	<b>62.130.218</b>	<b>65.003.832</b>	-	-	<b>81.215.044</b>	<b>80.576.607</b>
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	8.231.911	6.238.812	10.844.097	9.277.753	61.032.705	63.865.487	-	-	80.108.713	79.382.052
2. Nợ phải trả khác	6.175	53.953	2.643	2.257	1.097.513	1.138.345	-	-	1.106.331	1.194.555



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 2. Báo cáo bộ phận thứ yếu

Tập đoàn có 2 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: ngân hàng và quản lý nợ và khai thác tài sản.  
Kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Lĩnh vực ngân hàng	Lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản	Loại trừ	Cộng
<b>Năm nay</b>				
Thu nhập	8.845.164	63.003	(50.055)	8.858.112
Chi phí	8.061.124	55.909	(50.054)	8.066.979
Chi phí khấu hao tài sản cố định	72.486	-	-	72.486
Lợi nhuận trước thuế	711.554	7.094	(1)	718.647
<b>Năm trước</b>				
Thu nhập	6.379.155	58.603	(33.026)	6.404.732
Chi phí	5.628.630	59.790	(32.703)	5.655.717
Chi phí khấu hao tài sản cố định	66.796	356	-	67.152
Lợi nhuận trước thuế	683.729	(1.543)	(323)	681.863

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Lĩnh vực ngân hàng	Lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản	Loại trừ	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Tài sản bộ phận	87.282.744	530.724	(840.866)	86.972.602
Nợ phải trả bộ phận	81.552.591	3.318	(340.865)	81.215.044
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản bộ phận	86.066.196	526.750	(832.765)	85.760.181
Nợ phải trả bộ phận	80.904.119	5.252	(332.764)	80.576.607

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### XI. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	56.981	67.505
Trong vòng 2 đến 5 năm	160.046	168.461
Trên 5 năm	22.114	23.887
<b>Cộng</b>	<b>239.141</b>	<b>259.853</b>

### XII. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Rạch Giá, ngày 29 tháng 3 năm 2024



Thị Duyên  
Người lập biểu



Vũ Động Xuân Vinh  
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc





# 05

## Mạng lưới chi nhánh



CHƯƠNG 5

1

2

3

4

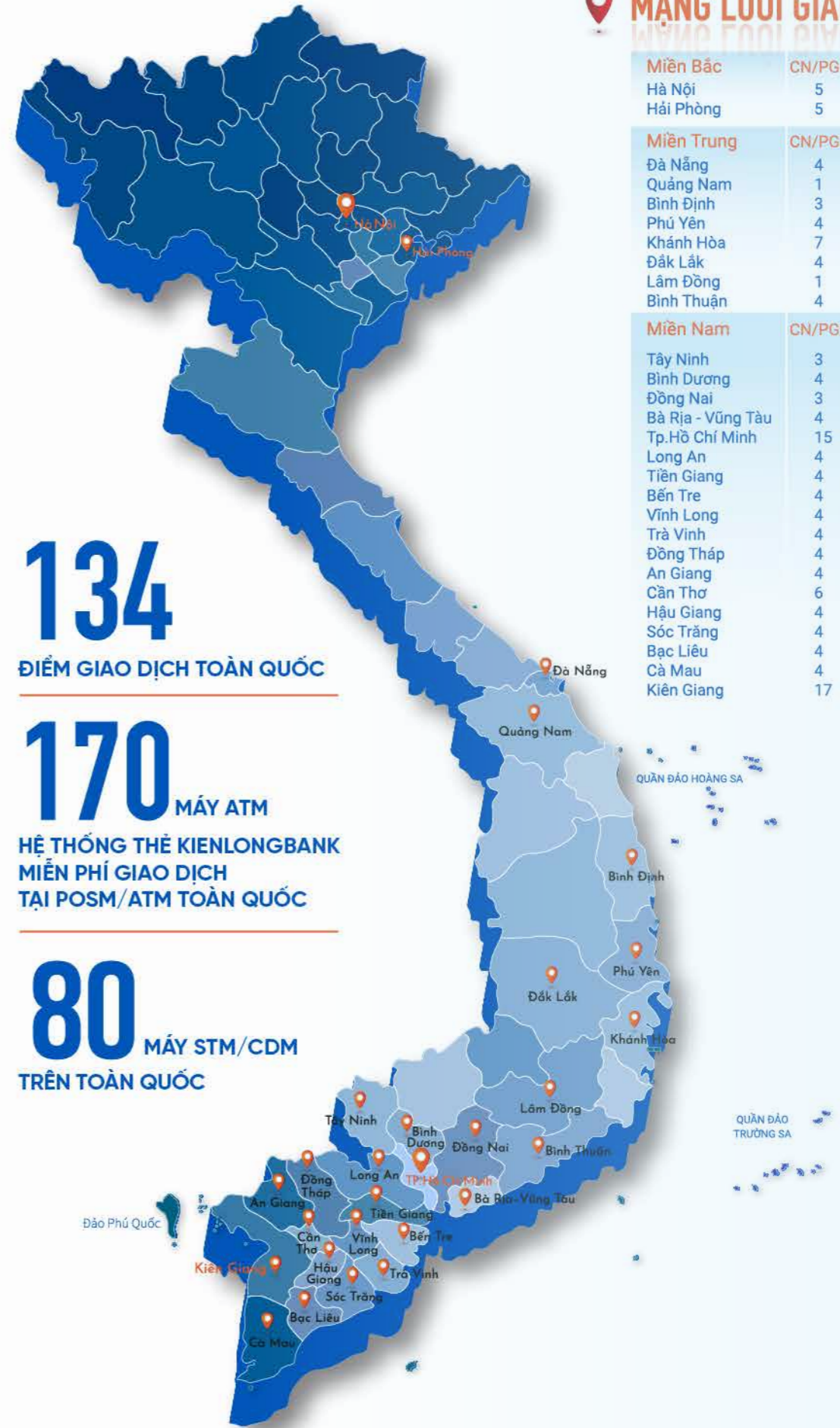
5



STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại	Email
1	<b>HỘI SỞ</b>	<b>Số 40 - 42 - 44 Phạm Hồng Thái, P. Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, T. Kiên Giang</b>	<b>0297. 3869 950</b>	<b>kienlong@kienlongbank.com</b>
2	<b>CHI NHÁNH HÀ NỘI</b>	<b>Số 19B Trần Hưng Đạo, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội</b>	<b>024. 3933 4745</b>	<b>hanoi@kienlongbank.com</b>
3	Phòng Giao dịch Thăng Long	Tầng 1-2-3, Tòa nhà số 90-92 Trung Hòa, P. Trung Hoà, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	(024) 3627 5755	thanglong.hn@kienlongbank.com
4	Phòng Giao dịch Phạm Hùng	Tầng 1 - Tầng 2 - Tầng 6, Dự án Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	024. 3514 8767	phamhung.hn@kienlongbank.com
5	Phòng Giao dịch Ba Đình	Số 17 Phố Hàng Bún, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	024. 3927 4816	badinh.hn@kienlongbank.com
6	Phòng Giao dịch Đông Đô	Tầng 1 - Tầng 2, Toà S5-6, Dự án Sunshine City Hà Nội, Khu đô thị Nam Thăng Long, P. Đồng Ngạc và P. Xuân Đình, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội	024. 3259 5545	dongdo.hn@kienlongbank.com
7	<b>CHI NHÁNH HẢI PHÒNG</b>	<b>Tầng 1-2-3, Tòa nhà HT Building, Thửa 08A, Lô 30A Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi, P. Lạc Viên, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng</b>	<b>0225. 361 1245</b>	<b>haiphong@kienlongbank.com</b>
8	Phòng Giao dịch Lạch Tray	Số 227 Lạch Tray, P. Đằng Giang, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	0225. 384 5968	lachtray.hp@kienlongbank.com
9	Phòng Giao dịch Tô Hiệu	87 Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	(0225) 356 8406	ngoquyen.hp@kienlongbank.com
10	Phòng Giao dịch Trần Nguyên Hãn	Số 167E Trần Nguyên Hãn, P. Trần Nguyên Hãn, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	0225. 371 9358	trannguyenh.hn@kienlongbank.com
11	Phòng Giao dịch Kiến An	Số 25 Trần Nhân Tông, P. Quán Trữ, Q. Kiến An, TP. Hải Phòng	0225. 354 5959	kienan.hp@kienlongbank.com
12	<b>CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG</b>	<b>Số 158-160 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng</b>	<b>0236. 625 8989</b>	<b>danang@kienlongbank.com</b>
13	Phòng Giao dịch Sông Hàn	477 Điện Biên Phủ, P.Hòa Khê, Q.Thanh Khê, TP.Đà Nẵng	0236. 364 7976	songhan.dn@kienlongbank.com
14	Phòng Giao dịch Hải Châu	51 Lê Duẩn, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	(0236) 387 1122	haichau.dn@kienlongbank.com
15	Phòng Giao dịch Ngũ Hành Sơn	Số 531, Lê Văn Hiến, P. Khuê Mỹ, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng	0236. 710 9756	nguhanhson.dn@kienlongbank.com
16	<b>CHI NHÁNH QUẢNG NAM</b>	<b>Số 163 Trần Nhân Tông, P. Vĩnh Điện, TX. Điện Bàn, T. Quảng Nam</b>	<b>0235. 366 6499</b>	<b>quangnam@kienlongbank.com</b>
17	<b>CHI NHÁNH BÌNH ĐỊNH</b>	<b>Số 98 Phạm Hùng, P. Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định</b>	<b>0256. 382 5566</b>	<b>binhdinh@kienlongbank.com</b>
18	Phòng Giao dịch An Nhơn	Số 254 Ngô Gia Tự, P. Bình Định, TX. An Nhơn, T. Bình Định	0256. 363 5356	annhon.bdi@kienlongbank.com
19	Phòng Giao dịch Tam Quan	Số 327-329 Quốc lộ 1A, TT. Tam Quan, H. Hoài Nhơn, T. Bình Định	0256. 356 5566	tamquan.bdi@kienlongbank.com
20	<b>CHI NHÁNH PHÚ YÊN</b>	<b>Số 97 Nguyễn Trãi, P.4, TP. Tuy Hòa, T. Phú Yên</b>	<b>0257. 382 9393</b>	<b>phuyen@kienlongbank.com</b>
21	Phòng Giao dịch Sông Cầu	Số 08 Nguyễn Huệ, P. Xuân Phú, TX. Sông Cầu, T. Phú Yên	0257. 369 9699	songcau.py@kienlongbank.com
22	Phòng Giao dịch Sơn Hòa	Số 173 Trần Phú, TT. Củng Sơn, H. Sơn Hòa, T. Phú Yên	0257. 386 4864	sonhoa.py@kienlongbank.com
23	Phòng Giao dịch Tuy An	Số 30 Lê Thành Phương, TT. Chí Thạnh, H. Tuy An, T. Phú Yên	0257. 386 6679	tuyan.py@kienlongbank.com
24	<b>CHI NHÁNH KHÁNH HÒA</b>	<b>Số 54A Yersin, P. Phương Sài, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa</b>	<b>0258. 356 3446</b>	<b>khanhhoa@kienlongbank.com</b>
25	Phòng Giao dịch Diên Khánh	Số 140 Lạc Long Quân, TT. Diên Khánh, H. Diên Khánh, T. Khánh Hòa	0258. 375 3111	dienkhanh.kh@kienlongbank.com
26	Phòng Giao dịch Vĩnh Hải	Số 420 đường 2/4, P. Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	0258. 354 1133	vinhhai.kh@kienlongbank.com
27	Phòng Giao dịch Ninh Hoà	Số 523A Trần Quý Cáp, P. Ninh Hiệp, TX. Ninh Hòa, T. Khánh Hòa	0258. 363 5863	ninhhoa.kh@kienlongbank.com
28	Phòng Giao dịch Cam Ranh	Số 72-74 đường 22/8, P. Cam Thuận, TP. Cam Ranh, T. Khánh Hòa	0258. 395 6767	camranh.kh@kienlongbank.com
29	Phòng Giao dịch Bình Tân	Số 260 Dã Tượng, P. Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	0258. 388 3777	binhtan.kh@kienlongbank.com
30	Phòng Giao dịch Vạn Ninh	Số 260 - 270 Hùng Vương, TT. Vạn Giã, H. Vạn Ninh, T. Khánh Hòa	0258 391 3891	vanninh.kh@kienlongbank.com
31	<b>CHI NHÁNH ĐẮK LẮK</b>	<b>Số 146 Hoàng Diệu, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk</b>	<b>0262. 384 3236</b>	<b>daklak@kienlongbank.com</b>
32	Phòng Giao dịch Tân Lập	Đường 10/3, Thôn 2, X. Cư Êbur, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk	0262. 387 5353	tanlap.dl@kienlongbank.com
33	Phòng Giao dịch Cư Kuin	Đội 4 Quốc lộ 27, Buôn Eakmar, X. Ea Bôk, H. Cư Kuin, T. Đắk Lắk	0262. 365 5666	cukuin.dl@kienlongbank.com
34	Phòng Giao dịch Buôn Hồ	Số 498 - 500 Hùng Vương, P. An Bình, TX. Buôn Hồ, T. Đắk Lắk	0262. 355 5536	buonho.dl@kienlongbank.com
35	<b>CHI NHÁNH LÂM ĐỒNG</b>	<b>Số 394 Quốc lộ 20, TT. Liên Nghĩa, H. Đức Trọng, T. Lâm Đồng</b>	<b>0263. 366 8833</b>	<b>lamdong@kienlongbank.com</b>
36	<b>CHI NHÁNH BÌNH THUẬN</b>	<b>Lô 55-Lô 56 , đường Tôn Đức Thắng, P. Xuân An, TP. Phan Thiết, T. Bình Thuận</b>	<b>0252. 373 0888</b>	<b>binhthuan@kienlongbank.com</b>
37	Phòng Giao dịch Lagi	Số 168 Lê Lợi, P. Phước Hội, TX. La Gi, T. Bình Thuận	0252. 373 0891	lagi.bth@kienlongbank.com
38	Phòng Giao dịch Hàm Tiến	Số 283 Huỳnh Thúc Kháng, P. Mũi Né, TP. Phan Thiết, T. Bình Thuận	0252. 373 0894	hamtien.bth@kienlongbank.com
39	Phòng Giao dịch Bắc Bình	Số 8, đường 18 tháng 4, TT. Chợ Lầu, H. Bắc Bình, T. Bình Thuận	0252. 373 0899	bacbinh.bth@kienlongbank.com
40	<b>CHI NHÁNH ĐỒNG NAI</b>	<b>Số 184 Hà Huy Giáp, Kp. 1, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai</b>	<b>0251. 391 8606</b>	<b>dongnai@kienlongbank.com</b>
41	Phòng Giao dịch Long Khánh	Số 302-304 đường Hùng Vương, P. Xuân Bình, TP. Long Khánh, T. Đồng Nai	0251. 387 9998	longkhanh.dna@kienlongbank.com
42	Phòng Giao dịch Long Thành	111 đường Lê Duẩn, X. Long Đức, H. Long Thành, T. Đồng Nai	0251. 352 9029	longthanh.dna@kienlongbank.com

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại	Email
43	<b>CHI NHÁNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU</b>	<b>Số 26A-28-30 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Hương Tân, P. Long Hương, TP. Bà Rịa, T. Bà Rịa - Vũng Tàu</b>	<b>0254. 373 7989</b>	<b>bariavungtau@kienlongbank.com</b>
44	Phòng Giao dịch Phú Mỹ	Số 298 Độc Lập, P. Phú Mỹ, TX. Phú Mỹ, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	0254. 389 8188	phumy.brvt@kienlongbank.com
45	Phòng Giao dịch Vũng Tàu	Số 234 Lê Hồng Phong, P.4, TP. Vũng Tàu, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	0254. 362 1621	vungtau.brvt@kienlongbank.com
46	Phòng Giao dịch Long Điền	Số 141 Võ Thị Sáu, TT. Long Hải, H. Long Điền, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	0254. 386 8687	longdien.brvt@kienlongbank.com
47	<b>CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG</b>	<b>Số 242 Yersin, P. Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương</b>	<b>0274. 387 2742</b>	<b>binhduong@kienlongbank.com</b>
48	Phòng Giao dịch Lái Thiêu	Số A62 Nguyễn Văn Tiết, KP. Đồng Tư, P. Lái Thiêu, TP. Thuận An, T. Bình Dương	0274. 379 7273	lathieu.bd@kienlongbank.com
49	Phòng Giao dịch Bến Cát	Số 304 Hùng Vương, Tổ 14, KP. 1, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, T. Bình Dương	0274. 355 7557	bencat.bd@kienlongbank.com
50	Phòng Giao dịch Dĩ An	Số 9/19 KP. Bình Minh I, TP. Dĩ An, T. Bình Dương	0274. 377 5757	dian.bd@kienlongbank.com
51	<b>CHI NHÁNH TÂY NINH</b>	<b>Số 683 Cách Mạng Tháng Tám, KP.2, P.3, TP. Tây Ninh, T. Tây Ninh</b>	<b>0276. 388 6633</b>	<b>tayninh@kienlongbank.com</b>
52	Phòng Giao dịch Trảng Bàng	Số 18 - 19 Quốc lộ 22, KP. Lộc An, P. Trảng Bàng, TX. Trảng Bàng, T. Tây Ninh	0276. 3883366	trangbang.tn@kienlongbank.com
53	Phòng Giao dịch Châu Thành	Số 1088 Hoàng Lê Kha, KP. 1, TT. Châu Thành, H. Châu Thành, T. Tây Ninh	0276. 3877977	chauthanh.tn@kienlongbank.com
54	<b>CHI NHÁNH SÀI GÒN</b>	<b>Số 98 - 108A Cách Mạng Tháng 8, P.7, Q.3, TP. HCM</b>	<b>028. 3933 3393</b>	<b>saigon@kienlongbank.com</b>
55	<b>CHI NHÁNH NHÀ BÈ</b>	<b>Số 19 Lô B2, Phân khu 18A, đường Nguyễn Hữu Thọ, X. Phước Kiến, H. Nhà Bè, TP. HCM</b>	<b>028. 3620 1430</b>	<b>nhabe.hcm@kienlongbank.com</b>
56	<b>CHI NHÁNH CẦN GIỜ</b>	<b>312 Rừng Sác, Ấp Bình Thuận, X. Bình Khánh, H. Cần Giờ, TP. HCM</b>	<b>028. 3874 2019</b>	<b>cangio@kienlongbank.com</b>
57	Phòng Giao dịch Bình Tây	Số 34A Hậu Giang, P. 2, Q. 6, TP. HCM	028. 3969 0245	binhtay.hcm@kienlongbank.com
58	Phòng Giao dịch An Lạc	Số 279 - 281 Kinh Dương Vương, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP. HCM	028. 6266 0936	anlac.hcm@kienlongbank.com
59	Phòng Giao dịch Đầm Sen	Số 870 Lạc Long Quân, P. 8, Q. Tân Bình, TP. HCM	028. 3974 1619	damsen.hcm@kienlongbank.com
60	Phòng Giao dịch Gò Vấp	Số 366A13 - 366A14 Phan Văn Trị, P. 5, Q. Gò Vấp, TP. HCM	028. 2253 2766	govap.hcm@kienlongbank.com
61	Phòng Giao dịch Ngô Gia Tự	Số 93 Ngô Gia Tự, P. 2, Q. 10, TP. HCM	028. 3833 8361	ngogiatu.hcm@kienlongbank.com
62	Phòng Giao dịch Quận 7	Tòa nhà S1, Sunshine City Sài Gòn, số 23 Phú Thuận, KP3, P. Phú Nhuận, Q. 7, TP. HCM	028. 3775 2004	quan7.hcm@kienlongbank.com
63	Phòng Giao dịch Phú Nhuận	Số 117 - 119 Nguyễn Văn Trỗi, P. 11, Q. Phú Nhuận, TP. HCM	028. 3845 5668	phunhuan.hcm@kienlongbank.com
64	Phòng Giao dịch Quận 12	Số 166 Nguyễn Ảnh Thủ, Ấp Đông, X. Thới Tam Thôn, H. Hóc Môn, TP. HCM	028. 3718 5557	quan12.hcm@kienlongbank.com
65	Phòng Giao dịch Bà Chiểu	Số 25K Phan Đăng Lưu, P.3, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	028. 3551 1191	bachieu.hcm@kienlongbank.com
66	Phòng Giao dịch Tân Sơn Nhì	Số 65 Tân Sơn Nhì, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, TP. HCM	028. 3810 3947	tansonnhihcm@kienlongbank.com
67	Phòng Giao dịch Thủ Đức	Số 1168 Kha Vạn Cân, KP. 1, P. Linh Chiểu, TP. Thủ Đức	028. 3720 5623	thuduc.hcm@kienlongbank.com
68	Phòng Giao dịch Tùng Thiện Vương	Số 344 Tùng Thiện Vương, P. 13, Q. 8, TP. HCM	028. 3951 6447	tungthienvuong.hcm@kienlongbank.com
69	<b>CHI NHÁNH LONG AN</b>	<b>Đường số 1, KCN Thuận Đạo, TT. Bến Lức, H. Bến Lức, T. Long An</b>	<b>0272. 356 7072</b>	<b>longan@kienlongbank.com</b>
70	Phòng Giao dịch Tân An	Số 50 - 52 Quốc lộ 1 (Tuyến tránh), Khu đô thị TTCH tỉnh, P. 6, TP. Tân An, T. Long An	0272. 364 7878	tanan.la@kienlongbank.com
71	Phòng Giao dịch Đức Hòa	Số 159 - 161 đường Tỉnh lộ 824, tổ 3, Ấp Bình Tả 1, X. Đức Hòa Hạ, H. Đức Hòa, T. Long An	0272. 376 8806	duchoa.la@kienlongbank.com
72	Phòng Giao dịch Cần Giuộc	Số 72A, Quốc lộ 50, Ấp Thuận Đông, X. Thuận Thành, H. Cần Giuộc, T. Long An	0272. 373 2288	cangiuoc.la@kienlongbank.com
73	<b>CHI NHÁNH TIỀN GIANG</b>	<b>Số 300-302-304-306-308 Hùng Vương, Xã Đạo Thạnh, TP. Mỹ Tho, T. Tiền Giang</b>	<b>0273. 397 2222</b>	<b>tiengiang@kienlongbank.com</b>
74	Phòng Giao dịch Cai Lậy	Số 19 Tỉnh lộ 868, Khu 1, P. 1, TX. Cai Lậy, T. Tiền Giang	0273. 377 2222	cailay.tg@kienlongbank.com
75	Phòng Giao dịch Gò Công	Số 5 Nguyễn Tri Phương, KP.1, P.2, TX. Gò Công, T. Tiền Giang	0273. 351 1666	gocong.tg@kienlongbank.com
76	Phòng Giao dịch Cái Bè	Số 326A, Kp. 3, TT. Cái Bè, H. Cái Bè, T. Tiền Giang	0273. 392 3458	caibe.tg@kienlongbank.com
77	<b>CHI NHÁNH BẾN TRE</b>	<b>517 Đại lộ Đồng Khởi, P. Phú Khương, TP. Bến Tre, T. Bến Tre</b>	<b>0275. 356 1268</b>	<b>bentre@kienlongbank.com</b>
78	Phòng Giao dịch Bình Đại	Số 60 đường 30/4, KP. 1, TT. Bình Đại, H. Bình Đại, T. Bến Tre	0275. 374 2555	binhdai.bt@kienlongbank.com
79	Phòng Giao dịch Ba Tri	Số 4A Trương Định, KP. 2, TT. Ba Tri, H. Ba Tri, T. Bến Tre	0275. 376 3888	batri.bt@kienlongbank.com
80	Phòng Giao dịch Mỏ Cày Nam	Khu phố 7, TT. Mỏ Cày, H. Mỏ Cày Nam, T. Bến Tre	0275. 366 2888	mocaynam.bt@kienlongbank.com
81	<b>CHI NHÁNH VĨNH LONG</b>	<b>Số 1K-1H đường 30/4, P.1, TP. Vĩnh Long, T. Vĩnh Long</b>	<b>0270. 385 3337</b>	<b>vinhlong@kienlongbank.com</b>
82	Phòng Giao dịch Bình Minh	Số 114 Ngô Quyền, Khóm 1, P. Cái Vồn, TX. Bình Minh, T. Vĩnh Long	0270. 374 1737	binhminh.vl@kienlongbank.com
83	Phòng Giao dịch Trà Ôn	Số 11 đường Lê Văn Duyệt, Khu 2, TT. Trà Ôn, H. Trà Ôn, T. Vĩnh Long	0270. 377 2979	traon.vl@kienlongbank.com
84	Phòng Giao dịch Vũng Liêm	Số 178 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, TT. Vũng Liêm, H. Vũng Liêm, T. Vĩnh Long	0270. 397 1999	vungliem.vl@kienlongbank.com
85	<b>CHI NHÁNH TRÀ VINH</b>	<b>Số 67 Lý Thường Kiệt, P. 3, TP. Trà Vinh, T. Trà Vinh</b>	<b>0294. 385 3999</b>	<b>travinh@kienlongbank.com</b>
86	Phòng Giao dịch Duyên Hải	Căn nhà số 2, dãy 4, căn lô 10, Khóm 1, P. 1, TX. Duyên Hải, T. Trà Vinh	0294. 383 3444	duyenhai.tv@kienlongbank.com
87	Phòng Giao dịch Tiểu Cần	Số 125A Quốc lộ 60 Khóm 2, TT. Tiểu Cần, H. Tiểu Cần, T. Trà Vinh	0294. 361 4555	tiuecan.tv@kienlongbank.com
88	Phòng Giao dịch Càng Long	Số 268 Quốc lộ 53, Khóm 3, TT. Càng Long, H. Càng Long, T. Trà Vinh.	0294. 388 5777	canglong.tv@kienlongbank.com

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại	Email
89	<b>CHI NHÁNH ĐỒNG THÁP</b>	<b>Số 30 Lý Thường Kiệt, P. 1, TP. Cao Lãnh, T. Đồng Tháp</b>	<b>0277. 387 6401</b>	<b>dongthap@kienlongbank.com</b>
90	Phòng Giao dịch Hồng Ngự	Số 38 - 40 Hùng Vương, P. An Thạnh, TP. Hồng Ngự, T. Đồng Tháp	0277. 356 3801	hongnguy.dt@kienlongbank.com
91	Phòng Giao dịch Sa Đéc	Số A22 Hùng Vương, P. 2, TP. Sa Đéc, T. Đồng Tháp	0277. 377 5555	sadec.dt@kienlongbank.com
92	Phòng Giao dịch Tháp Mười	Số 16/D Nguyễn Văn Tre, Khóm 4, TT. Mỹ An, H. Tháp Mười, T. Đồng Tháp	0277. 361 5666	thapmuoi.dt@kienlongbank.com
93	<b>CHI NHÁNH CẦN THƠ</b>	<b>Số 38 - 40 Đại Lộ Hòa Bình, P. An Cư, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ</b>	<b>0292. 381 7112</b>	<b>cantho@kienlongbank.com</b>
94	Phòng Giao dịch Cái Răng	Số 161/3B Quốc lộ 1, P. Lê Bình, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ	0292. 391 0993	cairang.ct@kienlongbank.com
95	Phòng Giao dịch Thốt Nốt	Số 477 tổ 24, KV. Phụng Thạnh 1, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	0292. 361 2100	thotnot.ct@kienlongbank.com
96	Phòng Giao dịch Ô Môn	Số 969B/6, KV. 4, P. Châu Văn Liêm, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ	0292. 366 5657	omon.ct@kienlongbank.com
97	Phòng Giao dịch Vĩnh Thạnh	Số 71 QL. 80, Ấp Vĩnh Quới, TT. Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ	0292. 364 1992	vinhthanh.ct@kienlongbank.com
98	Phòng Giao dịch Bình Thủy	Số 77 CMT8, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ	0292. 388 1841	binhthuy.ct@kienlongbank.com
99	<b>CHI NHÁNH RẠCH GIÁ</b>	<b>Số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, P. Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, T. Kiên Giang</b>	<b>0297. 386 9950</b>	<b>rachgia@kienlongbank.com</b>
100	Phòng Giao dịch Bến Nhứt	Ngã ba Bến Nhứt, X. Long Thạnh, H. Giồng Riềng, T. Kiên Giang	0297. 382 2690	bennhut.kg@kienlongbank.com
101	Phòng Giao dịch Số 02	Số 171, KP. Kinh B, TT. Tân Hiệp, H. Tân Hiệp, T. Kiên Giang	0297. 371 7273	kinhb.kg@kienlongbank.com
102	Phòng Giao dịch Số 03	Số 28 đường 30/4, TT. Giồng Riềng, H. Giồng Riềng, T. Kiên Giang	0297. 382 1476	giongrieng.kg@kienlongbank.com
103	Phòng Giao dịch Số 04	Số 349 Quốc lộ 80, TT. Kiên Lương, H. Kiên Lương, T. Kiên Giang	0297. 385 6368	kienluong.kg@kienlongbank.com
104	Phòng Giao dịch Rạch Sỏi	Số 1A Cách mạng tháng 8, P. Vĩnh Lợi, TP. Rạch Giá, T. Kiên Giang	0297. 391 2468	rachsoi.kg@kienlongbank.com
105	Phòng Giao dịch Kinh 8	Số 147, Ấp Đồng Thành, X. Thạnh Đông A, H. Tân Hiệp, T. Kiên Giang	0297. 373 0900	kinh8.kg@kienlongbank.com
106	Phòng Giao dịch Hà Tiên	Số 171 Mạc Thiên Tích, P. Bình San, TP. Hà Tiên, T. Kiên Giang	0297. 395 2810	hatien.kg@kienlongbank.com
107	Phòng Giao dịch Tân Hiệp	Số 29 KP. B, TT. Tân Hiệp, H. Tân Hiệp, T. Kiên Giang	0297. 372 7268	tanhiep.kg@kienlongbank.com
108	Phòng Giao dịch Vĩnh Thuận	Số 942 Vĩnh Phước 2, TT. Vĩnh Thuận, H. Vĩnh Thuận, T. Kiên Giang	0297. 358 0460	vinhthuan.kg@kienlongbank.com
109	Phòng Giao dịch An Biên	Số 135 QL. 63, Kp. 3, TT. Thứ 3, H. An Biên, T. Kiên Giang	0297. 351 0858	anbien.kg@kienlongbank.com
110	Phòng Giao dịch Gò Quao	Số 65, đường 3/2, KP. Phước Trung 2, TT. Gò Quao, H. Gò Quao, T. Kiên Giang	0297. 366 0977	goquao.kg@kienlongbank.com
111	Phòng Giao dịch Hòn Đất	Số 32 Tổ 8, KP. Trí Tôn, TT. Hòn Đất, H. Hòn Đất, T. Kiên Giang	0297. 378 6898	hondat.kg@kienlongbank.com
112	Phòng Giao dịch Tân Thành	Số 358 Ấp Tân Tiến, X. Tân Thành, H. Tân Hiệp, T. Kiên Giang	0297. 373 7148	tanthanh.kg@kienlongbank.com
113	Phòng Giao dịch An Minh	Khu phố 3, TT. Thứ 11, H. An Minh, T. Kiên Giang	0297. 394 5599	anminh.kg@kienlongbank.com
114	<b>CHI NHÁNH PHÚ QUỐC</b>	<b>Số 139 đường 30/4, KP. 1, P. Dương Đông, TP. Phú Quốc, T. Kiên Giang</b>	<b>0297. 384 8621</b>	<b>phuquoc@kienlongbank.com</b>
115	Phòng Giao dịch An Thới	Số 109 Nguyễn Văn Cừ, KP. 3, P. An Thới, TP. Phú Quốc, T. Kiên Giang	0297. 399 9993	anthoi.kg@kienlongbank.com
116	<b>CHI NHÁNH AN GIANG</b>	<b>Số Lô 21, 22A2 Lý Thái Tổ, K.3, P. Mỹ Long, TP. Long Xuyên, T. An Giang</b>	<b>0296. 394 0945</b>	<b>angiang@kienlongbank.com</b>
117	Phòng Giao dịch Châu Đốc	Số 26 Phan Văn Vàng, Khóm Châu Quới 3, P. Châu Phú B, TP. Châu Đốc, T. An Giang	0296. 356 6338	chaudoc.ag@kienlongbank.com
118	Phòng Giao dịch Tân Châu	Số 30 Nguyễn Văn Linh, P. Long Thạnh, TX. Tân Châu, T. An Giang	0296. 359 6027	tanchau.ag@kienlongbank.com
119	Phòng Giao dịch Thoại Sơn	Số 311 Nguyễn Huệ, TT. Núi Sập, H. Thoại Sơn, T. An Giang	0296. 625 9149	thoisoi.ag@kienlongbank.com
120	<b>CHI NHÁNH HẬU GIANG</b>	<b>Số 44 đường 1/5, P.1, TP. Vị Thanh, T. Hậu Giang</b>	<b>0293. 358 2277</b>	<b>haugiang@kienlongbank.com</b>
121	Phòng Giao dịch Long Mỹ	Số 44N Cách Mạng Tháng 8, KV. 2, P. Thuận An, TX. Long Mỹ, T. Hậu Giang	0293. 351 1868	longmy.hg@kienlongbank.com
122	Phòng Giao dịch Phụng Hiệp	Số 639 Quốc lộ 1A, Ấp Tân Phú A, TT. Cái Tắc, H. Châu Thành A, T. Hậu Giang	0293. 393 6678	phungthiep.hg@kienlongbank.com
123	Phòng Giao dịch Ngã Bảy	Số 29 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Ngã Bảy, TP. Ngã Bảy, T. Hậu Giang	0293. 396 3678	ngabay.hg@kienlongbank.com
124	<b>CHI NHÁNH SÓC TRĂNG</b>	<b>Số 193 - 197 Trần Hưng Đạo, P.3, TP. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng</b>	<b>0299. 364 5668</b>	<b>soctrang@kienlongbank.com</b>
125	Phòng Giao dịch Vĩnh Châu	Số 45D Nguyễn Huệ, P. 1, TX. Vĩnh Châu, T. Sóc Trăng	0299. 388 8688	vinhchau.st@kienlongbank.com
126	Phòng Giao dịch Thạnh Trị	Số 333 Quốc lộ 1A, TT. Phú Lộc, H. Thạnh Trị, T. Sóc Trăng	0299. 381 8838	thanhtri.st@kienlongbank.com
127	Phòng Giao dịch Trà Quýt	Số 123 ấp Trà Quýt A, TT. Châu Thành, H. Châu Thành, T. Sóc Trăng	0299 3839 379	traquyt.st@kienlongbank.com
128	<b>CHI NHÁNH BẠC LIÊU</b>	<b>Số 466 Trần Phú, Khóm 1, P. 7, TP. Bạc Liêu, T. Bạc Liêu</b>	<b>0291. 395 8860</b>	<b>baclieu@kienlongbank.com</b>
129	Phòng Giao dịch Hộ Phòng	Số 164 ấp 02, TT. Hộ Phòng, H. Giá Rai, T. Bạc Liêu	0291. 367 2636	hophong.bl@kienlongbank.com
130	Phòng Giao dịch Hồng Dân	Khu nhà phố 6D, đường Nguyễn Thị Minh Khai, TTTT TT. Ngàn Dừa, H. Hồng Dân, T. Bạc Liêu	0291. 356 0866	hongdan.bl@kienlongbank.com
131	Phòng Giao dịch Phước Long	Ấp Nội Ô, TT. Phước Long, H. Phước Long, T. Bạc Liêu	0291. 358 1626	phuoclong.bl@kienlongbank.com
132	<b>CHI NHÁNH CÀ MAU</b>	<b>Số 26 -28 Phan Ngọc Hiến, P.4, TP. Cà Mau, T. Cà Mau</b>	<b>0290. 359 5999</b>	<b>camau@kienlongbank.com</b>
133	Phòng Giao dịch Đầm Dơi	Số 04 Trần Văn Phú, Khóm 4, TT. Đầm Dơi, H. Đầm Dơi, T. Cà Mau	0290. 394 2999	damdoi.cm@kienlongbank.com
134	Phòng Giao dịch Năm Căn	Số 02 An Dương Vương, Khóm 2, TT. Năm Căn, H. Năm Căn, T. Cà Mau	0290. 387 8668	namcan.cm@kienlongbank.com
135	Phòng Giao dịch Thới Bình	Số 102 đường 3/2, Khóm 8, TT. Thới Bình, H. Thới Bình, T. Cà Mau	0290. 386 1999	thoibinh.cm@kienlongbank.com
136	<b>VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN MIỀN BẮC</b>	<b>Tầng 6 Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng, P. Mỹ Đình, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội</b>	<b>024.7303 7768</b>	<b>vpdd@kienlongbank.com</b>
137	<b>VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN MIỀN NAM</b>	<b>98-108A Cách Mạng Tháng 8, P. Võ Thị Sáu, Q. 3, TP. HCM</b>	<b>028.3933 3393</b>	<b>vpddhcm@kienlongbank.com</b>



## MẠNG LƯỚI GIAO DỊCH

Miền Bắc	CN/PGD	ATM
Hà Nội	5	6
Hải Phòng	5	5
Miền Trung	CN/PGD	ATM
Đà Nẵng	4	4
Quảng Nam	1	1
Bình Định	3	3
Phú Yên	4	5
Khánh Hòa	7	7
Đắk Lắk	4	4
Lâm Đồng	1	1
Bình Thuận	4	3
Miền Nam	CN/PGD	ATM
Tây Ninh	3	4
Bình Dương	4	3
Đồng Nai	3	3
Bà Rịa - Vũng Tàu	4	4
Tp.Hồ Chí Minh	15	17
Long An	4	8
Tiền Giang	4	4
Bến Tre	4	4
Vĩnh Long	4	4
Trà Vinh	4	4
Đồng Tháp	4	5
An Giang	4	6
Cần Thơ	6	6
Hậu Giang	4	4
Sóc Trăng	4	4
Bạc Liêu	4	5
Cà Mau	4	4
Kiên Giang	17	22

**134**  
ĐIỂM GIAO DỊCH TOÀN QUỐC

**170** MÁY ATM  
HỆ THỐNG THẺ KIENLONGBANK  
MIỄN PHÍ GIAO DỊCH  
TẠI POSM/ATM TOÀN QUỐC

**80** MÁY STM/CDM  
TRÊN TOÀN QUỐC



KienlongBank 



**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

40-42-44 Phạm Hồng Thái, P. Vĩnh Thanh Vân, TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

 1900 6929

 [www.kienlongbank.com](http://www.kienlongbank.com)